

NĂM THỨ 7 - NGÀY 15-6-63

BACH

KHOA

trong số này

HOÀNG THÁI LINH *nhân cái chết của một vị*
Giáo Hoàng • TIÊU DÂN *vấn đề kỳ thị chủng*
tộc tại Hoa-Kỳ • TRẦN HƯƠNG TỬ *Heldegger*
và ý nghĩa con người • BỬU KẾ *một khi hoàng*
cung lâm bệnh • VIỆT ANH *cáo chế độ chính*
trị trên thế giới ngày nay • TRẦN VĂN KHÊ
lá thư Thụy-Sĩ • VÕ QUANG YẾN *22 vòng*
quanh trái đất • PHONG GIAO *kinh nghiệm đời*
văn • TƯỜNG LINH *vi lã* • HỮU PHƯƠNG
dạ ca 1 • VÕ HỒNG *đôi chim bồ câu* •
ĐOÀN THỀM *hòa âm 22* • HOÀI HƯƠNG *kỷ*
niệm • PHẠM CÔNG THIỆN *về nguồn* • MẠC
LY CHÂU *về những chiều buồn* • LÊ TẮT ĐIỀU
con đường xuống • PHAN DUY NHÂN *phác*
họa • HÙNG LÂN — TRẦN VIỆT VẤN *trả lời*
cuộc phỏng vấn về âm nhạc • NGUYỄN THỊ
VINH *thu buồn* • TUỆ MAI *có người tuổi trẻ*
hôm nay • **SINH HOẠT :**

John Steinbeck và giải Nobel
62 • *Giải Formentor 1962*
(Ngu-Í và Trạng-Thiên thuật)

155



Ngài có biết chăng ?

TRONG QUẢ CAM CŨNG NHƯ QUẢ CHANH, QUẢ QUÍT HAY QUẢ BƯỞI, LỚP VỎ NGOÀI KHÔNG BAO GIỜ ĐỤNG ĐÈN LỚP THỊT CỦA CÁC MÚI BÊN TRONG. LỚP VỎ VÀ LỚP THỊT CỦA CÁC MÚI ĐƯỢC PHÂN CÁCH RIÊNG BIỆT BỞI MỘT LỚP DA TRẮNG CÓ TÁC DỤNG GÌN GIỮ VỊ THƠM CỦA LỚP VỎ KHÔNG ĐỂ CHẤT CHUA CỦA LỚP THỊT LAN VÀO.

NHỜ LỚP DA TRẮNG NÀY MÀ VỎ CŨNG NHƯ THỊT ĐỀU TƯƠI TỐT MÃI, KHÔNG SỢ HƯ THÚI.

VERIGOUD CŨNG SẮP XẾP MỘT CÁCH TRẬT TỰ NHƯ TẠO HÓA ĐÃ LÀM, NÊN CHẤT THƠM CỦA LỚP VỎ BÊN NGOÀI ĐƯỢC PHA CHUNG VỚI NƯỚC ĐƯỜNG VÀ CHUA RIÊNG BIỆT (BÊN DƯỚI CHAI) TRONG KHI CHẤT CHUA (PHẦN TRÊN) ĐƯỢC NGĂN CÁCH BỞI MỘT CHIẾC NÚT KHÔNG THÂM NƯỚC, LÀM THÈ ĐỂ TRÁNH MỌI SỰ HƯ THÚI.

ĐÓ LÀ BÍ QUYẾT VỀ PHÂM CHẤT CỦA NƯỚC TRÁI CÂY NGUYÊN CHẤT VERIGOUD MÀ KHI DÙNG NÓ, NGÀI CÓ THÈ PHA MỘT LY NƯỚC CHANH HOẶC NƯỚC CAM NGON LẠNH NHƯ ĐÃ PHA BẰNG TRÁI CÂY VỪA MỚI HÁI.

VERIGOUD có đặt bán tại các hiệu buôn đúng đắn với giá mỗi chai chỉ có 68s

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hàng chính (Siège Social)

ĐÀI-BẮC — TRUNG-QUỐC

Phân-hàng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện thoại : 21.549 và 24.547

CHI NHÁNH CHOLON (Agence de Cholon)

138, Đại-lộ Không-Tử (Bd Gaudot)

Điện thoại : 35.268 và 36.269

KHO HÀNG : HƯ-KHỐ và KHO THƯỜNG

(Entrepôt Frictil et Ordinaire)

300, Đại-lộ Trịnh-Minh-Thê, Khánh-Hội, Saigon

Điện thoại : 24.859

Danh sách điện báo : COMMUBANK



CÁC HÃNG ĐẠI-LÝ THIẾT LẬP TRÊN CÁC THÀNH THỊ LỚN KHẮP THẾ GIỚI, CHUYÊN DOANH TẤT CẢ CÁC NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG : VÀ KIÊM DOANH CÁC NGHIỆP VỤ HƯ-KHỐ VÀ KHO-THƯỜNG (ĐỂ CHO THÂN CHỦ ĐƯỢC TIỆN LỢI GỞI TRỮ HÀNG HÓA) ; VÀ CÓ TỰ BẢO HIỂM CHO THUÊ, MỖI TỬ TIỀN THUÊ MỖI NĂM TỪ 300 \$ TRỞ LÊN.



Đường bay

HOA - SEN VIỆT - NAM

SAIGON — HONG-KONG

Hai chuyến mỗi tuần : THỨ BA và THỨ BẢY

bằng PHI-CƠ GẮN MÁY RA-ĐA

D C 6 B

(All weather radar equipped)



Mỗi thứ Ba : Khởi hành tại SAIGON : 08 g 30

Mỗi thứ Bảy : Khởi hành tại SAIGON : 15 g 00

XIN HỎI CHI TIẾT VÀ LẤY VÉ NƠI CÁC HÃNG DU-LỊCH HAY :

**VIỆT-NAM
HÀNG-KHÔNG**

116 NGUYỄN HUỆ SAIGON Đ.T. 21.624.21.625.21.626

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

HỘI NẠC DANH VỐN 5.600.000 P L M

Sở thương mại - Saigon số : 157 B

Q. G. D. B. 55 826.21 001

C. C. P. SAIGON No 27 04



TRỤ SỞ : 29, Bến Chương-Dương — SAIGON

Điện-thoại : 23.434/35/36 & 21.018 — Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh : Hàng lang Eden, Saigon

Điện thoại : 23.207



ĐAM NHIỆM TẤT CẢ CÁC NGHIỆP-VỤ NGÂN HÀNG
MỞ CÁC KHOAN TÍN DỤNG VỀ
XUẤT-CANG — NHẬP-CANG

ĐẠI-DIỆN CÁC NGÂN-HÀNG TRÊN THẾ-GIỚI

BANK OF CHINA

Siège Social TAIPEI - TAIWAN

Capital : 80.000.000 Silver Dollars

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Code : Peterson Internationale 4th Edition

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES

LES GRANDES VILLES DU MONDE

SUCCURSALE DE SAIGON :

11, Bn Chương Dương

Téléphone : 21.632-21.633

AGENCE DE CHOLON :

218, đại-lộ Đông-Khánh

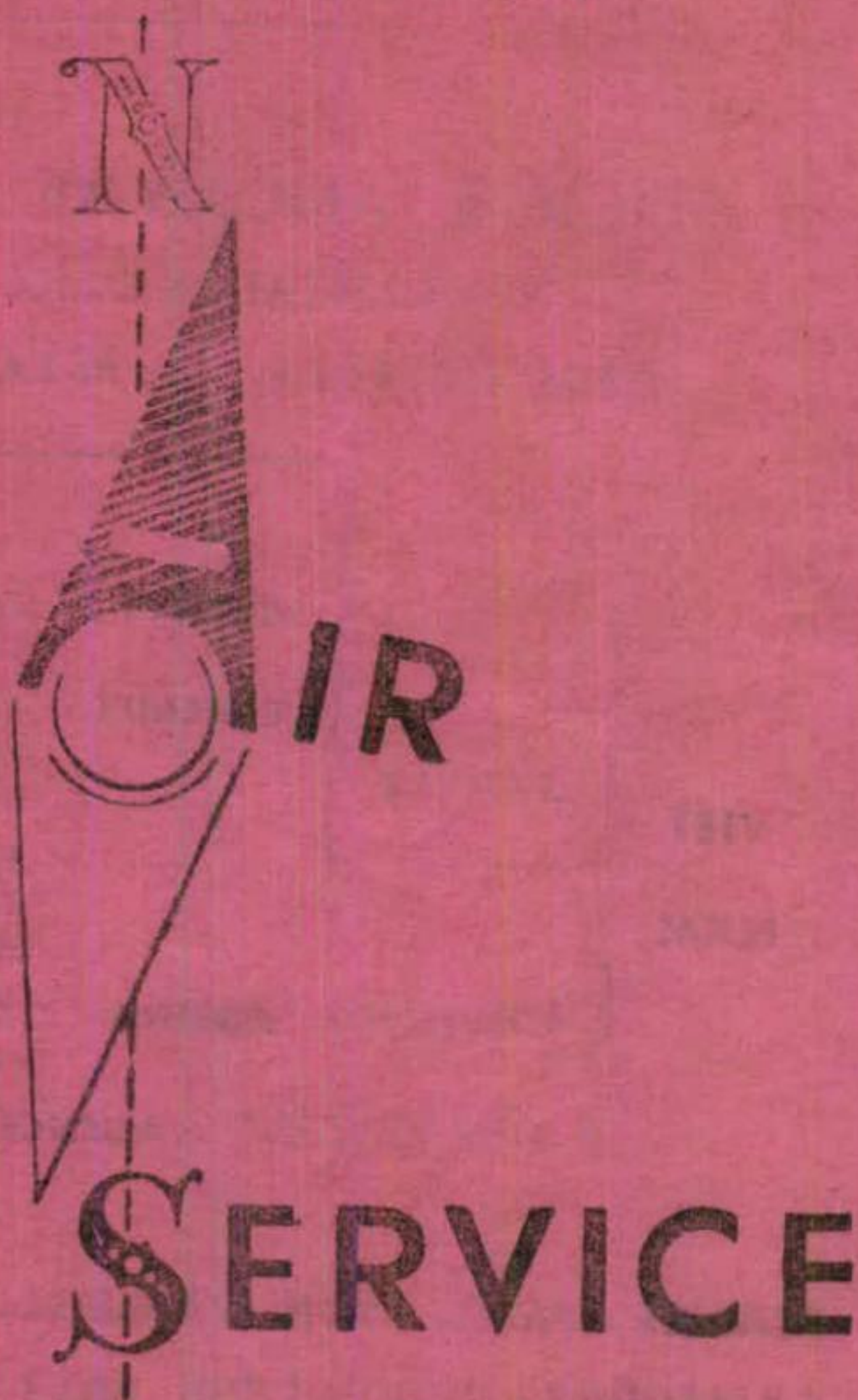
Téléphone : 36.266

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCE COMPANY, LTD.

Maritime — Incendie — Automobile — Accidents

Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime,



DENIS FRÈRES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- Pan American Airways
- Cathay Pacific Airways Ltd
- Thai Airways Company
- American Express
- United States Line

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIÉTÉ ANONYME FRANÇAISE

AU CAPITAL 5.300.000 FRANCS

SIÈGE SOCIAL : 74, Rue St-LAZARE — PARIS

**VIET
NAM**

SAIGON

AGENCE : 32, Dai - Lô Hàm - Nghi —
Tél : 20.065, 20.066, 20.067

BUREAUX : 178 - 180 - 182, Duong Lô
Thanh - Tôn (Marché cen-
tral) — Tél. : 22.142

: 415 - 417, Duong Hai Ba
Trung (Tân-Dinh) — Tél. :
25.172.

CHOLON : **AGENCE** : 386, Dai - lô Đông - Khanh
(Cholon) — Tél. : 36.105.

KHANH HUNG : **AGENCE** : 23, Duong Hong-Dien.

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE, MONTPELLIER

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG,
KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

LOCATION DE COFFRES-FORTS PAR L'AGENCE DE SAIGON
TOUTES OPÉRATIONS DE BANQUE ET DE CHANGE

BÁCH

KHOA trong số này

Số 155 ngày 15-6-63

TIỂU-DẪN vấn đề kỳ thi chủng tộc tại Hoa-Kỳ	3
HOÀNG-THÁI-LINH nhân cái chết của một vị Giáo Hoàng	12
TRẦN-HƯƠNG-TỬ Heidegger và ý nghĩa con người	19
BỬU-KẾ một khi Hoàng cung lâm bệnh	25
VIỆT-ANH vấn đề phân loại các chế độ chính trị trên thế giới ngày nay	31
TRẦN-VĂN-KHÊ lá thư Thụy-Sĩ	39
VÕ-QUANG-YẾN 22 vòng quanh trái đất	53
PHONG-GIAO kinh nghiệm đời văn (dịch E. Caldwell)	57
TƯỜNG-LINH vi lô (thơ)	65
HỮU-PHƯƠNG dạ ca I (thơ)	66
VÕ-HỒNG đôi chim bồ câu (truyện ngắn)	67
HOÀI-HƯƠNG kỷ niệm (thơ)	69
PHẠM-CÔNG-THIỆN về nguồn (thơ)	72
MẠC-LY-CHÂU về những chiều buồn (thơ)	76
ĐOÀN-THÊM hòa âm XXI (thơ)	77
LÊ-TẮT-ĐIỀU con đường xuống (truyện ngắn)	78
HÙNG-LÂN — TRẦN-VIỆT-VẤN trả lời cuộc phỏng vấn âm nhạc	89
PHAN-DUY-NHÂN phác họa (thơ)	107
NGUYỄN THỊ-VINH thu buồn (thơ) — TUỆ-MAI có người tuổi trẻ hôm nay (thơ)	108
TRÀNG-THIỆN giải Formentor 62	109
John Steinbeck và giải Nobel 62 (Ngư-lý thuật buổi nói chuyện của Trần-Phong)	112

BÁCH-KHOA

trong những số tới

<i>Đi tìm một chủ nghĩa xã hội Châu-Phi</i>	TIÊU-DÂN
<i>Ý niệm về Thê : các kiểu và các vẻ đẹp</i>	ĐOÀN-THÊM
<i>Heidegger và ý nghĩa con người</i>	TRẦN-HƯƠNG-TỬ
<i>Mẹ nhân tạo</i>	CÔ-LIÊU
<i>Vấn đề Giải-thoát trong Nguyên-thủy và Đại-thừa Phật giáo</i>	THANH-THUYỀN
<i>Sự quan hệ của tiếng Việt đối với Việt- kiểu ở Pháp</i>	MỘNG-TRUNG
<i>Vài nét về một số nhà văn hiện đại của Châu-Mỹ La-Tinh</i>	TRÀNG-THIÊN
<i>Có công mài... sét</i>	NGUYỄN-HỮU-NGƯ
<i>Người bẻ ghi (truyện dịch Mỹ-Latinh)</i>	NGUYỄN-MINH-HOÀNG
<i>Cái quan tài của Trúc-Anh (truyện ngắn)</i>	VŨ-HẠNH
<i>Thăm chị buổi chiều (truyện ngắn)</i>	VÕ-PHIẾN
<i>Con muỗi đêm nay (truyện ngắn)</i>	Y-UYÊN
<i>Lớp học trưa (truyện ngắn)</i>	NGHIÊM-THỊ-VŨ-PHI
<i>Cái vốc tre (truyện ngắn)</i>	LƯƠNG-THẾ-NAM

VẤN ĐỀ KỶ THỊ CHỦNG-TỘC TẠI HOA-KỲ VÀ VỤ ALABAMA

THÁNG 4 năm 1963. Tranh chấp giữa cộng-hòa Saint-Domingue và Haïti trở nên trầm-trọng. Trong bao nhiêu nguyên-nhân sâu-xa, người ta nhắc nhở đến mâu-thuân giữa hai dân-tộc có màu da khác nhau : người Haïti da đen, người Sanit-Domingue — giống lai trắng — da đen lợt.

Tháng 5. Vụ Alabama, một tiểu-bang Nam-Mỹ, nổ bùng, một phong-trào tranh-đấu chống kỳ-thị chủng-tộc.

Thế là một lần nữa vấn-đề kỳ-thị chủng-tộc tại Hoa-Kỳ được đặt ra. Và một lần nữa lương-tri con người ở mọi nơi bị kích-động.

Từ kẻ nô-lệ đến người « công dân hạ-đẳng »

Ngược giòng lịch-sử, người ta nhớ bài diễn văn nầy lửa của Frederick

Douglass, nhà văn trứ danh da đen, ngày 4 tháng 7 năm 1852.

Ngày 4 tháng 7, tám mươi sáu năm trước (4-7-1776), mười ba cựu thuộc địa, cời ách ngoại-bang, được thừa nhận độc lập, dưới danh hiệu Hiệp chúng quốc hay Hoa-Kỳ.

Ngày kỷ-niệm lịch-sử của nhân dân Mỹ vậy. Nhưng thay mặt cho người da đen nô-lệ, ông Douglass nói thẳng với người da trắng :

Ngày 4 tháng 7 của các ông có ý-nghĩa nào đối với người nô-lệ Mỹ-Châu ?

Tôi xin trả lời các ông : đó là một ngày mà người nô-lệ Châu-Mỹ thấy rõ, hơn bất cứ ngày nào, nỗi bất-công, sự tàn-ác mà hần là nạn-nhân thường-xuyên.

Đối với hần, những lẽ-lạc của các ông là một sự gian-trá, nền tự-do của các ông là một sự phóng-túng vô đạo, vinh quang

VẤN ĐỀ KỶ THỊ CHỦNG TỘC TẠI HOA KỲ...

quốc-gia của các ông là danh-từ khoa trương. Những tiếng kêu la vui mừng của các ông, đối với hân, tàn-nhân và vô nghĩa, việc các ông tổ-cáo những kẻ độc-tài chỉ là sự phách lối vô liêm sỉ, những tiếng reo hò của các ông nhân-danh tự-do, bình đẳng chỉ là một sự che giấu phỉnh-phờ...

Các ông tự-hào về tinh thần yêu-chuộng tự-do, về nền văn-hóa siêu-đẳng, về tính-cách thanh-khiết của Thiên-Chúa giáo, trong khi hai lực lượng chính-trị của quốc-gia (mà hai chính-đảng tiêu-biểu) lại long-trọng cam-kết ủng-hộ và kéo dài chế-độ nô-lệ của ba triệu người đồng xứ-sở với các ông... » (1)

Những lời trên và cuộc đời của ông Frederick Douglass chỉ là một trong nhiều chứng-tích của phong-trào giải phóng nô-lệ. Những người nô-lệ bây giờ bị mua đi, bán lại và sử-dụng như gia-súc. Và họ thuộc về giống người da màu.

Hơn tám mươi năm sau, trong thời đệ-nhị thế-chiến, người ta có dịp ngậm-ngùi khi nghe tiếng nói của một nhà thơ da đen :

Hãy nhận cho tôi được là người, được khổ đau được khóc.

Đừng buộc tôi phải ăn mày khi tôi đã nuốt nhục đến tận cặn rồi.

Cũng đừng buộc tôi phải khấn cầu trước cánh cửa lớn và nặng nề.

Hãy để tôi bước vào mảnh đất chung của chúng ta.

Hãy mở cửa ra, cho không khí và ánh sáng vào.

Hãy giữ chỗ của tôi trong buổi liên-hoan giữa những con người.

Và niềm vui, xin tiếp tục. (2)

Những lời cầu xin, khẩn khoản ấy chúng nhận một điều : cho đến bây giờ người da đen vẫn chưa được là người như người da trắng.

Non một thế kỷ rồi. Chế-độ mãi-nô đã lui về dĩ-vãng. Nhưng người da đen vẫn bị kỳ thị về màu da của họ.

Trên dưới hai mươi năm sau, những năm 60, tình-trạng kỳ-thị chủng-tộc vẫn còn là sự thật đau buồn ở Nam-Mỹ. Năm ngoái, vụ sinh-viên Meredith, da đen, ở Mississipi, hiện thời vụ Birmingham, ở Alabama.

Người da đen, trước pháp-luật, là công-dân Hiệp-chúng-quốc, với đầy đủ ý nghĩa của danh-từ. Nhưng trong thực-tê, ở một số tiểu-bang Nam-Mỹ, họ là hạng « công-dân hạ-đẳng ».

Một vấn-đề khó-khăn và phức-tạp

Tình-trạng không làm vinh-dự chút nào cho loài người văn minh ấy là hậu quả đau buồn của chủ nghĩa chủng tộc.

Những người theo chủ-nghĩa này tin rằng Thượng-đế sinh ra có chủng-tộc đầy đủ khả-năng, đức tính, có chủng-tộc kém hèn, do đây, có

(1) (2) Trích quyền « Les Noirs dans la civilisation américaine » của Margaret Just Butcher do Françoise Vernan và Jean Rosenthal dịch ra Pháp văn.

TIÊU-DÂN

chủng-tộc siêu đẳng, có chủng-tộc hạ-đẳng.

Căn-cứ vào nhận-định ấy, có những người lý-luận rằng, bởi lẽ chủ-nghĩa chủng-tộc khởi-phát từ một thành-kiến về chủng-tộc, người ta có thể dập tắt phong trào kỳ-thị chủng-tộc, một khi đánh đổ được thành-kiến kia.

Vấn-đề không giản-dị như thế.

Sự thật những người nắm giữ quyền thống trị một số người khác, đã thấy nơi chủ-nghĩa chủng-tộc một khả-năng tự vệ, một phương sách biện-minh. Tự-vệ theo ý nghĩa giữ gìn ưu thế của mình và biện-minh để người bị trị thấy sự lệ-thuộc của họ là phải, sự thống trị của lớp người kia là chính đáng.

Một người thống trị một số đông người khác không thể chỉ nhờ vào sức mạnh mà thôi. Người ấy cần một số ý-niệm, biểu-tượng có tác dụng làm thêm đậm đà nơi đầu óc số người kia cảm tưởng rằng người ấy thuộc về một đẳng cấp cao hơn họ, đáng điều khiển họ.

Một chủng tộc thống-trị một chủng tộc khác cũng vậy; họ cần tạo ra những yếu-tố tinh-thần, trứu tượng, để làm hậu-thuần, có thể giúp che giấu sự kém hèn thật sự của họ; chủng-tộc thống-trị phải dối lừa bằng mọi cách để giữ-gìn quyền thống-trị vậy.

Trong một mức-độ nào, uy quyền phải được thiêng liêng hóa, bởi vì một người dễ vâng phục một người khác hơn nếu thấy rằng, trong thực-tế,

minh vâng phục không phải một đồng loại mà một hệ-thống, một đẳng-cấp và những yếu-tố này vốn dĩ ở trong vòng trật-tự thiên-nhiên.

Những kẻ cầm quyền, và ngay đến những phần tử thực-dân tầm thường, hay nhắm vào những sự khác biệt về chủng-tộc để xác-nhận vị-trí ưu-thê của họ. Trong những sự khác biệt này, họ dựa vào màu da và xây dựng lý-thuyết về ưu-thê trên màu da trắng của họ, khác với làn da đậm màu của lớp người bị-trị. Từ điểm này, họ quan-niệm không có gì nhục-nhã, bằng làm hoen-ô màu da trắng bởi sự hỗn-hợp chủng-tộc. Đi xa hơn nữa, họ quan-niệm toàn thể người da trắng sẽ phản đối, nếu họ sống bình-đẳng với người khác màu da.

Như thế, sự kỳ-thị chủng-tộc không phải do thành-kiến chủng-tộc gây ra mà, trái lại, chính sự kỳ-thị đã đẻ ra thành-kiến, bởi vì thiếu số thống-trị da trắng thấy cần kỳ-thị, thấy kỳ-thị là phương-sách bảo-vệ, duy-trì ưu-thê, uy-quyền của họ.

Đổi thay đối xử : có thể, từ bỏ thành-kiến : khó-khăn

Vậy thì những gì đã làm nên thành-kiến chủng-tộc cần được xem xét kỹ hơn nữa vì đây là yếu-tố trứu-tượng và cái gì trứu-tượng không đổi thay dễ-dàng theo một quyết định của bất cứ một uy quyền nào.

Khi những người Âu đi chinh-phục thuộc địa, họ gồm một thiểu-số bên cạnh nhân-dân bản-xứ. Ở đất mới,

VẤN ĐỀ KỶ THỊ CHÚNG TỘC TẠI HOA KỲ...

họ động chạm với những xã-hội mà họ xem là lạc hậu, không văn-minh sơ-khai, man rợ, v. v... Quen lấy xã-hội châu Âu của họ làm tiêu chuẩn giá-trị, họ có khuynh-hướng xem khinh giá-trị những xã-hội không cùng tính-chất và trạng-thái. Tất cả những gì « lạ » và « khác » đối với họ trở nên « thấp kém » dễ dàng. Nói chung họ sinh ra, lớn lên trong một hệ-thống giá-trị đạo-đức và xã-hội mà họ mặc-nhiên chấp nhận và xem có tính-cách tuyệt-đối. Cho nên mới có khuynh-hướng tự-tôn và khinh-thị nói trên. Yếu-tố tinh-thần nẩy thêm vào yếu-tố cần-thiết tạo một hàng rào phân-cách cụ-thể giữa thông-trị và bị-trị, làm cho người da trắng đi chinh phục thuộc địa có một mặc-cảm tự-tôn và kỳ-thị chủng-tộc đậm-đà, trong đó người ta khó lòng phân-tích đâu là ảnh-hưởng chính-trị, đâu là khuynh-hướng tự-nhiên.

Và điều ác hại là thành-kiến chủng-tộc có ảnh hưởng truyền nhiễm. Thường khi cả một dân-tộc cũng mắc phải tinh-thần tự tôn đối với những người màu da không trắng chỉ vì một lẽ giản-dị là một nhóm người, thuộc dân-tộc ấy, thông trị một số đông người, khác màu da, ở thuộc địa. Một thường-dân da trắng ở « chính quốc » có thể lập luận rằng ở các thuộc địa, người da trắng đều hơn người da đen là thường, tất nhiên ở bất cứ nơi nào đâu không phải là thuộc địa, người da đen cũng phải kém người da trắng.

Đền khí phong trào giải-phóng các dân-tộc nhược-tiểu bùng lên và liên tiếp thắng-lợi... Chề-độ thuộc địa lùi về dĩ-vãng. Một mối tương-quan mới được thiết-lập giữa người da trắng thông trị hôm qua và người da đen, giờ đây độc-lập. Hàng rào phân-cách để giữ uy thế thông-trị không có lý-do tồn-tại nữa, phải ngã nhào. Người da trắng, dù nghĩ sao trong lòng, cũng phải đổi thay cung-cách đối xử, nếu muốn giữ quyền-lợi văn hóa hoặc kinh-tế, chiến-lược tại nước thuộc-địa cũ.

Nhưng người dân da trắng ở đây chưa chắc đã cảm thấy thật sự một trật-tự bình-đẳng mới, nhất là, nếu họ ở lại, điều nầy có nghĩa là quốc-gia mới độc-lập cần đền họ, cần vốn hay cần kinh-nghiệm kỹ-thuật, trình-độ văn-hóa. Và càng không chắc người dân da trắng ở Châu-Âu, ở « chính quốc cũ » cảm thấy cần một sự đổi thay thái-độ. Cái gì bắt buộc họ ? Đó là chưa nói rằng nỗi niềm chua xót về sự rụi tàn một thời kỳ đế-quốc vàng son có giá-trị một yếu-tố cản-ngăn họ gạt bỏ trong tâm-tưởng mặc-cảm tự-tôn và khinh-thị đồng-loại khác màu da.

Tình-trạng kỳ-thị chủng-tộc có thể chậm dứt trong thực tế nhưng tinh thần kỳ-thị chủng-tộc vẫn còn, không dễ-dàng tiêu-tan vậy.

Với nhận-thức ấy, người ta hãy xem xét vấn-đề kỳ-thị chủng-tộc tại Nam-Mỹ. Một điểm căn-bản của tình-hình cần được quan tâm : ở đây người da trắng nắm giữ tất cả quyền-hành, từ quyền-hành-chánh, đến quyền cung

cấp việc làm của giới tư-bản kinh doanh.

Như vậy người da trắng ở đây còn tất cả ưu-thế. Người da đen tranh đấu đòi bình-đẳng phải húc đầu vào hai bức tường vô-cùng kiên-cô : chính-quyền tiểu-bang và « bức tường bạc » hay thế lực kinh-tài. Chưa nói thành-kiến về màu da ăn sâu trong đầu óc khỏi người da trắng.

Có một số dữ-kiện của vắn-đề rồi, ta hãy theo dõi vụ dân da đen tranh đấu ở tiểu-bang Alabama.

Bất bạo-động giữa một mùa xuân nóng

Một thanh-niên da đen bị một cảnh-binh da trắng túm ngực và một con chó bet-giê của cảnh-binh cắn vào bụng. Người cảnh-binh ấy có nét mặt — nhất là nụ cười — thích thú một cách ác-độc, trong khi thanh-niên da đen, bị đồng loại khác có màu da — và chó — tấn công cùng một lúc, vẫn giữ một thái độ bình tĩnh, lạnh lùng.

Hình ảnh này được phổ biến khắp thế giới. Nó còn nói nhiều hơn hình ảnh đám dân da đen chống lại các vòi nước của cảnh-binh da trắng muốn dập tắt cuộc biểu-tình.

Người xem hình nguyên rủa viên cảnh-sát trưởng ngu-xuẩn bạo-tàn — với thủ-đoạn dùng chó — nhưng đồng thời cảm thấy rung động sâu xa hơn vì quyết tâm tranh đấu của một thế hệ người da đen mới, không còn chút ảnh hưởng tinh thần sợ sệt của thế hệ nô lệ ngày nào.

Khắp Hoa-Kỳ, tâm-hình gây ra sự công-phản đòi với những phương-pháp hành động của sở cảnh-sát Birmingham, nhưng đồng thời nó còn làm cho mọi người xúc động mãnh liệt hơn trong sự ngạc-nhiên và kính-trọng, trước những người da đen dám ngang cao đầu, không khuất-phục. Người da đen không còn cúi mình, nhìn xuống và tránh-lỗi đi, trước người da trắng nữa. Người da đen xác định nhân-cách của mình, tiến lên, thâu-hồi địa-vị mà mình phải có.

Giữa những tiếng hoan hô nhiệt liệt tại Greenwood (Mississippi) một cán-bộ lãnh-đạo của tổ-chức N. A. A. C. P (Hiệp-hội tranh đấu cho sự tiến-bộ của người da đen) tuyên-bồ : « Mỗi khi có một trong những kẻ da trắng ấy tìm cách tỏ với bạn rằng nó cao hơn bạn, bạn hãy đứng thẳng lên và nhổ vào mặt nó ».

Tại Nữu ước, một sinh-viên da đen bảo : « Tôi yêu mến người anh em da trắng nhưng tôi xem chừng anh ta ». Người ta hỏi nguyện-vọng của một nông-dân da đen khôn-cùng. Người này không đòi hỏi lương-tiền, quyền-lợi vật-chất mà chỉ muốn một điều. Câu trả-lời ngắn : Tự-do !

Eugene Connor, cảnh-sát trưởng Birmingham, biệt-danh là « Con bò rừng », tuyên-bồ : « Ở Mỹ-Châu, cái làm phiền người ta là chủ-nghĩa Cộng-sản, chủ-nghĩa Xã-hội và báo-chí ». Nhưng những người da đen vốn không cộng-sản, không xã-hội cũng chẳng làm báo, đã thẳng ông ta.

VĂN ĐỀ KỲ THỊ CHÚNG TỘC TẠI HOA KỲ...

Ông đã thể bỏ tù tất cả những người da đen nổi lên chống đối nhưng với hơn hai nghìn người da đen bị bắt thì nhà tù hết chỗ rồi và độ ba trăm thanh niên da đen được giam giữa trời, ngoài sân, dưới mưa. Trong những cuộc lùng «ráp» để «hốt» tất cả những người biểu tình luôn miệng hát thánh ca, sở cảnh sát không có đủ «xe cây» để sử dụng và phải trưng dụng đèn xe buýt của các nhà trường.

Mùa xuân ở Alabama nóng nực lắm; người ta nghe tiếng cười của những người biểu tình tiếp đón những vòi nước mát của cảnh sát đàn áp họ.

«Con bò rừng» hạ lệnh dừng chó của cảnh sát và cảnh binh bắt đầu tấn công bằng gậy cao su, cùng với chó bẹt giê.

Trong những tuần lễ đầu tiên, lực lượng tranh đấu gồm toàn người lớn. Cảnh sát trưởng Conner chỉ tỏ ra yếu ớt có một lần: Khi ông nhận thấy danh ca da đen, mù, Al Hibbler, trong số người biểu tình bị bắt. Ông ra lệnh tha Al Hibbler nhưng chỉ vài phút sau đó cảnh binh lại thấy người danh ca ấy trong một nhóm biểu tình khác vừa bị bắt.

Đền ngày thứ ba mươi của phong trào, «con bò rừng» bỗng «húc» phải một tình hình không hề dự liệu: người lớn bị giam nhiều quá rồi, bây giờ đền lượt con nít thế thay.

Thiếu nhi, nhi đồng, từ lớp mẫu giáo trở lên, kéo nhau ra đường biểu



Mục sư
Martin Luther King

tình. Chúng tiến lên theo hàng dày, vui tươi hơn mà cũng cương quyết hơn phụ huynh của chúng. Nhưng cha mẹ chúng cũng không phải vắng mặt hoàn toàn. Người ta thấy một người đàn bà ôm đứa con 4 tuổi.

Việc sở cảnh sát dùng chó đã gây sự phản nộ trong nước. Sự xuất hiện của lực lượng nhi đồng làm người ta lo ngại nhiều hơn.

Ông bộ trưởng tư-pháp Robert Kennedy tỏ ý ngại rằng các lãnh tụ da đen đã sai lầm trong việc đưa trẻ em ra đường, vào cuộc đấu tranh. Mục sư Shuttlesworth bảo ông: «Ông khỏi phải lo cho con em của chúng tôi. Chúng nó được chôn đất vững vàng».

Tuy nhiên nước cờ cũng thật là nguy hiểm nhất là khi vài người da đen đã rút dao toan chống cự với những con chó hung dữ và những người khác đã ném gạch, đá, vỏ chai như mưa vào cảnh binh.

Nhưng rốt cuộc nhi đồng đã thắng, bởi vì chúng đã nêu gương cho những phần tử nhút nhát, cầu an nhật và tất cả đều nhào ra đường tranh đấu.

Nhưng điều quan trọng hơn hết là thắng lợi của một chiến thuật : thuật bắt bạo động của mục sư Martin Luther King.

Người da đen không hành hung, không phá phách, cương quyết nhưng ôn hòa, bình tĩnh xác nhận quyền bình đẳng của mình : họ đến ngồi, đứng ở tiệm ăn, rạp hát, khách sạn, bến xe buýt v. v... tất cả nơi nào người da trắng tỏ sự phân biệt màu da. Đuổi họ nơi này, họ chạy đi tập trung nơi khác. Bắt họ, họ vui vẻ vào nhà tù. Bắt tốp này, xuất hiện tốp khác, càng đông hơn, và cũng càng quyết tâm. Mục sư King tin rằng đến một lúc nào đó rừng người bắt bạo động trở thành một sức mạnh vô định. Bao nhiêu nhà tù cũng không đủ. Bao nhiêu biện pháp đàn áp, khủng bố cũng vô hiệu. Người da đen sẽ thắng mà kẻ khởi xướng và lãnh đạo là Mục sư Martin Luther King.

Tiếng hét hận thù sẽ lấn át giọng thánh ca ?

Cuộc tranh đấu ở Birmingham đánh dấu một giai đoạn lịch sử quan trọng của người da đen Hiệp-chúng-quốc. Bảy năm về trước, cũng tại tiểu bang Alabama này, mục sư Martin Luther King đã phát động phong trào tẩy chay xe buýt Montgomery. Bốn mươi nghìn người da đen hưởng ứng phong trào. Công ty xe buýt này đã

tỏ thái độ kỳ thị chủng tộc bằng cách phân biệt chỗ ngồi của người da trắng với chỗ ngồi của người da đen. Bị tẩy chay, công-ty phải khánh tận.

Từ hơn mười mấy năm về trước, người da đen đã đưa ra trước pháp luật những vụ kỳ thị chủng tộc gai chướng nhất. Các luật-sư đã cãi ở trước tòa án địa phương, tòa Thượng thẩm, tòa Tối cao. Năm nầy tiếp năm khác, cuộc tranh đấu kéo dài. Đến năm 1954 thì người da đen ghi một thắng lợi : pháp luật liên bang kết án sự kỳ thị chủng tộc trong địa hạt giáo dục.

Thắng-lợi làm phần khởi mọi người da đen. Từ thế giới chiến tranh lần thứ hai đến nay, thật ra, nhờ sự ủng hộ của chính quyền liên bang, họ đã thu hoạch được khá nhiều kết quả tranh đấu cải thiện hoàn cảnh. Nhưng cho đến nay đã có bao nhiêu người da đen được thu nhận vào các trường học của người da trắng ? Có những bản thông kê đánh lạc sự thật. Thật ra, mặc dầu phần lớn các trường Nam Mỹ tuyên bố chính thức tẩy bỏ sự kỳ-thị, người ta chỉ thu nhận cực kỳ giới hạn : với vài trăm học sinh da trắng, người ta nhận một tốp nhỏ học sinh da đen, có khi chỉ một học sinh da đen.

Người da đen không chấp nhận cái lối « hợp chủng » tượng trưng đôi lứa ấy nữa ; lối « hợp chủng tượng trưng » nầy (intégration symbolique : token integration) có ý nghĩa rằng một nguyên tắc tuyệt đối ngày xưa (ưu thế của bạch chủng) đã bị

VẤN ĐỀ KỶ THỊ CHUNG TỘC TẠI HOA KỲ...

đánh đổ nhưng nó vẫn không đem lại một đôi thay căn bản trong thực tế hàng ngày.

Và người da đen thấy cần đấu tranh mạnh hơn.

Họ xuất phát từ nhà thờ. Họ lên đường tranh đấu sau khi cầu nguyện và ra đi biểu tình, luôn miệng hát thánh ca. Họ tiến đến tòa thị sảnh trình bày yêu sách. Hội đồng thành phố không tiếp họ và bảo cảnh binh giải tán họ với những phương pháp đã nói ở trên.

Người da đen không hành động tiêu cực nữa (như không dùng xe buýt, không chống cự với cảnh binh đàn áp). Mặc dầu họ chưa chống cự đường hoàng, quyết liệt với lực lượng cảnh bị của người da trắng, tiêu biểu cho một trật tự bất công và lỗi thời, họ đã bắt đầu hành động tích cực hơn: họ tiến về tòa thị sảnh, họ chống cự lại những con chó của cảnh sát. Một số ít người da đen đã tiến xa hơn, chống cự với cảnh binh bằng gạch, đá, vỏ chai.

Mục sư King, với tư cách lãnh tụ da đen, phải tiến theo cho kịp trình độ của quần chúng, cho kịp nước tiến của phong trào.

Ngày xưa người da đen biết trước rằng đấu tranh đấu đến đâu, họ cũng thua. Thề hệ da đen mới, trái lại, hiểu rằng bao nhiêu hàng rào chướng ngại sự bình đẳng chủng tộc đều đang rung rinh hay đã đổ sụp. Họ ngạc nhiên và phẫn nộ khi còn phải vấp chân vào những trở

lực ấy. Họ nóng nảy đập đổ đề tiên mạnh, tiên nhanh hơn, và họ tỏ ra cương quyết hơn thế hệ bốn mươi tuổi. Thề hệ này cần phải cố gắng chạy theo và tiến lên dẫn đầu phong trào, đem lòng can đảm, sự bình tĩnh và kinh nghiệm đấu tranh phục vụ phong trào.

Pháp luật đã công khai, chính thức thừa nhận quyền bình đẳng của người da đen. Nhưng bao nhiêu sự việc hàng ngày chứng tỏ rằng nhiều người da trắng ở Nam Mỹ đã cố tình xem những quyết định của Tối cao pháp viện, của chính phủ liên bang như không có. Vậy thì người da đen phải tiến hành cuộc tranh đấu theo một phương thức khác.

Ra đường biểu tình, thị uy, yêu sách. Đó là tình hình vừa xảy ra ở Birmingham thuộc tiểu bang Alabama. Đó cũng là việc xảy ra ở các nơi khác ở Nam Mỹ.

Mục sư King và các lãnh tụ da đen đang đứng trước một tình hình nghiêm trọng: sở cảnh sát Birmingham — xin hiểu là một số người da trắng ích kỷ, lạc hậu ở đó — đã dùng bạo lực đàn áp những kẻ đấu tranh một cách ôn hòa. Nếu sự trạng này tiếp diễn, nó sẽ gây ra một phong trào phản ứng của người da đen mà không ai có thể dự liệu được hậu quả.

Chỉ cần những phản tử quá khích da trắng thôi cũng đủ khiến người da đen thêm chút nữa. Giống tổ nhứt định sẽ nổ bùng. Ly nước chỉ cần thêm tràn ngập và nước sẽ biến thành lửa tức ra hận thù.

TIÊU-DÂN

Các lãnh tụ da đen liệu có thể kìm hãm được người da đen nữa trong phương thức tranh đấu ôn hòa chăng ?

Không ai dám tin. Và ai cũng sợ rồi đây giọng hát thánh ca sẽ tắt chìm trong tiếng thét hận thù nguy hiểm.

Thế nào cũng thắng nhưng phải trả giá nào ?

Không chỉ các lãnh tụ da đen ở Alabama — cũng như ở các tiểu bang Nam Mỹ khác — mà người da trắng thức thời cũng lo lắng.

Một số thương gia, kỹ nghệ gia da trắng ở Birmingham đã ký kết với các lãnh tụ da đen một thỏa ước, thừa nhận trong phạm vi quyền lực của họ, những yêu sách của người da đen. Đây là một thắng lợi của chiến thuật bắt bạo động do mục sư Martin Luther King đề xướng. Nhưng những phần tử da trắng quá khích đã phá hoại bằng sự khủng bố, mưu toan làm cho thỏa ước kia vô hiệu lực.

Trong khi ấy thì các nhà tư bản miền Bắc thế tất phải ngại ngùng trong công cuộc đầu tư, giữa một tình hình bất ổn và còn có thể trầm trọng hơn.

Trên cương vị quốc gia, chính phủ liên bang cũng tỏ ra lo ngại nhiều. Tổng thống Kennedy đã đưa quân liên bang đến Alabama, đã liên tiếp áp dụng nhiều biện pháp trong phạm vi quyền hành và trách nhiệm của ông, để người da trắng Nam Mỹ tôn trọng luật pháp liên bang và đoạn tuyệt với sự kỳ thị chủng tộc.

Tất nhiên đây là nói về thái độ, việc làm, sự đối xử của con người.

Còn tinh thần kỳ thị, mặc cảm tự tôn là vẫn để khác.

Phong trào đấu tranh đòi bình đẳng của người da đen đã bắt đầu vượt ra ngoài giới hạn tiểu bang Alabama cũng như bắt đầu «nóng» dần.

Người da trắng cũng hiểu như người da đen rằng sự thắng lợi của phong trào này là một sự kiện tất yếu, dù muốn dù không cũng phải đến.

Vấn đề là sự thắng lợi ấy sẽ đến trong không khí nào, sẽ được đối với giá nào : máu xương bạo động hay nụ cười hòa giải.

Trách nhiệm đặt ra cho mọi người, nhất là người da trắng ở Nam Mỹ. Một thi sĩ da đen đã nói :

... Bởi vì miệng lời

Nở một nụ cười

Và cổ họng tôi chuyển rung trong tiếng hát

Anh không tin rằng

Sau bấy nhiêu tháng ngày nén giữ khổ đau.

Bởi vì miệng tôi

Nở một nụ cười

Anh không nghe tiếng kêu của hồn tôi...

Người da trắng Nam Mỹ phải ý thức bước đi của lịch sử và tỏ ra phục thiện, thức thời. Về một mặt nào, đây cũng là một sự chọn lựa, dù người ta nghĩ sao trong lòng : giữa tiếng hát, nụ cười và tiếng thét, tiếng kêu thù hận.

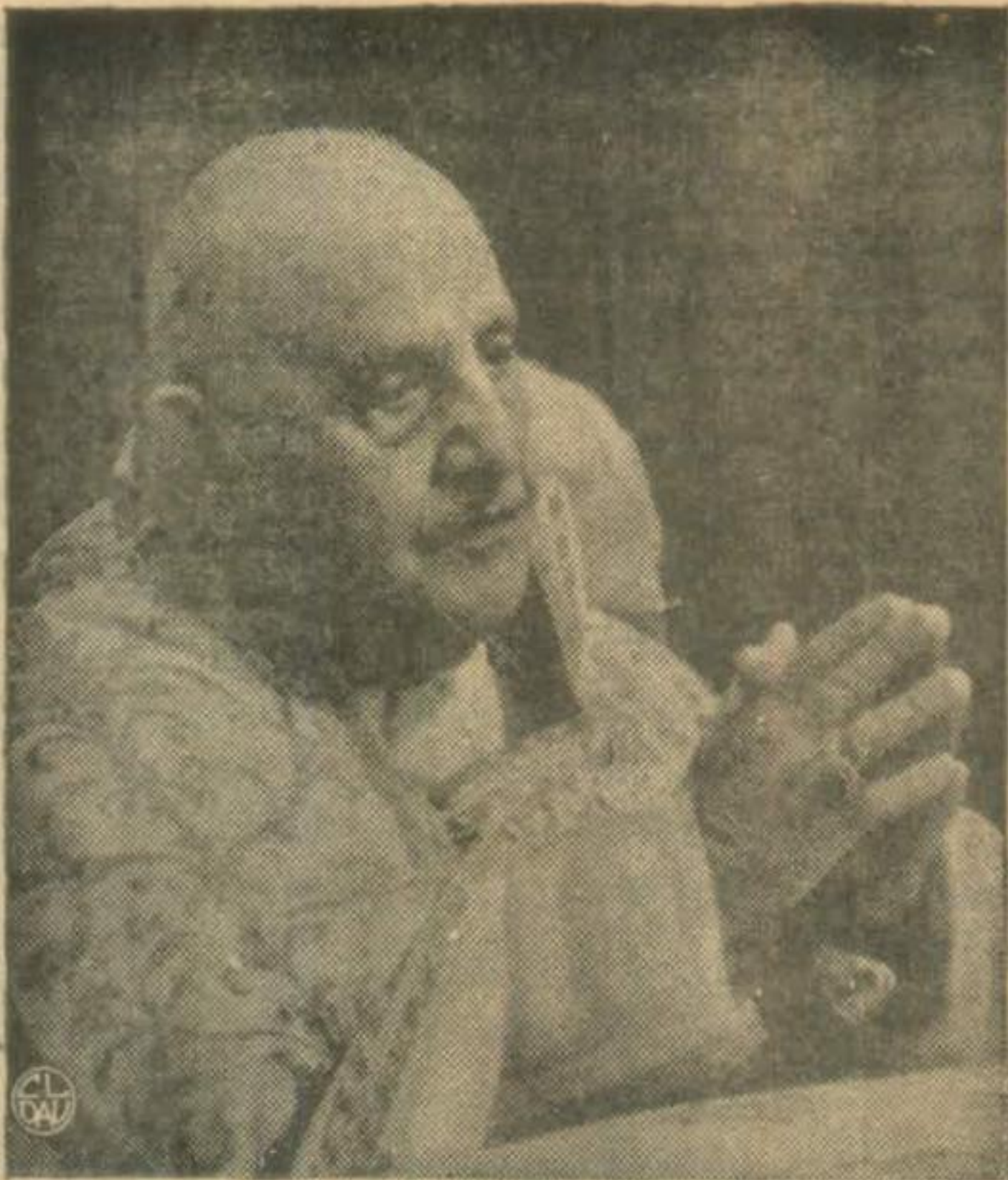
TIÊU-DÂN

5-6-63

Thuật theo các tài liệu :

Le racisme dans le monde depuis 1945 của
Christopher Hill

Le problème des Blancs của Claude Julien
Les Noirs dans la civilisation Américaine của
Margaret Just Butcher



Nhân cái chết của một vị Giáo Hoàng

Ý nghĩa những biểu lộ mến thương

TIN Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII từ trần đã gây một xúc động lớn lao trên toàn thế giới. Các vị đại diện cho những quốc gia đang giữ vai trò lãnh đạo trong các phe Tự-do, Trung-lập, Cộng-sản cũng như những vị đứng đầu các tôn giáo lớn khác như Tin-lành, Phật giáo đều gởi điện chia buồn và bày tỏ nỗi niềm thương tiếc một người mà tất cả đều đồng thanh coi như một vĩ nhân của thế giới ngày nay.

Sự kiện đó chắc hẳn phải có một ý nghĩa vượt quá giới hạn những xã

giao bó buộc. Trong một thế giới còn phân chia thành nhiều lực lượng chống đối nhau và phân tán bởi nhiều tôn giáo, ý thức hệ khác nhau, nhân loại vẫn chưa thoát khỏi những thảm trạng cầu xé nhau, hay ít ra đồ kỵ tranh chấp với nhau, bỗng nhiên có một sự nhất trí đồng thanh như vậy không khỏi làm cho ta xúc động và suy nghĩ. Ông U Thant, tổng thư ký Liên hiệp-quốc và cũng là một tín đồ Phật giáo tuyên bố : « Một trong những đời sống cao quý nhất và một tinh thần kết tinh các đức tính cao quý nhất của con người không còn nữa. Cái chết của Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII thấm thía đến tâm can mọi người trên thế giới, nhận thấy

ngài là biểu hiệu của thế giới đại đồng hòa bình và đoàn tụ... »

Đại hội đồng các giáo phái Tin-lành trên thế giới gửi điện văn cho Tòa thánh chia buồn : « Chúng tôi xin Ngài nhận lời chia buồn sâu xa của chúng tôi nhân dịp Đức Giáo Hoàng tạ thế. Ngài đã góp phần rất nhiều vào những quan hệ anh em giữa các giáo phái cùng tin tưởng nơi một Thiên-Chúa duy nhất và xin cầu cho Ngài yên nghỉ và công cuộc của Ngài được kết quả... »

Thủ tướng Krouchtchev, trong một thông điệp phân ưu gửi cho Hồng-y Cícognani và được Thông tấn xã Tass loan đi, đã viết : « Chúng tôi sẽ giữ một kỷ niệm tốt đẹp của Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII mà cả thế giới đều biết Ngài đã hoạt động cho việc duy trì và củng cố hòa bình. Ngài được tất cả các nước yêu chuộng hòa bình tôn kính ».

Tại sao Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII được tất cả những người khác nhau về chính kiến chính trị và về tín ngưỡng tôn trọng và yêu mến ? Vì tất cả đã nhìn thấy ở Ngài một « *Chứng nhân* » cho những gì là *Tình Tự nhân loại* và một vị « *Sứ Thần* » của những gì là khát vọng sâu sắc, trường tồn và phổ biến nhất của con người dù con người đó là con người theo một chủ nghĩa hay tin theo một tôn giáo nào mặc lòng. Nói cách khác, tất cả mọi người có thể mến phục Giáo Hoàng Gioan XXIII vì tâm lòng yêu nhân loại và nỗi lo lắng tranh đấu thực hiện hòa bình, sự

công chính của Ngài. Nhưng sở dĩ cái chết của Ngài, gây xúc động trên toàn thế giới không phải chỉ vì cá nhân của Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII là một người yêu chuộng hòa bình và sự công bằng xã hội, nhưng còn là vì cá nhân đó là lãnh tụ của một trong những tôn giáo lớn nhất hiện nay. Do đó cái chết của một vị lãnh tụ của hơn 600 triệu người chắc hẳn phải mặc một tầm quan trọng, nhất là khi cái khối người đó lại ở một khu vực hiện còn giữ vai trò chủ động trong sinh hoạt của cộng đồng thế giới. Giả sử đông đảo quần chúng công giáo không phải ở Bắc Mỹ và Âu-Châu (kể cả Nga-Sô) mà là ở vùng chậm tiến như Phi-Châu hay Á-Châu thì chưa hẳn cái thế lực tinh thần của Thiên-Chúa-Giáo đã có một tầm quan trọng đặc biệt trong thế giới ngày nay.

Đã hẳn từ sau thế giới đại chiến lần thứ hai, với phong trào giải phóng các dân tộc Á-Phi. Âu-Châu không còn phải là một trung tâm thế giới nắm giữ một cách tuyệt đối vận mệnh thế giới. Nhưng vượt quá cuộc giải phóng chính trị, các nước Á-Phi vẫn còn là một khu vực chậm tiến, nghĩa là lệ thuộc, không hoàn toàn chủ động nhất là về kinh tế, (và do đó về chính trị) cho nên phải nhận rằng những quyết định lớn có ảnh hưởng tới vận mệnh các quốc gia trên thế giới chủ yếu vẫn còn ở vùng các nước tiền bộ Âu-châu theo Thiên Chúa giáo hay chịu ảnh hưởng sâu đậm của Tôn giáo đó.

NHÂN CÁI CHẾT CỦA MỘT VỊ GIÁO-HOÀNG

Chính vì thế mà người ta có thể nhận ra tầm quan trọng của cái thế lực tinh thần của đạo công giáo và do đó, của Đức Giáo-Hoàng là người lãnh đạo tối cao đạo đó. Nếu những lực lượng chính trị thường dựa vào những lực lượng tinh thần, tôn giáo, thì sự thay đổi đường lối thái độ chỉ đạo những lực lượng tinh thần, tôn giáo tất nhiên có thể tác dụng vào sự thay đổi những tương quan giữa các lực lượng chính trị đã dựa vào những lực lượng tinh thần đó.

Thế giới ngày nay đang chứng kiến một sự tranh chấp gắt gao và toàn diện giữa hai lực lượng đối lập. Nhưng những khí giới hạt nhân và hiểm họa một cuộc chiến tranh nguyên tử đã bắt buộc các nước trên thế giới phải dần dần đi vào sự lựa chọn con đường điều đình hợp tác làm phương thức giải quyết những tranh chấp, bắt hòa nếu không muốn phiêu lưu vào một cuộc chiến tranh nguyên-tử là một thứ tự sát tập thể hoàn toàn vô lý. Tuy nhiên người ta chỉ có thể tìm ra những căn bản thỏa thuận và xác định được những hình thức chung sống trong Hòa-Bình nếu người ta thực sự muốn Hòa - Bình. Do đó điều quan trọng ở đây là một sự thay đổi *thái độ tâm tình* như điều kiện tiên quyết của mọi thay đổi tương quan lực lượng, tương giao quốc tế. Chẳng hạn cần đi tới một thái độ có thiện chí thật, một tinh thần cởi mở, bao dung nhìn nhận tha nhân, nhìn nhận tha nhân là công nhận người khác có thế khác ta và tôn trọng sự khác biệt đó. Nếu không có những thái độ đó,

tất cả những điều đình thỏa hiệp chỉ là giả dối lừa bịp và do đó không thể đi tới Hòa Bình, Đoàn Tụ thực sự được.

Sở dĩ cái chết của Đức Giáo-Hoàng Gioan XXIII có một tính cách thời sự đặc biệt là vì vai trò quan trọng của Ngài và của Giáo hội công giáo mà Ngài là lãnh tụ trong việc tranh đấu góp phần vào việc thực hiện những sự thay đổi tinh thần, thái độ như cửa ngõ đưa thế giới đến những chân trời của nền Hòa Bình đích thực...

Những thay đổi thái độ

Trong một cộng đồng gồm những người, những đoàn thể theo những quan điểm chính trị hay tôn giáo khác nhau, người ta có thể thay đổi những thái độ cư xử với nhau mà không bỏ buộc phải tự phủ nhận, nghĩa là từ bỏ những quan điểm của mình.

Những thay đổi thái độ này tạo ra bầu không khí thuận hòa hay gay cấn và dĩ nhiên đưa tới những hậu quả ích lợi hay tai hại cho sự sống còn của các đoàn thể của cộng đồng. Muốn thay đổi một thái độ cư xử, chủ yếu là phải do vị lãnh tụ của đoàn thể thực thi trước tiên sự thay đổi đó. Người ta nhớ lại hồi Đức Giáo Hoàng Piô XII còn sống. Ngài là một khuôn mặt khắc khổ, kín đáo, thiên về cô lập và độc đoán. Xuất thân từ giòng họ quý phái La-Mã, phong cách của Piô XII là một thứ nghiêm nghị, cao kỳ, trịnh trọng. Đối với những quan điểm đối nghịch, Ngài thường hay giữ một thái độ bảo thủ, cứng

rắn, thiên về kết án hơn là tìm hiểu, bao dung.

Trái lại, Gioan XXIII, xuất thân từ nông dân, là một Giáo Hoàng bình dân của quần chúng. Vừa lên ngôi, ngài đã không muốn sống biệt lập xa cách như truyền thống của các giáo hoàng trước, chẳng hạn, không ăn cơm một mình và không đi ra khỏi Vatican trừ các dịp lễ hay để đi tới biệt thự nghỉ mát ở Castalgandolfo. Ngài đã nói đùa để từ chối không ăn cơm một mình : « Tôi đâu có phải là một chúng sinh bị phạt ».

Một lần, sau khi làm lễ, Ngài bảo tài xế đưa Ngài đi thăm một bạn cũ đang ốm. Ngài mở cửa bước vào kêu : « ế... » trong khi người bạn tưởng là mình mơ thấy Đức Giáo Hoàng.

Tính tình vui vẻ, hay nói dí dỏm, Ngài có vẻ một ông cha sở ở nhà quê, thực tế và giao tiếp với mọi hạng người một cách bình dị, thân mật, chứ không phải một nhà trí thức cao kỳ, cách biệt và hay lý luận trừu tượng. Ngài thường nói về mình : « Tôi sinh ra từ nơi bần dân. Tôi được giáo dục trong cảnh nghèo hèn. Chúa Quan phòng đã đưa tôi ra khỏi làng nhỏ bé của tôi và dẫn tôi rảo qua mọi con đường trên thế giới ở Đông phương và Tây phương, cho tôi dịp tiếp xúc với nhiều hạng người khác nhau về tính tình, địa vị, tôn giáo, tư tưởng ».

Đối với các tín tưởng, chủ nghĩa khác, ngài thiên về tìm hiểu, cởi mở thông cảm, tôn trọng hơn là khép

kín, kết án và muốn « dùng những phương thuốc từ bi hơn là nghiêm khắc » để chống lại với những lý thuyết mà công giáo cho là sai lầm. Bất chấp mọi nghi kỵ từ xưa vẫn có giữa Tòa Thánh và Nga-Sô, Ngài thẳng thắn tiếp nhận và đáp lễ điện văn của Thủ tướng Krouchtchev mừng lễ Thượng thọ bát tuần của Ngài. Nga-Sô đáp lại bằng cách cho phép các quan sát viên chính giáo dự Công đồng Vatican II và giải phóng Thượng phụ giáo chủ Slipyi bị chính quyền Sô-viết giam giữ trong 18 năm. Rồi gần đây, Ngài lại tiếp đón con rể ông Krouchtchev và nhận một giải Hòa-Bình Balzan của một ban giám khảo trong đó có hai đại diện Cộng sản bỏ phiếu ưng thuận. Ngược lại, khi thông điệp « Hòa-Bình trên thế giới » được công bố lần đầu tiên người ta thấy ở Nga-Sô một thông điệp của đạo công giáo được truyền thanh, in và phổ biến trong toàn thể nước Nga.

Người ta cũng không quên sự lưu tâm đặc biệt của Ngài đối với các giáo phái ly khai. Ngài đã tiếp đón những vị lãnh tụ của các giáo phái đó, và cả những vị đại diện của những tôn giáo không phải thiên Thiên Chúa giáo như Phật giáo chẳng hạn. Đó là những gặp gỡ đầu tiên trong lịch sử bang giao giữa công giáo với các tôn giáo khác hay với Cộng sản...

Tuy nhiên, không nên hoài nghi và coi đó chỉ là những cử chỉ ngoại giao hình thức bề ngoài, nhưng phải nhìn nhận rằng đó là những thái độ xuất phát từ một tinh thần cởi mở, tôn

NHÂN CÁI CHẾT CỦA MỘT VỊ GIÁO-HOÀNG

trọng và từ một tâm lòng ưu ái, chân thành đích thực...

Những cử chỉ « xé rào » đó của Giáo-Hoàng XXIII đã như đem lại một làn gió mới nhẹ nhàng, thoải mái, cởi mở, thân thiện khả dĩ làm nứt rạn những chề tài nặng nề lâu đời và phá vỡ những thói quen cũ kỹ, chật hẹp, khó thở của Giáo hội...

Mọi sự thay đổi đều phải bắt đầu từ một thay đổi không khí, và do đó điều cốt yếu là gây được một không khí mới thổi lên được một làn gió mới. Sự nghiệp của Đức Giáo-Hoàng XXIII là đã gây một không khí mới, đã thổi lên được một làn gió mới trong đời sống của Giáo hội công giáo.

Tinh thần của công-đồng Vatican II

Tuy thời gian cai quản ngắn ngủi, nhưng Đức Giáo-Hoàng XXIII đã làm xong một việc rất quan trọng là gây được một bầu không khí mới trong Giáo hội. Những vang dội của những lời nói nhấn nhá, những cử chỉ gương mẫu vẫn đang thấm nhiễm vào lòng từng người Công giáo, vào các tổ chức, chề tài Công giáo và do đó chắc chắn sẽ đưa đến những cải cách, những thay đổi lớn lao trong giáo hội từ những vấn đề nội bộ đến những cách cư xử đối ngoại. Người ta có thể nhớ tới buổi gặp gỡ đầu tiên giữa Tin lành và Công giáo Việt-Nam tối hôm 23-1-1963 ở Saigon với sự hiện diện của mấy Mục sư và Đức Tổng Giám mục Saigon. Làm sao quan niệm được sự có thể gặp gỡ đó nếu người Công giáo và

Tin lành đã không có sự « thay đổi thái độ » bắt nguồn từ Công đồng Vatican II. Ngược dòng lịch sử, người ta nghĩ đến những chiến tranh tôn giáo, những tòa án khủng bố, thiêu đốt những người bị kết án là rôi đạo... Rồi khi những bạo động đã chấm dứt giữa Công giáo và Tin lành vẫn còn bầu không khí thù địch, hay ít ra là cách biệt, đồ kỵ. Nếu có nghĩ đến nhau thì chỉ chú ý đi tìm cái xấu, cái tiêu cực ở nơi đối phương để đả kích và tự coi mình là phải, là hay...

Nhưng khi Công đồng Vatican II khai mạc, giây phút « lịch sử » là giây phút mà Đức cha Felici, tổng thư ký Công đồng tuyên bố ngày 13-10-62 « ngoài các nghị phụ và chuyên viên phụ thuộc, các quan sát viên và những vị được mời có thể ở lại trong đền thờ Thánh Phêrô ». Giây phút lịch sử vì nó chấm dứt sự cô lập, khép kín giữa các giáo phái cùng theo một Thiên Chúa giáo, để mở đầu cho những tương giao, gặp gỡ trong một viễn tượng đi tới hợp nhất...

Công đồng Vatican II còn đi xa hơn nữa ; không những chỉ mời các giáo hội ly khai gửi người quan sát mà còn mời họ tham dự vào những sinh hoạt của cộng đồng.

Đúng như lời Hồng y Bea, chủ tịch văn phòng hợp nhất đã thốt ra : « Đây thật là một phép lạ ». Phép lạ ở đây là một thay đổi thái độ, tinh thần. Những người chia rẽ nhau không còn nhìn nhau với thái độ tự cao, khép kín, nhưng cởi mở thân thiện, chú ý tìm cái hay, ưu điểm của người anh em,

HOÀNG-THÁI-LINH

đồng thời khiêm tốn, tự kiểm thảo, chân thành nhận những thiếu sót nhằm lẫn của mình. Đó là sự thay đổi lớn lao và cũng là điều kiện căn bản để có thể đi tới Hiệp nhất vì bao lâu người ta chỉ tìm cách tỏ cáo người khác và tự biện hộ thì làm sao có thể nói tới hiệp nhất được.

Làm sao người Tin lành không khỏi xúc động khi hàng giáo phẩm Đức trước ngày khai mạc Công đồng ra một tuyên ngôn chung như một bản tự kiểm thảo : « Trong kinh Cáo mình trước ngày họp Công đồng chúng tôi muốn nghĩ tới gương xấu hằng thế kỷ về sự chia rẽ giữa các Kitô hữu, và đặc biệt ở Đức là nơi phát sinh ra bè rối phương Tây, chúng tôi cảm thấy mãnh liệt vết thương sâu sắc của mình mầu nhiệm Chúa Kitô. Chúng tôi không thể chỉ bằng lòng nhận điều đó là một biến cố đã rồi, nhưng phải cảm thấy chúng tôi liên đới bằng muôn ngàn cách trong thảm kịch lớn lao của xứ này. Những tìm kiếm vô tư về lịch sử Công giáo chứng tỏ một cách hùng hồn rằng Giáo hội Công giáo đã phạm nhiều lầm lỗi và gương xấu trầm trọng và điều đó thúc đẩy chúng tôi đọc kinh Cáo mình với cha ông chúng tôi... Mỗi người công giáo phải xét mình xem có phản chiếu hình ảnh chân thật của Giáo hội qua thái độ Công giáo của mình hay trái lại đào sâu hơn hố chia rẽ giữa các Kitô hữu vì thái độ lạnh nhạt và đời sống thiếu tình yêu của mình. Người Kitô hữu mang trách nhiệm không những của Giáo hội, mà còn cả của gia đình nhân loại... »

Rồi khi Công đồng khai mạc, trong thư của toàn thể các nghị phụ gửi cho thế giới, người ta cũng thấy một tinh thần ưu ái, không có một lời lên án, luận phạt ai, và một tâm lòng tha thiết tới những vấn đề làm than vật chất, tinh thần của con người hiện đại. Công đồng đã kết thúc giai đoạn đầu trong một tinh thần cởi mở và ưu ái, và chắc sẽ tiếp tục bước vào giai đoạn hai cũng với một tinh thần trên khi phải xác định những thái độ trước những trào lưu chủ nghĩa không Công giáo, trước nền văn minh kỹ thuật, trước sự vùng lên của những dân tộc Á-phi và trước sự thăng tiến của những lớp người lao động...

Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII qua đời, Công đồng đương nhiên bị đình chỉ và trên nguyên tắc, vị Giáo Hoàng kế tiếp có quyền bãi bỏ. Nhưng trong thực tế, chắc hẳn Công đồng sẽ được tiếp tục và tiếp tục với một tinh thần mà chính Giáo Hoàng Gioan XXIII đã nêu gương. Sự thay đổi thái độ của Giáo Hoàng XXIII là một bước tiến có lẽ không thể lùi lại được nữa. Nó đã trở thành một Ý thức của hàng giáo phẩm và đông đảo quần chúng công giáo và do đó khó lòng quan niệm sự có thể quay lại một thái độ bảo thủ, khép kín, khắc khe, tự cao, tự đại trước đây...

Đã hẳn sự thay đổi lớn lao này mới chỉ là « bắt đầu » chưa lan tràn mãnh liệt khắp nơi nhất là tới những miền xa xôi như Việt-Nam, nhưng rồi nó cũng

NHÂN CÁI CHẾT CỦA MỘT VỊ GIÁO-HOÀNG

sẽ đến và khi đến sẽ đưa tới những thay đổi, cải cách sâu xa...

Không cần nói, ai cũng hiểu những thay đổi thái độ đó của người Công giáo sẽ có thể đưa tới những hậu quả văn hóa, chính trị, xã hội như thế nào trong một đoàn thể dân tộc hay trong cộng đồng thế giới.

Chẳng hạn, nếu một ngày kia đông đảo người Công giáo Việt Nam sẽ đi vào một thái độ xét mình từ lịch sử đến hiện tại, thái độ mà Hồng - Y Feltin, Tổng Giám mục Paris gọi là một «sự tự kiểm thảo lớn lao», đối với những đồng bào không Công giáo, hay một cách rộng rãi hơn, đối với cộng đồng dân tộc như giáo hội Đức đã làm, chắc hẳn chúng ta sẽ được chứng kiến một sự thay đổi và ai cũng hiểu sự thay đổi đó sẽ đưa tới những hậu quả thế nào, những hậu quả đùng chạm đến tận vấn đề sống còn hay phát huy của dân tộc.

Nếu được như thế, cũng là nhờ ở Giáo hoàng Gioan XXIII. Gương sáng

đã nêu cao. Con người nêu lên gương sáng đó đã ra đi. Nhưng trước khi ra đi, con người đó đã mở cho thế giới nói chung và người Công giáo nói riêng một lối thoát. Thực hiện lối thoát đó nhanh hay chậm là tùy ở chỗ người Công giáo ý thức và đem thi hành gương sáng đó sớm hay muộn. Có những người lãnh tụ già cả ngồi lâu trên ghế ngự trị như cò kéo dài mãi mãi cái thời gian ngưng đọng, bất động, ngột thở của triều đại mình, lẽ dĩ nhiên người ta mong cho những vị đó chóng ra đi. Nhưng cũng có những vị lãnh đạo già mà vẫn sáng tạo không ngừng như một nguồn sinh lực luôn luôn dồi dào, mới mẻ... lẽ dĩ nhiên không ai mong muốn cho những vị đó ra đi... Và người ta thực sự thương tiếc khi những vị đó không còn nữa. Đức giáo hoàng Gioan XXIII thuộc về những nhà lãnh đạo thực sự được mọi người thương tiếc đó.

HOÀNG-THÁI-LINH

- Bạn đừng sợ dư luận. Lời nói bay đi, song việc lành ta làm còn lại.

René Bazin

- Toán tính lớn mà thành được, phải có ba điều: đầu lạnh như băng, tim nóng như lửa, tay cứng như sắt.

N. Sackebaut

- Cấp trên mà vô lễ thì không sao khiến được cấp dưới.

Án-Tử

- Con người chết lần đầu tiên là lúc không còn hăng hái.

Balzac



HEIDEGGER

HEIDEGGER và ý nghĩa con người

TRẦN-HƯƠNG-TỬ

HEIDEGGER gọi con người là *Dasein* (hiện-hữu) và ông quan-niệm con người như một *In-der-Welt-sein* (hữu-tại-thể). Tất cả những dòng chúng tôi công hiến bạn đọc sẽ chỉ nhằm vạch rõ tất cả những gì Heidegger đã nhấn mạnh về bản-chất của con người, xét như con người là một *Dasein*.

Dasein là một danh-từ thông-thường trong tiếng Đức để chỉ những sự nọ vật kia. Hegel là triết-gia đã dùng chữ *Dasein* nhiều nhất ; nhưng đến khi Heidegger dùng chữ này, thì nó mặc một ý-nghĩa hoàn toàn mới. Trong bộ danh-từ của Hegel, *Dasein* có nghĩa là một hữu-thể nào đó, nghĩa là bất cứ sự vật nào xét như nó là một cái chỉ hữu hạn ; *Da* là đó, nọ, kia, và *Sein* là hữu-thể (sự vật). Như vậy Hegel còn đứng trong thuyết Duy-sự

(Chosisme) để coi vũ-trụ là tổng-số những hữu-thể. Trái lại, Heidegger đã nhiều lần giải-thích ý-nghĩa chữ *Dasein* của ông : đây *Da* không còn có nghĩa ở nơi nọ nơi kia, nhưng nó có nghĩa nguyên-thủy là đối-diện, hiện-diện và *sein* đây không phải là danh-từ, nhưng là một động-từ, cho nên *sein* có nghĩa là hiện-hữu. Vì *Dasein* của Hegel và các triết-gia đi trước đều chỉ những hữu-thể đã hình thành, đã cứng đống như kiểu những sự vật (*les étants*), cho nên triết-lý của mấy ông không thể nào đi tới lãnh vực hiện-tượng của hiện-hữu mà Heidegger muốn vén màn cho ta thấy. Nói một cách đơn giản cho dễ hiểu, thì hiện-hữu là chính sự hình thành của các hữu-thể. Hiện-hữu là chính sự hình thành của « thế-giới » (*die Welt*) mà ta biết và gọi tên. Nói cách khác, khi

gọi con người là Dasein, Heidegger có ý nêu cao bản-chất của con người là hiện diện với thế-giới, và nhân đó con người chỉ là con người vì là sự hiện-diện đó.

Thế nhưng chúng ta đừng coi sự hiện-diện này theo kiểu sự hiện-diện duy-sự : thuyết Duy-sự coi con người như một hữu-thể, một sự vật, cho nên con người ở giữa những sự vật cũng như chiếc ghế ở trong căn phòng và ở cạnh chiếc bàn. Hễ còn giữ lối nhận-thức này, chúng ta không bao giờ có thể có cái nhìn của Heidegger, và cũng không bao giờ chúng ta nhận ra bản-chất của Dasein. Dasein không ở trong thế-giới theo kiểu cái bàn ở trong căn phòng, và nó không ở cạnh những sự vật như kiểu cái bàn ở cạnh cái ghế. Nói thế, vì chỉ Dasein có bản-chất là *hiện-diện* và nhờ sự hiện-diện này mà có sự *hình thành* của mỗi vật trong « thế-giới ». Và « thế-giới » trong triết-học Heidegger không bao giờ có nghĩa là tổng-sồ những sự vật, và càng không có nghĩa là cái kho chứa những sự vật : Heidegger hay nói rằng « thế giới hình thành thế-giới » (*die Welt weltet, le monde s'ordonne en monde*).

Thế-giới hình thành thế-giới ; nhưng hình thành khi nào ? Lúc Dasein là Dasein, nghĩa là lúc nguyên-khởi của ý-thức, khi mà sự phát khởi đó làm cho con người sống trong môi tiếp-thông (*com-préhension*) với cái « thế-giới » đang hình thành. Như vậy, ngay từ bây giờ, chúng ta có thể nhận thấy mối hồ-tương thiết-yếu

giữa Dasein và cái « thế-giới » của *In-der-Welt-sein*, giữa con người và thế-giới.

Nói một cách đơn giản, thì không có và chưa có « thế giới » trước khi có sự hiện diện (Dasein) của con người và cũng không có con người trước khi nó là sự hiện diện với thế giới. Thế giới và con người xét như *In-der-Welt-sein* cùng bắt đầu từ mỗi *tiếp thông* kia, tức từ bản chất của con người là *hữu tại thế*, tại cái « thế-giới » mà nó vừa làm xuất hiện.

Thú thật, triết Heidegger là một triết rất khó hiểu, và chúng tôi không biết nên bắt đầu nói thế nào để bạn đọc dễ hiểu. Thành thử chúng tôi sợ bạn đọc chưa hiểu chúng tôi có ý nói gì. Thực ra, bao lâu chúng ta chưa đổi được cái nhìn, chưa bỏ cái nhìn duy-sự để học nhìn như Heidegger, nghĩa là nhìn thế giới như chỉ xuất hiện và hình thành trong mỗi tiếp thông của con người, thì bấy lâu chúng ta chưa đi vào triết Heidegger được. Heidegger luôn luôn trách các triết gia tự trước đèn nay mắc tội lẫn lộn hiện hữu (*être*) và hữu-thể (*les étants*) : hiện hữu là sự hình thành, là sự xuất hiện của những hữu thể ; còn những hữu thể là những cái đã hình thành, đã cứng đọng. Vì bám vào cái cứng đọng như thế, cho nên triết học đã trở thành duy sự : trái lại, khi tránh được cái nhìn duy sự này, chúng ta sẽ có thể cùng với Heidegger đi vào lãnh vực ẩn hiện của hiện hữu.



Nhiều học giả đã lẫn lộn, gán cho triết Heidegger danh từ *triết hiện sinh*. Và chúng ta biết Heidegger không ghét gì cho bằng ghét danh hiệu đó : theo ông, triết hiện sinh là triết lý về cuộc sống của con người, cho nên vẫn chưa đạt tới nền-tảng và bản chất con người. Duy triết của Heidegger, vì đào tới bản chất đó, cho nên chỉ triết của ông mới đáng gọi là triết-lý, nếu quả thực triết-lý là khoa học về « hiện-hữu xét như là hiện-hữu » (*science de l'être en tant qu'être*). *Hiện hữu* (*être*) đây là động-từ, không phải một danh-từ cứng đống. Tuy nhiên, vì triết của Heidegger vạch cho thấy bản chất của con người và nhận rằng « con người là hữu thể duy-nhất có đặc-tính là biểu lộ bản-chất của mình và bản chất vạn vật », cho nên triết Heidegger có vẻ hiện sinh nhưng thực ra nó còn đi sâu hơn triết hiện-sinh và đặt nền cho triết hiện-sinh.

Danh từ mà Heidegger tạo ra để gọi triết của ông là « *philosophie existentielle* » mà chúng tôi tạm dịch là « triết hiện-hữu ». Trước đây mấy tác-giả ở Việt-Nam và đôi khi chính chúng tôi cũng dùng theo danh-từ « triết phổ-sinh »; nhưng nhìn lại, thấy triết Heidegger không có gì là « sinh » và cũng không có chi là « phổ » hết, cho nên sợ rằng chữ phổ-sinh không lột được tư-tưởng Heidegger. Trước hết, triết Heidegger là triết tìm hiểu cơ-câu của *Dasein*; *Da* là hiện-diện, — *sein* là hữu, hiện-hữu; cho nên chữ *triết hiện-hữu* của chúng tôi phần nào gợi ý được bản-chất của *Dasein* là *Da-sein* và *In-der-Welt-sein*.

Tất cả ý-nghĩa con người, và có thể nói tất cả triết-học Heidegger, chỉ xây có một chữ *Dasein*. Bây giờ đến lúc chúng ta phải dựa vào những sách vở của ông để tìm hiểu ý-nghĩa, tức bản-chất con người. Chúng tôi sẽ lần lượt tìm hiểu bản chất đó qua hai chữ *Dasein* và *In-der-Welt-sein* của Heidegger. Với chữ *Dasein*, chúng ta sẽ chú ý đến cái mà triết-nhân gọi là mối *tiếp-thông* (*com-préhension*), tức bản-chất của con người là ý-thức về mình và ý-thức về vạn vật. Rồi với chữ *In-der-Welt-sein*, chúng ta sẽ tìm hiểu sự hình thành của con người trong cái « *thế-giới* » mà nó tự tạo lấy cho mình đó.

*
* *

Con người là *Dasein*.

Da là hiện-diện, và *sein* là hiện-hữu, *Dasein* là hiện-hữu như một hiện-diện. Cho nên bản chất con người là hiện-hữu, là *Dasein*, nghĩa là hiện-hữu như một hiện-diện. Chỉ mình con người có bản chất đó mà thôi, cho nên chỉ mình con người được coi là « một hữu-thể mà bản-chất là mở ra để đón chào ý-nghĩa của vạn vật ». Chỉ con người là sự hiện diện, và nhờ con người mà vạn vật được nhận-thức và gọi tên : các sự vật ở cạnh nhau hoặc chứa đựng nhau, nhưng chúng không có khả năng hiện-diện nhau. Con mèo và con chó đuổi nhau : có lúc chúng đối diện nhau ; nhưng ai dám bảo là chúng ý-thức sự đối diện đó ? Không phải chúng ta chửi chúng không có ý-thức, nhưng ý-thức của

HEIDEGGER VÀ Ý NGHĨA CON NGƯỜI

chúng là một hình thức mơ màng, không thể nào tự tỉnh. Ngay ý-thức đưa thơ nhi ba bốn tuổi cũng còn như ý-thức mơ ngủ, chưa tự tỉnh, và không thể nào tự tỉnh. Thành thử chỉ ý-thức con người mới đích thực là Dasein, là hiện-diện.

Heidegger thường gọi sự hiện-diện này bằng hai danh-từ : tiếp-thông và khai-độ. *Tiếp-thông* (com-préhension) giống như thông-hiểu, nhưng cũng khác thông-hiểu. Thông-hiểu là hành vi của ý thức tự-tỉnh : nói thông-hiểu là nói một cái chi thuộc lãnh-vực quan-niệm và suy-tưởng. Trái lại tiếp-thông là hành-vi của toàn thể con người hỗn xác bất phân : tiếp-thông là hành vi con người tại thế, con người còn gắn liền với cái « thế-giới » mà nó vừa khai-minh. Khi tiếp-thông thì *tôi là xác tôi* : khi đó xác là chủ-thể, nghĩa là xác tri-giác. Khi đó tôi không thể nói tôi có xác, vì cái ta có là đối tượng, còn cái ta là chủ thể. Khi ta tri-giác, tức khi ta tại thế, thì đối-tượng là cái mà con người của ta vừa tiếp thông và khai mở.

Cái mà con người đạt được trong *tiếp-thông* là ý-nghĩa. Ý-nghĩa này cũng chính là bản-chất của vạn vật đối với ta. Đó là tất cả những gì ta đã tiếp nhận được trong khi tiếp-thông với vạn vật. Tự Husserl đến nay, các nhà hiện-tượng-học gọi ý-nghĩa đó là một hiện-tượng, để nêu cao tính-chất lệ-thuộc hỗ-tương giữa ý-thức ta và sự vật mà ta tiếp nhận trong tri-giác. Vì thế Heidegger mới nhấn mạnh vào chữ Dasein để quyết rằng thế-giới chỉ là cái mà con người

đã tiếp-thông được mà thôi, đồng thời con người lại chỉ là sự tiếp-thông đó, sự hiện-diện đó, sự hiện hữu đó. Dasein có hai mặt : xét về phương-diện đối-tượng, thì Dasein là thế-giới mà con người đã nhờ tri-giác mà khai-minh và làm xuất-hiện ; xét về phương-diện chủ-thể, thì Dasein là chính con người vì con người hiện-hữu như một hiện diện. Đến đây, chúng ta mới hiểu phần nào ý-nghĩa chữ Dasein và mối tương-quan hiện-hữu giữa con người và cái thế-giới mà mỗi tiếp thông đã cho phép con người làm xuất-hiện như môi-trường sinh hoạt của mình.

Chúng ta sẽ càng hiểu điều đó khi tìm hiểu chữ *khai độ* (apérité, die Offenheit) mà Heidegger dùng để chỉ hành-vi tiếp-thông trên đây. Nói khai độ là nói cửa mở vào, mở rộng hay mở hé. Khai độ : mở rộng, ta thấy nhiều và rõ ; mở hé, ta sẽ chỉ thấy thoáng thoáng mà thôi. Hơn nữa, cái được biểu-lộ ra qua khai-độ này, chính là cái « thế-giới » theo triết-học Heidegger. Triết - nhân gọi nó là Cái-được-khai-minh (l'ouvert, das Offene). Bây giờ chúng ta phải cố gắng nhìn tổng quát và nhìn cho rõ : có Cái-được-khai-minh, vì có Khai độ ; nhưng chỉ có Khai độ, vì có con người với bản-chất là khai-thông vào huyền-nhiệm của vũ-trụ để khơi lên những bản-chất của vạn vật. Như vậy không có thế giới (theo nghĩa Heidegger) *trước* sự khai-thông này ; không có ý-nghĩa, nếu không có Khai-độ là cái khai sinh cho ý-nghĩa. Bản-chất sự vật chỉ là ý-nghĩa đó mà thôi ; hay nói thế này cũng vậy : bản-chất sự vật chỉ là Cái-được-khai-minh kia.

Heidegger tìm hết cách để giúp ta ý-thức rằng con người có bản-chất là Dasein, và nhận như thế là nhận rằng không có « thể giới » nào khác ngoài cái thể giới mà khai độ đã làm xuất-hiện trong mối tiếp-thông của ta với huyền-nhiệm vũ-trụ. Để dễ hiểu điều này, cũng nên biết Heidegger thường coi « thể giới » (die Welt) như đối nghịch với « nền Đất » (die Erde) : mỗi xuất-hiện là một giao tranh giữa « thể giới » và « nền Đất ». Thực ra hai danh từ này chỉ là tên gọi của hình-ảnh và nền-ảnh, của hiện-tượng và cái chưa xuất-hiện, của « thể giới » xét như Cái-được-khai-minh và cái Phần-còn-lại (la réserve) mà Heidegger gọi là « nền Đất ». Không hình - ảnh nào lại không có nền ảnh ; hơn nữa tương-quan giữa hình-ảnh và nền-ảnh là một tương - quan vô cùng linh-động : bất cứ sự vật gì cũng có thể lần lượt làm hình hay làm nền. Thí dụ khi tôi nhìn ngôi chùa Linh - Mục nổi bật trên nền lá xanh và trời biếc, thì ngôi chùa đó là hình-ảnh ; nhưng khi tôi chỉ đọc mấy câu thơ chữ nho ghi trên tháp Phúc-duyên của chùa đó, thì chùa Linh-Mục liền trụt xuống làm nền ; và khi tôi chú ý đến nét mực phong sương của mấy hàng câu đối kia, thì chính những câu đối này cũng trụt xuống làm nền ảnh, và khi đó ngôi chùa Linh-Mục chỉ là cái nền của nền. Như vậy cái chi được ta nhắm thì gọi là hình-ảnh ; Heidegger gọi nó là « thể giới » ; còn cái chi mặc dầu ta không chú ý nhìn mà vẫn được nhận thấy như là nền của hình ảnh, cái đó Heidegger gọi là « nền Đất ».

Như vậy bây giờ chúng ta phải bỏ lập-trường duy-sự ; chúng ta đừng coi cái nhìn của con người như thừa nhận những sự vật (les étants) vẫn có đây như thế ; nhưng chúng ta phải cùng với Heidegger nhận thức rằng « thể-giới hình thành thể - giới cho con người do sự tiếp-thông mà con người có với bản-chất vạn vật ».

Quan-niệm về tiếp-thông và khai-độ của Heidegger xem ra không xa quan-niệm của Husserl về mối tương-đồng (corrélat) giữa ý thức và cái mà ta ý-thức (noèse và noème) : khác một điều là Husserl đã dành phần chủ-động cho chủ-thể, vì thế Husserl đã chủ-trương rằng ý-thức gán ý-nghĩa cho đối-tượng (Sinnggebung). Trái lại Heidegger không công nhận tính cách chủ-động có vẻ thiên về phía ý thức như thế ; theo Heidegger, thì hiện-tượng « thể giới » xuất - hiện trong khai-độ của Dasein, khi Dasein thể-hiện bản-chất của nó là tiếp-thông với cái mà khai-độ vừa cho phép nó tiếp-thông. Nói thế vì theo Heidegger, thì bản-chất của Dasein là biểu-lộ ý-nghĩa những sự vật : chính việc biểu-lộ này là sự hình thành các sự vật đó ; sau đó, chúng được con người coi như những « hữu thể » (les étants), những sự vật cứng đống, những hữu-thể đã hình thành. Nhưng, cần phải hiểu rằng, trước sự hình thành kia, trước sự tiếp-thông kia, thì chưa có những sự vật đó, xét như chúng là những « thể giới », mặc dầu chúng vẫn ẩn-hiện trong « nền Đất » như đang chờ sự tiếp - thông để được gọi ra ánh sáng.

(còn nữa)

TRẦN-HƯƠNG-TỬ

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT



Guigoz

— Mau mạp

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khỏe mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẨM CUỘC

66, GIA LONG — SAIGON

MỘT KHI HOÀNG CUNG LÂM BỆNH

SAU khi lên ngôi, năm 1802, vua Gia-Long đã cho tuyển những danh y trong nước để chữa bệnh cho Vua và hoàng-cung. Các ông đó được gọi là Chánh Y và Phó Y. Ba năm sau, 1805, sớ thấy thuốc tăng lên và gồm có 5 bậc : Ngự Y, Phó Ngự Y, Chánh Y, Phó Y và Y Viên.

Đồng thời, trong lúc ấy, vua cho lập ở Huế và các tỉnh những ngôi nhà gọi là Dưỡng tề sự để đón tiếp những người già cả, những kẻ bệnh hoạn đau yếu và do vậy ông Lương y sẵn sóc.

Qua đền triều Minh-Mạng, công cuộc tổ chức được hoàn bị hơn, nghĩa là có một ngạch sổ nhất định và các ông thầy thuốc, có lương tiền, có ngạch trật hẳn hoi. (1)

1 Viện sứ	4-1
1 Ngự Y	5-1
2 Phó Ngự Y	5-2
2 Tả viện phán	6-1
2 Hữu viện phán	6-2
10 Nội kinh Y chánh	7-1
2 Ngoại khoa Y chánh	7-2
10 Nội kinh Y phó	8-1
2 Ngoại khoa Y phó	8-2
12 Chánh cửu phẩm y sinh	9-1
30 Tùng cửu phẩm y sinh	9-2
20 Y sinh tập sự (không phẩm trật)	

Ngày trước, quan chức chia làm ba hạng. Trên cả là đường quan, đóng dấu son, nhưng không gọi là con dấu mà gọi là ấn. Do đó cũng gọi là ấn

(1) Mỗi, trật có hai bậc : chánh (1) và tùng (2).
Thí dụ : Viện sứ 4-1 = Viện sứ chánh tứ phẩm.

MỘT KHI HOÀNG CUNG LÀM BỆNH

quan, từ tam phẩm trở lên nhất phẩm. Dưới ấn quan là thuộc quan, đóng dấu đen, từ tứ phẩm xuống đến lục phẩm. Từ thất bát cho đến cửu phẩm, không có dấu. Họ là thừa phái, thơ lại, thông lại v. v...

Mỗi phẩm trật lại chia làm hai : chính và tòng. Xem theo bản kê trên này, thì người cầm đầu Thái Y Viện cũng chỉ là một thuộc quan mà thôi. Tuy thế, trong những trường hợp đặc biệt, các ông ấy vẫn có thể thăng lên đường quan.

Năm 13 tuổi, vua Tự-Đức mắc chứng đậu trời, các ngự y trong Cung đều bó tay. Nguyễn-Hanh, nhờ có những phương thuốc gia truyền nên xin được phép và chữa cho hoàng tử. Hồng-Nhậm quả lành bệnh. Vua Thiệu Trị, để thưởng công Nguyễn-Hanh, cho sung chức Y phó ở Thái y viện. Đến khi Hồng-Nhậm lên ngôi, nghĩ đến ơn sâu của ông thầy thuốc, cho thăng lần lên các cấp bậc và cuối cùng được lên cả chức Thị lang, tam phẩm.

Dưới triều Thành-Thái, bà Từ-Dũ cũng đã sắc ban cho một Viện sứ hàm tham tri, nhị phẩm.

Mỗi khi vua hoặc Hoàng-hậu se (2), viện sứ hoặc Ngự y đến chẩn mạch, đoạn về Thái y viện, họp các ông tả viện phán và hữu viện phán bàn bạc với nhau xong, lúc đó mới ra phái. Các ông Y chánh, Y phó lo việc chọn thuốc, sắc thuốc. Các ông Nội kinh điều trị bằng thuốc bắc, còn Ngoại

khoa chữa bằng thuốc Nam. Thuốc bắc bao giờ cũng quan trọng hơn nên đến những 40 ông, trong khi các ông thầy thuốc Ngoại khoa chỉ có 4, cả chánh lẫn phó.

Các ông thầy ngoại khoa chỉ chữa những bệnh nhẹ : bầu, chích lè, làm thuốc dán, một vài môn thuốc gia truyền v...v..

Việc tuyển lựa vào Thái Y viện, tuy không bó buộc một điều kiện gì, nhưng phải trải qua một kỳ sát hạch, không phải không khó khăn. Một viên quan lớn trong triều thông thạo y khoa, hội với hai viên ngự y cao cấp trong Thái Y viện. Mỗi lần thi chỉ chừng mười thí sinh trở lại và chỉ đỗ được vài người để bổ khuyết vào số người đã thiếu.

Dưới triều Tự-Đức, năm 1858, vua cho thiết lập một trường để đào tạo các ngự y, dưới quyền điều khiển của Nguyễn-Hanh và có các ông tả viện phán, hữu viện phán đến giảng dạy. Học xong bốn năm thời có một kỳ sát hạch, nếu đỗ, được tuyển vào y sanh...

Thời gian làm việc của một viên ngự y không hạn định. Nhưng một khi đã đến 60 tuổi, nhận thấy già yếu, viên ngự y có thể xin về hưu trí, nhưng phải được Vua và Hoàng hậu chuẩn y.

Ta thấy trường hợp của ông Nguyễn-Quy, Viện sứ dưới triều Thành-Thái, ba lần dâng sớ xin về hưu trí ba lần « bị » vua và bà Từ-Dũ giữ lại, và ông giữ mãi chức vụ cho

(2) Dùng để nói Vua đau.

đền năm 72 tuổi, tức là năm bà Từ-Dũ thăng hà lúc ấy mới về dưỡng lão.

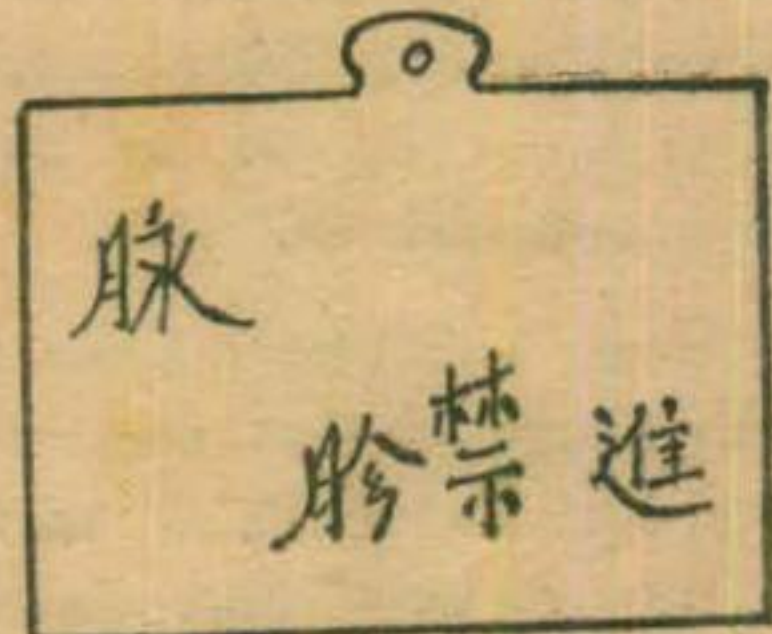
Mỗi lần vua ngự giá đi đâu ông Viện sứ thường theo hầu, còn phó Viện sứ thì ở nhà để phòng chữa cho hoàng hậu.

Một số y-chánh hoặc y phó được phái lên các lăng để chữa cho các bà Nội cung các triều trước. Có những bà nội-cung, sau khi vua thăng-hà, xin ra khỏi Đại-Nội lên ở tại các lăng để nương náu những ngày thừa.

Trong những cuộc hành quân, các viên quan chỉ-huy cũng có quyền trình xin với Bộ Lại để bộ nấy dâng sớ tâu lên vua cho một Y chánh hay Y phó đi theo điều trị.

Ông Viện sứ, chọn trong Thái Y viện những viên ngự y nào xuất sắc liền tâu lên vua, và nếu được Ngài chuẩn y, thì được phép tự do ra vào cung cấm để săn sóc sức khỏe cho các nội cung và các hoàng tử, công chúa. Ông quan này phải mang ở ngực một cái thẻ ngà có mấy chữ « Tiền cấm chân mạch ». Lại có một ông gọi là Ấu khoa để chuyên chữa cho con vua lúc sơ sanh. (Tôi tưởng nên dừng lại nơi đây để nói đến cái bài « Tiền cấm chân mạch » một chút. Bài này rất lớn, giữa lòng viết bốn chữ nhỏ, không phải là nằm ngay một hàng, mà bốn chữ bốn hàng. Tiền tức là đi đền. Ai đi đền ? Viên ngự y. Vì thẻ chữ tiền phải nằm thấp hơn cả. Đền chữ cấm, tức là cung cấm, nơi vua và hoàng gia ở lẽ cồ-nhiên là phải đài lên một chữ. Qua đền chữ chân là bắt mạch, công việc của viên ngự y nên chữ này

cũng nằm dưới thấp ngang hàng với chữ tiền. Nhưng đền chữ mạch, tức là mạch của vua, của hoàng hậu v..v.. phải đưa nó lên cao, cao hơn cả chữ cấm nữa. Chữ tiền có nơi đọc là tăn.) Tôi vẽ cái bài ấy ra đây để bạn đọc thấy cái lỗi « đài » kỳ quặc của ta ngày trước.



Nếu vua thấy trong mình bất an, ngài liền sai Thái giám tin cho Thái Y viện biết. Viên Viện sứ và Ngự y liền vào Nội cấm để chẩn mạch. Nhưng khi đến nơi, họ phải ngồi nghỉ trong chốc lát để hơi thở được điều hòa, vì theo phương pháp ngày xưa thì ông thầy thuốc chỉ bằng theo hơi thở của mình để đối chiếu với tiếng đập của mạch. (Một cái thở vào và thở ra ngang với thời-gian của mạch nhảy bốn cái).

Bắt mạch và xem sắc diện người bệnh xong, viên ngự y có thể hỏi thêm những chi tiết về bệnh trạng của Vua. Một nữ quan (quan đàn bà trong cung cấm) thay Vua để trả lời những câu hỏi này. Câu hỏi cũng như câu trả lời phải thốt ra rất nhỏ để khỏi náo động đến « thánh-thể ».

Chẩn mạch, xem bệnh xong viên Viện sứ và Ngự y trở về Thái Y Viện

MỘT KHI HOÀNG CUNG LÂM BỆNH

họp hội đồng các quan Ngự y lại. Hai ông này trình bày rõ ràng về bệnh trạng của Vua cho hội đồng nghe. Khi mọi người đều đồng ý lúc đó mới ra phái với chữ ký của tất cả những tham dự. Nếu bệnh nhẹ thì thuốc bỏ vào một phong bì vàng, trên đề tên các vị thuốc, cân lượng và cách thức sắc nấu. Phong thuốc đưa cho thái giám dâng lên Vua. Một cung nga lẩy thang thuốc ấy đổ ra để nấu trước mặt một viên thị vệ.

Gặp trường hợp Vua bị bệnh nặng, thuốc vẫn dâng lên Vua xem, nhưng sắc nấu tại Thái Y Viện trước mặt một hội đồng gồm có một ông quan Cơ mật, một ông của Đô sát viện, một của Nội các và một của Thái Y viện. Có nhiều trường hợp, uồng thuốc xong chẳng được bao lâu thì thẳng-hà lẽ tất nhiên ông Ngự y bị giam lại. Và đến khi vị Vua nôi ngôi xét vô tội lúc ấy mới tha ra và cho phục chức như cũ, nghĩa là ít ra cũng bị giam trong một tuần nhật.

Nếu hoàng hậu lâm bệnh, thì viên thầy thuốc khi vào bắt mạch phải mặc áo rộng. Ngài nằm trong mùng chỉ đưa ra ngoài một cánh tay, nhưng trên cánh tay lại bao một lớp hàng lụa. Ông thầy thuốc lúc chẩn mạch chỉ tiếp xúc với hàng lụa chứ không phải da thịt của người bệnh. Còn lời sắc thuốc, bào chế thuốc cũng thận-trọng, cũng thi-hành trước một hội đồng như đối với Vua.

Đến lúc Pháp sang đô hộ, Thái y viện mất hết dần tính chất quan trọng. Năm Thành-Thái thứ 10 (1898) giảm

bớt một số Ngự y và Thái Y viện chỉ còn lại: Một viện sứ, hai phó Ngự y, một hữu viện phán, ba Y chánh và hai y-phó cả thầy chín người, so với con số 94 lúc ban đầu. Tuy thế con số này về sau còn giảm xuống nữa vì triều đình Huế đã bắt đầu dùng Âu dược.

Vua Đồng-Khánh, lúc lâm bệnh, chính bác sĩ Cotte, người Pháp đã chữa cho Ngài và Vua Thành-Thái đã cho mời bác sĩ Henry qua săn sóc khi hai bà Phi lâm sản cách nhau hai ngày.

* * *

Nói đến việc dùng các thầy thuốc ngoại quốc thì không phải gì mãi xuống đến triều Đồng-Khánh và Thành-Thái mà có thể nói từ trên 100 năm về trước. Như Vua Gia-Long dùng bác sĩ Despiau làm Ngự y của ngài trong một thời gian ngoài hai mươi năm. Và Vua Minh-Mạng đã từng nhờ đến Despiau đi sang Măcao kiếm mua thứ thuốc chích ngừa bệnh đậu trời để đem về tiêm cho dân chúng. Trước đây, chúng ta khổ nhất vì chứng bệnh đậu mùa, mỗi năm giết hại không biết bao nhiêu mà kể. Sau khi Pháp chiếm cứ xong nước ta mới nghĩ đến việc trồng đậu. Lần đầu tiên cứ mỗi người chích phải trả 5 xu (vào lỗi 15\$00 bây giờ). Chỉ trong vòng một năm ở Huế và các vùng phụ cận có đến 40.000 người bỏ tiền ra chích. Sở dĩ vua Minh-Mạng phái ông Despiau sang Măcao kiếm bác sĩ và mua thuốc chích (Ngài bằng lòng chịu

tất cả mọi chi phí) vì trước đó Treillard có đem theo một ít thuốc chích ngừa bệnh đậu mùa rất công hiệu.

Ngược lên nữa, dưới thời các chúa Nguyễn, các thầy thuốc ngoại quốc cũng đã giữ một địa vị khá quan trọng trong triều, mặc dầu các ngự y của ta không thiếu.

Chúa Ngãi-Vương (1687-1691) dùng giáo sĩ Barthelemy d'Acosta người Nhật làm thầy thuốc riêng. Chúa Hiền-Minh cho giáo sĩ Langlois, một mảnh đất rộng lớn gần cung cấm để làm một nhà thương chứa được 300 bệnh nhân. Hai giáo sĩ J.B. Sanna, Sardes và giáo sĩ Sébastien Pières, người Bồ-Đào-Nha đều được lãnh chức ngự y của chúa Hiền-Minh. (1691-1725) Giáo sĩ Slamenski, người Hung, giỏi về khoa giải phẫu, năm 1746 được bổ chức ngự y của chúa Hiền-Võ. (1738-1765). Giáo sĩ này tạ thế, liền có Giáo sĩ Koffler đền thay

ở trong triều giúp chúa. Koffler ca tụng giáo sĩ Slamenski, là một người « rất giàu kinh nghiệm về khoa làm thuốc lẫn khoa giải phẫu và bào chế thuốc ».

Khi Koffler, người Bồ-Đào-Nha mới đến, chúa Hiền-Võ tiếp đãi trọng hậu. Trong một bức thư gửi về nước, ông viết : Chúa tỏ ra rất ưa tôi nói chuyện. Chúa đứng dậy, cầm lấy tay tôi đưa sang phòng bên cạnh để tôi thi lễ với Hoàng hậu. Tôi không dám lặp lại những lời chúa ca tụng sức hiểu biết về y học của tôi, nhưng trong lúc ấy và về sau, Chúa tỏ ra rất thương mến tôi và đã công khai nhận tôi là ngự y của Chúa.

Ngoài các giáo sĩ kể trên, còn có một số y sĩ chuyên môn đã giúp đỡ chữa bệnh cho hoàng gia và công chúng.

BỮU-KÊ

ĐỌC :

Tiểu thuyết hiện đại

của **TRÀNG-THIÊN**

ĐỂ CÙNG Suy Nghĩ :

● Quan niệm về tiểu-thuyết từ trước tới nay đã diễn biến ra sao ?

● Làm sao để hiểu nổi những cuốn tiểu thuyết kỳ quặc rắc rối ở Âu-Mỹ hiện nay ?

● Đây là những nét đặc điểm của tiểu thuyết trong giai đoạn này.

Sách dày 200 trang, do THỜI-MỚI xuất bản. Giá 42\$

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG NGÂN-HÀNG

(BANQUE COMMERCIALE & INDUSTRIELLE du VIET-NAM)

Số vốn : V.N. \$ 50.000.000

TỔNG CUỘC SAIGON :

93 - 95, Đại - lộ Hàm - Nghi

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Điện tín : VIETNAMBANK

CHI NHÁNH :

- SAIGON, 209-213 đại-lộ Trần-Hưng-Đạo
 - ĐÀ-NẰNG (Tourane), 59 đường Độc-Lập
-

ĐAM-NHIỆM tất cả **NGHIỆP-VỤ NGÂN-HÀNG**

— **CÓ ĐẠI-DIỆN KHÁP HOÀN-CẦU** —

Lá thư Thụy-sĩ

(xin xem từ B. K. số 154)

Bienne.— Đi từ 7 giờ sáng đến 9 giờ rưỡi. Ông chủ tịch thanh niên âm-nhạc hứa đến đón tôi tại nhà ga rồi đưa tôi về ngay rạp hát để kịp 10 giờ rưỡi diễn xuất sáng. Xe đến Bienne lúc 9 giờ 27. Trong ga không thấy người đón. Một phần họ có ảnh của tôi, một phần tôi là người Á-châu thế nào họ cũng nhận ra tôi. Thế mà không thấy người tươi cười đón tôi như mấy nơi khác. Tôi hơi sốt ruột vì 10 giờ rưỡi tôi sẽ bắt đầu nói chuyện, lại nói trong một rạp hát. Buổi họp hôm nay lại do thanh niên âm-nhạc tổ chức chung với Hội kịch-ngệ sở tại. 10 phút sau lúc tôi đang ở trong phòng điện thoại thì ông bà M. chạy lại, xin lỗi tôi vì đến muộn mấy phút. Lỗi tại ban tổ chức Genève cho sai giờ xe đến Bienne.

Nhưng không sao. Rạp hát không xa lắm. Đi ô-tô chỉ độ 10 phút là đến ngay. Một rạp hát nhỏ ở gần nhà thờ và trong châu thành cổ. Chỉ độ 4, 5 trăm chỗ ngồi... Những gánh hát danh tiếng ở Âu-châu thường đến diễn ở đây. Chở cả hành lý vào hậu trường vừa xong, ông M. lo việc rọi ánh, bà M. ủi áo dài và quần lụa lèo cho tôi trong lúc tôi so dây, gắn phím. Nói chuyện về sân khấu trong một rạp hát, thú vị hơn ở trong một phòng nhóm. Có chỗ cho mình đi tới đi lui, đi ra đi vào. Trong số khán giả, tôi gặp lại nhiều người đã nghe tôi nói chuyện ở các nơi khác nay dẫn bạn bè đến. Sợ họ nghe mãi một điệu đam chán, tôi đổi bài hát nhưng họ bảo nghe đi nghe lại càng thích vì họ thấy hiểu hơn mấy lần trước.

12 giờ rưỡi trưa.— Sau buổi diễn ông bà Gl. mời tôi về nhà ăn trưa. Cách đây 3 năm rưỡi lúc tôi đến Thụy sĩ lần trước bà Gl. có tìm tôi để hỏi thăm về phong thổ nước Việt, về phong tục tập quán người

Việt vì cô con gái bà đã yêu một sinh viên Việt học thuốc và có ý muốn theo chồng về sống ở Việt-Nam sau ngày thành hôn — Tôi đã nói trước cho bà biết khí hậu nóng bức, người Âu có thể không quen muối mòng và tôi không dám đưa ý kiến riêng về những gia đình chồng Á vợ Âu. Hôm nay, ông bà đến mời tôi về nhà đãi một bữa ăn đặc biệt Thụy-sĩ có món raclette pho mát nướng trên lửa nóng ăn với khoai tây luộc, thịt phoi khô và dưa chuột bỏ giấm. Trong bữa ăn không có mặt hai cô con gái của ông bà Gl. vì hai cô hiện từng học bên Mỹ. Trong câu chuyện tôi được biết rằng mối tình giữa cô con gái lớn của ông bà và chàng sinh viên Việt đã không nên duyên vì chàng sinh viên trường thuốc ngày trước, nay đã đỗ bằng bác sĩ và đã yêu một cô gái Thụy-Sĩ khác. Tôi rất buồn, vì tuy chuyện của người, nhưng kẻ phụ tình lại là người đồng hương với mình. Mặc dầu có một người Việt đem cái không vui vào trong gia đình, ông bà đối với tôi vẫn hết sức nồng hậu.

Ăn xong, ông bà lại đánh xe ô-tô đưa tôi đi một vòng xem thành phố. Thành phố Bienne ở ngay ranh giới giữa vùng Thụy-Sĩ nói tiếng Pháp và vùng nói tiếng Đức. Châu thành được cắt ngay chân núi Jura và cạnh bên hồ Bienne. Bên Thụy-Sĩ mỗi đô thị lớn đều ở cạnh bờ hồ. Genève, Nyon, Lausanne ở bờ hồ Léman. Bienne, Neuchâtel, Zürich, Lugano cạnh bờ hồ cùng tên với Châu thành. Lucerne ở bờ hồ Bốn Tổng. Locarno ở bờ hồ Majeur — Hồ Bienne trong mùa đông rồi đông đặc và người ta đi xe đạp trên mặt hồ. Hôm nay hãy còn một phía nước đá chưa tan. Ông bà Gl. đưa tôi đến phía đảo Saint Pierre nơi mà nhà văn hào J. J. Rousseau đến trú ngụ từ mùa thu năm 1765. Trong mấy quyển « Les Confessions » (Tự thú) và « Rêveries d'un promeneur solitaire » (Trầm tư mặc tưởng của một người đi dạo cô đơn) J. J. Rousseau có nhắc đến hồ Bienne. Ở Bờ hồ phía Bắc, có nhiều vườn nho. Đứng trên triền núi Jura nhìn xuống thấy rõ hai vùng trong châu thành. Thành xưa trên cao. Châu thành kim thời dưới đồng bằng và nhiều xưởng máy, xưởng dệt, xưởng làm xe ô-tô của hãng Mỹ General Motors, cắt cạnh những tòa nhà lầu mười mấy tầng. Tại Bienne từ năm 1879, đã có xưởng đầu tiên của đồng hồ *Omega*.

6 giờ chiều, mọi người tiễn tôi ra ga để đi Neuchâtel.

Neuchâtel.— Tôi đến Neuchâtel vào lúc 7 giờ chiều. Ông M. đón tôi về nhà của ông, một căn nhà mới cất trên đồi, mà ngang qua cửa kiếng mình thấy cả hồ Neuchâtel. Vì sáng hôm nay đã nói chuyện tại Bienne nên đêm nay là đêm đầu tiên tôi được rảnh rang. Ăn xong, tôi đàm đạo với ông bà M.

Ông M. là giáo sư Anh văn trường Trung học Neuchâtel. Bà là bào chế sư — nhưng ông thích bà ở nhà lo việc nội trợ, mà ông không cho bà đi làm công.

— « Hiện nay, đàn bà Thụy-Sĩ đi làm công rất nhiều ». Ông M. nói. Nhưng tôi thấy rằng đồng tiền không đem lại hạnh phúc. Chúng tôi có một gái, lương tôi đủ cho cả gia đình sống, tuy không dư dả nhưng không thiếu hụt. Tôi đi làm mệt. Lúc về nhà không gì vui cho bằng thấy trong ngoài vén khéo.

— Mà cô con gái tôi cũng vậy. Bữa nào đi học về mà vắng mẹ là buồn hiu ! Bà M. tiếp lời chồng... Nhưng chắc sang năm, tôi sẽ làm việc tại một hiệu bào chế. Nhà tôi định viết một luận án tiến sĩ về nước Anh mà dạy học thì không có thì giờ nghiên cứu. Tôi sẽ thay chồng làm việc trong một vài năm, lúc chồng tôi thi xong tiến sĩ, làm giáo sư Đại-học, ít mất thì giờ mà lương bổng hậu hơn. Chừng ấy tôi sẽ trở về thủ vai tuồng nội trợ.

Tôi liên tưởng đến gia đình một người kỹ sư tôi quen bên Mỹ chồng làm việc ban đêm, vợ làm việc ban ngày. Hai vợ chồng gặp nhau chỉ có mấy giờ đồng hồ trong ngày chủ nhật. Ngoài ra, trong tuần vợ chồng như thể sao hôm sao mai — Họ có tiền nhiều nhưng tiền không phải là nguồn hạnh phúc.

Neuchâtel 25-3. — Sáng nay trời nắng tốt, tôi đi xem thành phố. Đi bộ dài bên bờ hồ, nhìn lên phía đồi, thấy nhiều tòa nhà sơn màu vàng lợt, nhớ lại ngày xưa Alexandre Dumas nói rằng thành Neuchâtel như cắt trên một miếng bơ to — Hồ Léman tuy lớn hơn hồ Neuchâtel nhưng phân nửa hồ thuộc về nước Pháp. Hồ Neuchâtel hoàn toàn trong nước Thụy-Sĩ, dài 38 cây số và rộng 8 cây số. Hồ này nhờ những con kinh, được nối liền với hồ Biennne. Theo đường xe điện số 5, tôi đi dài theo bờ hồ và những nhà máy làm Sô-cô-la (sô-cô-la Suchard) hay là đồng hồ, máy ảnh, ống dòm, nhắc cho người du khách nhớ rằng một phần lớn hàng hóa xuất cảng của nước Thụy-Sĩ là sô-cô-la và đồng hồ. Trở lên phía đồi, tôi đi xem lâu đài cổ cắt từ thế kỷ thứ 12 và được trùng tu lại vào thế kỷ thứ 15, 16. Gần bên có một nhà thờ, một nơi tổ hợp giáo hội cũng cắt vào thế kỷ thứ 12. Đường đi lên đồi, dốc cao. Mùa đông năm nay, nghĩ tội nghiệp cho những người nhà cửa ở trên đồi, mỗi ngày đi làm có thể trượt té gãy tay gãy chân.

Ông M. sáng sớm đi dạy học, xế này ông rảnh, chở tôi vào xem trường đại học, đến thính đường sắp đặt máy rọi ảnh xong, ông đưa tôi đến một nơi mà du khách thường đến để nhìn dãy núi Alpes lúc trời quang mây tạnh, người ta gọi nơi ấy là La Vue des Alpes (Vọng cảnh núi Alpes). Hôm nay, trời nắng nhưng bị một lớp sa mù không thấy rõ núi. Trong lúc đi dạo, tôi hỏi thăm ông M. về cách tổ chức các trường trung học đại học bên Thụy-Sĩ.

Ông M. cho rằng bộ quốc gia giáo dục của toàn Liên bang Thụy-Sĩ cần phải thống nhất chương trình và điều kiện học. Nước Thụy-Sĩ có 24 tổng, mỗi tổng được toàn quyền định đoạt về các việc nội trị, mà trong đó có cả việc giáo dục. Thành ra trẻ con ở vùng Pháp ngữ 6 tuổi đã phải đi học. Còn trẻ con vùng Đức ngữ đến 7 tuổi mới vỡ lòng. Và lẽ tất nhiên là trong các trường học ở vùng Genève, Lausanne, Neuchâtel, chuyển ngữ là tiếng Pháp, trong các trường vùng Balê, Berne, Zürich chuyển ngữ là tiếng Đức, và trong các trường vùng Lugano, Locarno, chuyển ngữ là tiếng Ý. Nhưng vì bên Thụy-Sĩ có 4 ngôn ngữ chánh thức : Đức, Pháp, Ý và Romanche, thành ra sinh viên các trường trung học đều phải biết ba thứ, tiếng Đức, Pháp, Ý. Mỗi trường đại học phát cấp bằng riêng và thường thi những người tốt nghiệp trường nào làm việc trong vùng đó. Có khi muốn tìm việc trong một vùng khác phải thi lại — Ngày nay, nếu vì hoàn cảnh, một gia đình Thụy-Sĩ di cư từ một vùng Đức-ngữ đến một vùng Pháp-ngữ thường gặp rất nhiều khó khăn trong sự học cho trẻ con. Nội chuyện nghỉ hè cũng rắc rối. Ở vùng núi Jura, niên khóa bắt đầu vào mùa Xuân, thành ra sau lễ Phục Sinh mới vào học, vừa được ba tháng kể nghỉ hè trong một tháng rưỡi, vì trong lúc tháng 7 tháng 8 dương lịch trời nóng bức. Nhưng ở trường đại học Zürich chẳng hạn, niên khóa bắt đầu vào tháng 10 dương lịch, sau kỳ nghỉ hè. Thành ra, khi một học sinh vùng Jura muốn học kỹ thuật phải thi bằng « Maturité » (Thành thực) tương đương với bằng Tú tài bên Pháp. Cuộc thi chấm dứt vào lúc cuối niên khóa tức là vào tháng tư dương lịch. Trong nước Thụy-Sĩ, chỉ có trường Bách Khoa ở Zürich là danh tiếng, muốn học kỹ thuật, học sinh các nơi đều đến Zurich. Thành ra từ lúc thi bằng « Thành thực » (Maturité) đến lúc vào trường Bách-Khoa, trong 6 tháng, học sinh phải chờ đợi. Học sinh vùng Đức-ngữ nghỉ hè được 3 tháng, học sinh vùng Jura nghỉ hè có 1 tháng rưỡi. Cùng một đô thị như Neuchâtel mà trường trung học và trường tiểu học nghỉ lễ trước sau một tuần vì ngày nghỉ lễ trường trung học do ủy ban hàng tổng quyết định, ngày nghỉ lễ trường tiểu học do ủy ban làng quyết định. Thành ra nhiều gia đình có con học trường trung học và tiểu học, vì ngày lễ không trùng với nhau mà phải mất cả tuần để đợi nhau. Chương trình học cũng tùy từng tổng mà thay đổi. Hằng năm, trong giáo giới có nhiều cuộc hội nghị để thảo luận về vấn đề thống nhất sự giáo dục nhưng về mặt thực hành chưa có biện pháp nào được áp dụng cả.

Ông M. hiện là giáo sư. Ông cũng như các bạn đồng nghiệp, thấy những khuyết điểm trong việc tổ chức, sự học ở Thụy-Sĩ mà chẳng làm chi hơn được là cứ theo cái đà vạch sẵn và ngày qua ngày, niên khóa vẫn bắt đầu ở vùng Jura vào tháng tư và ở các trường Đại học vào tháng 10.

Ông M. đưa tôi dạo một vòng phố và chiều hôm nay, sau buổi ăn chiều, ông bà M. đưa tôi đến thánh đường trường học Neuchâtel, ông bà chúc tôi được thành công. Thánh đường ở tầng thứ nhứt. Ông bà M. đón các quan khách tại thang lầu, tôi ngồi trong một phòng nhỏ kế bên thánh đường. Ông M. vào nói cho tôi biết rằng thánh giả đông hơn số ước định và có nhân viên ủy ban quốc gia Thụy-Sĩ tại cơ quan Văn hóa Liên-hiệp-quốc đến dự.

Sau buổi nói chuyện, cũng có tiệc rượu giải lao như thường lệ. Và ngoài vấn đề âm nhạc, sân khấu, tôi còn trả lời nhiều câu hỏi về văn nghệ.

27-3 *Di Payerne.*— Sáng nay ông M. trước khi đi dạy học từ già tôi và bảo bà lái xe đưa tôi đi Payerne, để tôi khỏi phải đổi xe lửa và đợi tại Kerzers. Và đi xe ô-tô tôi có dịp viếng Mürten, một đô thị cắt giống châu thành Berne. Và châu thành này — tên Đức là Mürten mà tên Pháp là Morat cũng ở bên bờ hồ và còn giữ vòng thành cắt từ thời Trung cổ. Đứng tại con đường lớn nhất, ở trung tâm thành phố mà nhìn về phía cửa thành Berne, hai bên nhà lợp ngói nâu sậm, phía hàng ba có cửa vòng cung, làm tôi cứ tưởng như mình đang ở tại Berne. Đi rẽ theo con đường nhỏ dọc theo nhà thờ Tin lành, tôi đến vòng thành. Đứng đây nhìn xuống nóc nhà chi chít, về phía hồ có dạng dãy núi Jura. Từ Neuchâtel đến Payerne độ 60 cây số mà xe phải đi ngang qua 3 tổng khác nhau : Neuchâtel, Berne và Fribourg. Đến Payerne lại thuộc về tổng Vaud. Sự đi lại từ tổng này đến tổng kia rất dễ dàng. Nhưng đối với người ngoại quốc, nhất là người đến Thụy-Sĩ không phải chỉ để du lịch thì trong chiếu nhận, Tòa lãnh sự phải biên rõ những tổng nào người ấy có thể tạm trú. Trong trường hợp như tôi phải đi khắp nước Thụy-Sĩ, mà đơn xin chiếu nhận cho tôi thì do Hội Thanh niên âm nhạc tại Genève ký tên, nên Tòa lãnh sự đã phải chờ lệnh ở Sở Cảnh sát Berne mới cho phép tôi đến « Genève và các nơi khác » (Genève et autres lieux). Đối với người ngoại quốc từ phương xa đến thì như thế chớ hầu hết dân các nước Tây-Âu, không cần phải có chiếu nhận mới được vào Thụy-Sĩ. Người Pháp chỉ có giấy căn cước cũng có thể đi lại Thụy - Sĩ dễ dàng. Người Nhật không cần chiếu nhận nếu có giấy thông hành vào nước Thụy-Sĩ ở dưới sáu tháng thì không cần xin phép. (Người Thụy-Sĩ vào nước Nhật cũng được dễ dàng như thế). Người Việt bên này đi đâu phải mất tiền xin chiếu nhận, và bất tiện nhất là mất thì giờ chờ đợi ở Sở Cảnh sát Pháp, ở các Tòa lãnh sự ngoại quốc.

Xe đến Payerne vào lúc 11 giờ sáng. Hôm nay tôi trú tại « Khách sạn nhà tranh » (Hôtel de la chaumière). Tuy mang tiếng « nhà tranh », nhưng khách sạn này lợp ngói có đủ tiện nghi, có vườn hoa và ở gần

nhà ga. Cũng như phần đông khách sạn ở Thụy-Sĩ, có cả hiệu ăn. Vừa sắp đặt hành lý xong đến giờ ăn trưa thì có bà Phó hội trưởng Thanh niên âm nhạc đến hỏi thăm tôi và hẹn đúng 3 giờ ông Hội trưởng sẽ đưa tôi đi xem phòng họp. Tại đây cũng như ở Le Locle và vài nơi khác, tôi nói chuyện trong phòng nhóm của đạo Tin Lành — bên Thụy-Sĩ có 58, 5 phần trăm đạo Tin Lành và 39, 7 phần trăm đạo Thiên chúa — Phòng nhóm ở đây mới cất hơn một năm nay, rộng rãi, có sân khấu, có chỗ cho nghệ sĩ thay đồ, hóa trang. Sắp đặt đâu đấy an bài, tôi trở về phòng nghỉ vì suốt ngày nay trời mưa tầm tã.

Sau buổi họp, trong tiệc rượu giải lao, ban tổ chức hỏi tôi có viếng thành phố Payerne chưa. Tôi bảo rằng vì mưa nên chưa đi xem chi cả. Một người trong ban tổ chức tình nguyện sáng hôm sau dẫn tôi đi xem nhà thờ và tu viện mà năm nay người ta trùng tu lại để làm lễ « đệ thiên châu niên ». Nhà thờ này theo tương truyền do bà hoàng « Berthe » góa phụ của vua Rodolphe đệ nhị lập ra từ thế kỷ thứ 10. Đến nay, nhà thờ cất được 1000 năm. Tháng 6 tới đây, có cuộc lễ to và nhân dịp này thanh niên sẽ hát hợp ca tại gian giữa của giáo đường. Người ta cho rằng đến Payerne mà không có ăn « xúc xích » (saucisses), bánh ngọt và không có viếng tu viện là chưa biết được Payerne. Tôi đã ăn bánh ngọt và « xúc xích » từ trưa đến giờ. Còn viếng tu viện nữa là đủ.

27-3. — Mới 8 giờ rưỡi sáng ông chủ tịch Thanh niên âm-nhạc đã đem hành lý ra ga gửi đi trước. Cô. G. trong ban tổ chức dẫn tôi đi xem nhà thờ và Tòa-án. Nhà thờ này ngày xưa rất rộng. Hai bên tường mấy nhà khảo cổ đang trùng tu những bức họa bị thời gian làm mờ đi. Vào lúc thế kỷ thứ XVI, khi người Bernois đến chiếm vùng Payerne, họ lấy nhà thờ này làm vừa lúa mì, nên nhiều nơi bị hư hỏng. Từ năm 1926, đến nay, các nhà khảo cổ trùng tu nhà thờ này lại — Bàn ghế đều mất hết từ thế kỷ XVI. Chỉ còn hai cái vòng bằng đồng dùng để gõ cửa, có chạm hình đầu Sư-tử mà ngày nay ta còn thấy trước cửa Tòa-án. Tòa-án này cất vào thế kỷ thứ XVI (1572). Trên tường còn những bức họa của Mareschet vẽ từ năm 1576 — Thấy ngày nay, các nhà khảo cổ trông nom cho thợ lau từ tấm gạch, để cho tu viện này tìm được cái đẹp của thời xưa, nhớ đến người sáng lập ra tu viện ấy, bà hoàng Berthe mà người sau đặt lên là «bà hoàng ươm tơ kéo sợi» (Berthe la fileuse, hay là la reine filandière) tuy giàu sang phú quý nhưng muốn nêu gương cần lao cho dân, bà không ngại tự tay mình kéo sợi để dệt lụa. Có mấy người ở địa vị cao được đời ưu đãi mà còn nghĩ đến sự làm việc bằng tay ? Khi Payerne bị người Bernois đô hộ (từ năm 1536), tu viện, thánh đường biến thành vừa lúa từ năm 1686 đến năm 1804 dùng làm ngục thất, nhà chứa hàng, hầm rượu, và . . . phòng tập thể thao, trại lính, đến nay mới được trùng tu lại cho du khách bốn

phương đến xem. Những viên đá nhẵn nhụi trong tu viện này ngày nay được các nhà khảo cổ nâng niu, ngày xưa có lẽ bao lần bị gót giày của quân nhân chà đạp. Nghĩ đến cái thăng trầm của vật và người, lòng không khỏi bùi ngùi.

Saint Imier.— Từ Payerne đến Saint Imier không xa, nhưng phải đổi xe tại Bienne. Trong lúc đi đường, tôi đọc sách, viết thư, hay ghi lại những điều nghe thấy trong quyển sổ tay, hoặc ngắm xem phong cảnh. Như thường lệ, tôi đã nói với người soát vé rằng tôi đi đến Saint Imier và nhờ ông báo trước cho tôi lúc nào phải xuống xe. Tôi yên trí ngồi sửa bản thảo bài về « căn bản nhạc Á-châu » để gửi cho một tạp-chí xuất-bản tại Đông-kinh vào tháng tới, bỗng nhìn qua cửa thấy tuyết rơi và ngang qua đám mưa tuyết, tôi thấy tên ga Chaux de fonds. Thế là tôi đã đi quá Saint Imier xa lắc rồi. Vội vàng xuống ga, hỏi thăm thì mãi đến 6 giờ chiều mới có xe đi Saint Imier. Ông soát vé quên gọi, báo hại tôi phải ngồi đợi trong nhà ga Chaux-de-fonds, hằng giờ trong khi người đón tôi tại ga Saint Imier sốt ruột. Tôi có một bản danh sách các chủ tịch địa-phương của Hội Thanh niên âm nhạc. Gọi điện thoại báo tin tôi đến chậm, và xin lỗi đã làm cho ban tổ chức trong một phút phải « lên ruột » vì còn vài giờ nữa bắt đầu buổi họp mà diễn giả không biết ở nơi đâu.

Rồi thì đâu cũng vào đấy. Ông chủ tịch Thanh niên âm-nhạc ở đây là một nhân viên cao cấp của hãng đồng-hồ Longines. Người nhã nhặn, lễ độ nhưng ít nòng hậu. Ông đưa tôi về « Thập tam tổng khách sạn » (Hôtel des 13 cantons) để tôi ăn chiều và đúng 8 giờ ông đến đón tôi sau buổi diễn thuyết, ông tử tế hơn trước mười phần. Đưa tôi về, sau tiệc rượu giải lao, ông ngồi lại nói chuyện với tôi rất lâu.

28-3 *Lugano.*— Hôm nay tôi đi Lugano.

Nếu bạn nhìn vào địa-đồ bạn sẽ thấy rằng từ Saint Imier đến Lugano, tôi đi xuyên qua Thụy-Sĩ, đi từ vùng Jura, núi cao trời lạnh, đến vùng Ticino nắng ấm trời xanh, đi từ vùng Pháp ngữ, qua vùng Đức ngữ đến vùng Ý ngữ, đi dọc hồ Bốn Tổng, đi vượt qua núi Alpes miền Glaris băng qua đèo Saint Gothard để đến một nơi mà khí-hậu, và cây cối giống như vùng men bờ bể xanh bên Pháp. Có lẽ con đường xe lửa này là đẹp nhất trong những con đường tôi đã đi, đẹp hơn cả con đường đi qua Vienne dọc bờ sông Danube, đẹp hơn con đường từ Tokyo đi Nikko hay Kyoto.

Quãng đường đẹp nhất là từ Lucerne trở đi Lugano. Tôi đi ngang qua Flüelen, bùi ngùi nhớ lại năm 1949 tôi đã chụp ảnh kỷ niệm tại đây gửi về Việt-Báo. Anh T. X. cho đăng ảnh ấy ngoài bìa, bên trong có bài tôi viết những cảm tưởng đầu tiên khi tôi đến Thụy-Sĩ. Đến nay thăm thoát đã 14 năm qua !

Từ Lucerne, xe chạy dọc theo hồ Bốn Tổng (Lac des 4 cantons). Năm 1949 tôi đi với một người bạn Pháp bằng tàu thủy. Đi từ Lucerne đến Flüelen trở về mất 6 tiếng đồng hồ. Lần này, xe lửa chạy chỉ trong nửa giờ là suốt hồ. Nhưng rồi xe lại bao nhiêu lần chui qua hầm đá. Mỗi lần từ hầm đá chui ra, ta như lọt vào một thế giới thần tiên. Có vùng núi cao lởm chởm, và trên triền núi rừng thông xanh không che được cả lớp tuyết trắng và lấm nơi nước hồ lồng bóng núi tuyết rừng thông. Có nhiều ngôi nhà nhỏ xinh xinh cất dọc bờ hồ, có nhiều nhà gỗ chơi vơi trên triền núi. Từ núi này, xe chui qua núi nọ, có nơi xe chạy vòng núi, đường thiết lộ và đường ô-tô vòng như khu ốc. Nhiều nơi phong cảnh như những hòn non bộ khổng lồ. Nhớ tới người Nhật khi tạo một huê viên, nghĩ tới con người. Một khu vườn phải có đá như người có bộ xương, có cây lá sum xuê như thân người có bắp thịt, có rêu mịn như người có da, và có dòng nước như máu chảy trong cơ thể. Trên vùng Grisons, Táo-hóa cũng sắp đặt có núi đá, có thông xanh có hồ có dòng nước chảy. Chỉ thiếu rêu xanh nhưng có tuyết trắng thay vào. Vả chăng người Âu da trắng kia mà !

Từ trưa đến xế, xe đi qua chẳng biết bao nhiêu hầm đá. Khi xe đến đồi cao, tôi nhớ lại ngày xưa theo đường thiết lộ xuyên Việt, tôi đã ngắm cảnh núi biển tại đèo Ai Vân, và lúc đi từ Saigon đến Hà Nội, tôi đã cố đếm coi trong một ngày xe chui qua hầm mấy lượt. Tôi bỗng nhớ đến phong cảnh quê nhà, nhớ đến tàu dừa, tàu chuối, con sông con rạch. Ngày xưa nhiều lần tôi tưởng là mình chỉ nhớ cây dừa, cây chuối vì từ lâu mắt mình không trông thấy. Nhưng khi gặp lại cây dừa tại Thái-Lan, cây chuối tại Nhật-Bản, lòng thấy không thỏa mãn vì không phải mình nhớ cây dừa, cây chuối mà cây dừa cây chuối ở nước Việt.

Đang nghĩ vẩn vơ, xe lửa đã xuống đồi, bên ngoài tên nhà ga, tên các đô thị không còn là tiếng Đức mà tiếng Ý. Xe chạy qua Bellinzona rồi đến Lugano.

Lugano.— Tại sân ga, một cậu thanh niên mang kiếng đứng cạnh một thiếu nữ nét mặt đẹp nhưng hơn một thước tám bề cao, vừa thấy tôi chạy đến chào, tự giới thiệu là phó chủ tịch Thanh niên âm-nhạc sở tại và cho tôi biết rằng họ định cho tôi ở nhà Ông bà L. Nhưng hôm nay, có bà R. đến làm giám khảo chấm giải nhạc M.^e Sandoz. Bà R. và bà L. là bạn thân, nên bà L. lại nhờ bà F. cho tôi ở trọ. Cô gái đi theo là lính nữ của bà F.

Về đến nhà, bà F. để cho tôi ở trong một căn phòng rộng có cả buồng tắm. Mở cửa sổ thấy núi tuyết và hồ Lugano. Buồng này của cô thứ nữ bà F. Hiện cô ấy du học bên Anh. Trong buồng có một tủ sách riêng đầy sách tiếng Ý, tiếng Pháp, tiếng Đức và tiếng Anh. Trên bàn viết có một

cây đàn cổ loại có cung — và giữa buồng 5 hoa tulipes 3 đỏ 2 vàng, để trên một cái bàn con như tươi cười chào khách — Trên tường có một bức họa trù tượng của một họa-sĩ Nhật Nagiwasa và nhiều bức tranh Nhật.

Bà F. là một kiến trúc sư danh tiếng ở vùng này. Bà trông nom việc cất nhà chẳng những tại Lugano mà cả ở vùng biên giới Ý. Bà có 6 người giúp việc tại văn phòng, có tài xế, có bếp. Người con gái lớn của bà là Y-khoa Bác-sĩ nhưng nay lại chuyên về nghiên cứu nguyên tử lực. Cô gái kế đã có chồng có con. Một cô đang du học bên Anh và cô gái út 15 tuổi, học sinh trường Trung-học, là cô gái cao hơn một thước tám đã ra sân ga đón tôi.

Bà F. có một mẹ già. Bà cụ 88 tuổi nhưng còn sỏi lắm. Suốt ngày bà xem vô tuyến truyền hình để học thêm vì ở Lugano, người ta có thể bắt chương trình dạy các trường Thụy-sĩ và Ý. Bà am hiểu thời cuộc và mỗi đêm bà còn học tiếng Anh với một nữ giáo-sư. Bà này ngày xưa có ở Nam-Dương thạo tiếng Đức tiếng Ý tiếng Anh và tiếng Nam-Dương. Bà sống ở Nam-Dương trên 25 năm và hiện giờ mỗi lần nhắc đến Viễn-Đông bà thường nói : bên này, không ai biết sống cả. Cứ bị guồng máy xã hội cuốn lôi chạy theo thì giờ, không biết chữ nhân là gì. Về bên này bà thấy khổ lắm nhưng từ 10 năm nay người Âu khó sống ở Nam-Dương, bà về đây ở cho có bạn với bà cụ và dạy bà cụ nói tiếng Anh.

Đến hơn 6 giờ chiều bà F. đi làm việc về. Bà có mời một cậu sinh viên trường kỹ-thuật đến ăn chiều để tiếp khách vì ông W. phu quân của bà F. cũng là kiến trúc sư, hiện đang điều khiển công việc tại Damas vùng cận đông. Bà F. xin lỗi không về nhà lúc tôi mới đến vì bà bận nhiều việc. Bà bảo tôi có cần dùng chi cứ gọi người nhà. Bà lại để xe ô-tô và dặn tài xế nếu tôi có cần đi đâu thì đưa tôi đi.

Đêm nay tôi nói chuyện về nhạc khí dùng trong nước Việt. Tôi nói qua điệu Bắc, điệu Nam, hơi Xuân, hơi Ai và đàn Phú Lục, Nam Xuân bà F. rất thích hợp hơi Xuân và bà nói rằng lần đầu tiên bà mới nghe được một lối nhạc khác hẳn nhạc Âu. Lối nhạc ấy tuy lạ tai nhưng đem lại trong lòng người nghe một cái gì thơ thới lạ thường.

Bà cho rằng người Á-châu có lẽ về quan niệm sống, đi gần chân lý hơn người Âu. Bà hỏi thăm tôi về việc tham thiền nhập định và tỏ ý muốn đi viếng các nước Á-châu.

29-3.— Sáng sớm, anh P. một sinh viên khoa kinh tế, phó hội trưởng Thanh niên âm nhạc đến dẫn tôi đi viếng thành phố Lugano. Anh P., học kinh tế tại Zürich. Anh lại học thêm ngoại ngữ và có ý muốn đi ra nước ngoài để làm việc. Anh thích du lịch và anh nói đi đâu xem danh lam thắng cảnh rồi lúc về nhìn lại Lugano thấy rằng quê mình đẹp chẳng kém các nơi khác. Anh dẫn tôi dạo bờ hồ, có bóng mát, dọc lên đến làng mà người bản xứ

gọi là « Thiên đàng » (Paradiso) và đi ngắm thảo hoa trong công viên nhìn đoàn hươu nai chạy nhảy trong ấy. Anh đưa tôi đến làng Mélide. Nơi đây nếu ai không có cơ hội đi khắp nước Thụy-Sĩ, cũng xem được những danh lam thắng cảnh chánh, tổng hợp tại nước Thụy-Sĩ tí hon (La Suisse en miniature) trong ấy, nhà cửa, lâu đài, cây cối, xe cộ đều nhỏ hơn thật 25 lần. Có nhà thờ Zürich ở gần xưởng làm đồng hồ « Longines » (Saint Imier) và lâu đài Porrentruy. Chẳng những thế, xưởng làm Ovomaltine, chỗ làm phó-mách Gruyère Emmenthal hay là gánh hát xiếc lớn nhất Thụy-Sĩ Knie cũng có mặt trong đó. Người ta có đặt cả chục đường thiết lộ có xe điện tí hon chạy qua cầu, lên đèo xuống đồi. Một người kỹ sư ngồi trong một căn phòng bấm nút điện để cho các toa xe biết mà tránh nhau. Có cả một chiếc xe điện chở trẻ em đi dạo do một cậu bé cầm lái. Có gần 50 chỗ để xem, mỗi chỗ mang một con số. Nước Thụy-Sĩ tí hon mở ra từ năm 1959. Mỗi năm có thêm cảnh mới hoặc cầu xe lửa hay xa lộ mới. Mỗi lần như thế là có cuộc tiếp rước long trọng, có giàn nhạc diễn tấu. Chỉ tốn một quan rưỡi (lỗi ba chục đồng bạc Việt) là vào xem mãn nhãn và tha hồ mà viếng cái nước tí hon một nước không quân đội, không cảnh sát, một thiên đàng cho trẻ em mà cho cả người lớn ! Biết bao du khách đến đây để chụp ảnh kỷ niệm.

Hôm nay, bà L. mời tôi đến ăn trưa, tại nhà của bà. Ông là sĩ quan cao cấp trong nước Thụy-Sĩ, ông làm đến chức Đại tá tức là chức cao nhất trong quân đội Thụy-sĩ trong thời bình ông cho biết. Chỉ có lúc chiến tranh bùng nổ, Chánh phủ mới bổ một người đại tướng ra cầm binh. Quân đội Thụy-Sĩ dùng để bảo vệ quyền trung lập của nước nhà, để giữ gìn bờ cõi chớ không để xâm lăng. Mỗi người dân Thụy-Sĩ đều phải đi lính trong 4 tháng, chớ không phải trong 2 năm như bên Pháp — Sau thời hạn nhập ngũ ấy, người lính Thụy-Sĩ được giải ngũ và mang luôn súng đạn, nhưng phục về nhà. Mỗi năm, tùy theo chức nghiệp và cấp bậc trong quân đội, người Thụy-Sĩ phải trở vào quân đội trong 3 tuần, 1 tháng hoặc 2 tháng để tập dượt cho đừng quên phép hành binh hay cách bắn súng. Nếu chiến tranh bùng nổ, lệnh tổng động viên vừa ban ra ngày hôm sau, mỗi người lính có sẵn đồng phục, khí giới, đến nhập ngũ và có thể được đưa ra biên thùy mà không cần tập dượt lại. Và từ trước đến giờ cũng ít khi nghe nói có người Thụy-sĩ dùng súng đạn của chánh phủ giao cho giữ lấy để đi ăn cướp hay giết người.

Ông L. làm đại tá trong cơ quan liên lạc với cấp chỉ huy các nước ngoại quốc. Bà L. hoạt động đặc lực cho phong trào Thanh niên âm nhạc. Trong nhà bà có 2 cây đàn dương cầm và một cây đàn clavecin. Cùng ăn trưa hôm nay có bà R. Chủ tịch Liên bang quốc tế Thanh niên âm

nhạc ; và ông P. B. Giám đốc quốc gia Thư viện Thụy-Sĩ, Phó chủ tịch Ủy ban quốc gia Thụy-Sĩ tại Cơ quan Văn hóa Liên hiệp quốc. Sau tuần cả phê, tôi cùng đi với mọi người vào đài phát thanh Lugano nơi họp của ban giám khảo cuộc thi Louis Sandoz. Chắc bạn biết tên bào chế sư Sandoz khi bạn cần tiêm thuốc Calcium. Ông giàu có lớn. Ông cho một số tiền để hằng năm tổ chức và phát thưởng cho một nhạc sĩ trẻ tuổi mà có tài. Những người mới đậu ra âm nhạc viên mà chưa được người biết tên tuổi, có thể dự thí. Trong lúc đó, các cậu, các cô có thể đàn chung với giàn nhạc của đài phát thanh trong những ban tấu khúc (concerto). Trúng giải thì được đài phát thanh mời đàn ba lần và được lãnh tiền như một nhạc sĩ chuyên nghiệp và hội Thanh niên âm nhạc sẽ tổ chức 10 buổi hòa nhạc để giới thiệu nhạc sĩ — người trúng giải có thể trong vài tháng danh truyền khắp xứ ; mới bước vào trong nghề độc thủ một nhạc khí (Soliste) mà được nâng đỡ như thế cũng là một dịp hiếm có.

Tôi ở chơi một chút, kể trở về lo sắp đặt chiều hôm nay đi Locarno diễn thuyết.

Locarno.— Độ 5 giờ anh P. Sinh viên sinh ngữ tại đại học Milano, ký giả cho một tờ báo tại Locarno, chủ tịch Thanh niên âm-nhạc vùng Tessin đến đón tôi đi Locarno. Mỗi tuần anh sang Milano bên Ý, ở hai hôm học tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Ý. Từ Lugano đi Milano chỉ mất một giờ rưỡi. Nhà giàu, nhưng anh thích làm báo để vừa có tiền tiêu, vừa tập sự nghề ký giả. Anh lái xe đưa tôi đến Locarno trong khi trời mưa và anh tiếc rằng không thể giới thiệu thành phố Locarno dưới mặt trời. Xe chạy ngang qua nhà thờ Maddona del Sasso, mà tôi không có thì giờ đến đây viếng nhà thờ ấy, buổi sáng tôi có xem tại nước Thụy-Sĩ tí-hon rồi xem qua châu thành Locarno, đi dọc bờ hồ Majeur, tôi nhớ lại lúc học trường chánh trị ở Ba-Lê, có nghe nói đến hiệp ước Locarno ký vào năm 1925. Năm đó ông Aristide Briand, Ngoại trưởng Pháp, đã áp dụng chánh sách nhân nhượng đối với Đức, ký tại Locarno một hiệp ước bất xâm phạm với các nước Bỉ, Anh, Đức, Ý, để bảo vệ hòa bình. Không ngờ có ngày tôi lại đến Locarno — không phải để ký hiệp ước đâu — mà để nói chuyện về âm nhạc Việt.

Kết quả rất mỹ-mãn. Nhưng đêm nay tôi trở về Lugano để sáng hôm sau đi Tramelan. Bà F. đã cho anh tài xế đem ô-tô đến đợi tôi từ lúc 10 giờ rưỡi. Về đến Lugano, thang máy vừa ngừng ở tầng lầu thứ bảy thì bà F. đã đứng ở cầu thang mở cửa chào tôi hỏi thăm kết quả buổi nói chuyện thế nào và nếu tôi có cần ăn khuya thì anh tài xế dọn. Bà tiếp khách thật châu đáo. Tôi nhớ lại năm 1949 lúc tôi mới sang Thụy-Sĩ lần đầu, cũng ở trong một gia đình Thụy-sĩ. Một người bạn Pháp mời tôi về quê ngoại của anh ta. Trong mấy hôm, bà ngoại của anh coi tôi như con cháu trong

nhà. Trước ngày tôi trở về Pháp, bà sắp va-li cho tôi và lúc đến Paris tôi mới thấy là bà đã để theo hành-lý của tôi một gói sô-cô-la.

30-3. — Sáng nay tôi đi Tramelan, tức là đi trở lại con đường từ Tessin đến núi Jura. Cách hai hôm trước, trời nắng tốt. Hôm nay lại có bão tuyết. Nhiều người hành khách nói với tôi rằng đi đường này mà không có mặt trời thì không thấy được cái đẹp của phong cảnh. Nhưng tôi thấy mình đã được may mắn ngắm một cảnh đẹp dưới hai bộ mặt khác nhau.

Chiều nay đến Tramelan sẽ có chị Mộng-Trung giúp hơi tiếp sức. Cuộc tuần du diễn thuyết còn tiếp tục trong một tuần nữa. Nhưng từ đây mời bạn nhìn nước Thụy-Sĩ, xét người và việc qua đôi mắt của thi sĩ Mộng-Trung.

*
* *

Ở Ba-Lê, quanh năm suốt tháng cặm cùi trong thư viện hay bảo tàng-viện, ngày nào cũng nghe nhạc nhưng ngang qua các đĩa hát hoặc băng thu thanh. Nghe nhạc không phải để thưởng thức mà để tìm hiểu và phân tách như một người bác sĩ không thấy người bệnh nhân đẹp hay xấu mà chỉ tìm căn bệnh. Nghe nhạc trong đĩa hát như ăn đồ hộp. No mà ít bỏ lại thiếu chất tươi, không làm sao bì được với nhạc sống do con người đem đến cho mình. Không hưởng được nhạc sống thì đem nhạc sống cho người cũng là một cái vui. Nhất là khi đem nhạc sống do mình biểu diễn cho người khác, mình lại được một cái vui khác : giới thiệu văn hóa nước Việt cho các bạn trẻ và dùng âm nhạc mà kết thêm chặt tình nhân loại.

Xa xôi,
TRẦN-VĂN-KHÊ

Đã phát hành tại khắp các hiệu sách

DÒNG SÔNG ĐỊNH MỆNH

của DOÃN-QUỐC-SỸ

Xuất bản lần thứ hai — Bản thường 40\$ — Bản quý 100\$.
Các bạn yêu sách quý xin gởi bưu phiếu theo địa chỉ :

DOÃN-QUỐC-SỸ, 338/60 B, Thành-Thái — CHOLON

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE **pour le Commerce et l'Industrie**

S. A au capital de 80.000.000 N. F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9^e

SAIGON

36 Rue TÔN-THẤT-ĐẠM

135. Đai-lộ NGUYỄN-HỮU
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

26, Moha Vitthet Preah Bat Norodom
(ex Dudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 542
B.P. 197

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601
P.O. Box n° 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France et dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F., A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico Banco del Atlantico ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do An-Chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 7.150.000 Anh-kim



LUÂN - ĐÔN TỔNG - CỤC

38, Bishopsgate, London E. C. 2



SAIGON CHI - CỤC

CHI - CỤC CHÍNH : 3, Đường Võ-Dĩ-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhất

(Immeuble Esso Standard Eastern Inc.)



NAM - VANG CHI - CỤC

10, Phlaur Preah Kossamac



CHI-NHÁNH THÀNH-LẬP TẠI CÁC NƯỚC VIÊN-ĐÔNG



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu



VÕ-QUANG-YẾN

22 vòng

quanh trái đất

SAU Gagarin, Titov, Nicolaev, Popovitch, sau Shepard, Grissom, Glenn, Carpenter và Schirra, đây đến lượt Leroy Gordon COOPER bước lên phi thuyền, thắng sức hấp dẫn của quả đất để ra khoảng không gian. So với cuộc bắn vệ tinh trước của Mỹ, các nhà chuyên môn đã đạt được nhiều thắng lợi. Đặc biệt hai điểm quan trọng nhất được chú ý là COOPER đã bay 22 vòng xung quanh quả đất trong 34 giờ 20 phút (Schirra : 6 vòng, 9 giờ 13 phút) và khi về lại quả đất chỉ rơi cách chiếc hàng không mẫu hạm Kearsage có 3, 6 cây số (Schirra : 9 cây số) nghĩa là vẫn để thời gian bay và độ chính xác cuộc thám hiểm đã tăng lên nhiều. Chi tiết thứ nhì còn được đáng nâng cao nữa khi ta biết một chuyện bất trắc về kỹ thuật đã bắt COOPER tự cầm lái lấy trên đường về lại mặt đất thay thế cho máy tự động. Nhưng bên phía kỹ thuật còn

có nhiều điểm khác chưa được hoàn hảo làm cho bao người chuyên môn trong cuộc cũng như khán giả bên ngoài đã phải nhiều lần phập phồng lo sợ.

Cuộc bắn đã phải trì hoãn 24 tiếng đồng hồ

Nguyên cuộc bắn định vào hôm 14-5-63. Thiếu tá COOPER đã nằm vào capsuyn chiếc FAITH 7 (Đức tin 7) từ 4 giờ 20 phút trước giờ T (là giờ khởi hành : take off). Một biến cố thứ nhất, tuy chẳng có gì quan trọng, cũng đủ để bắt đầu phá rầy : chiếc máy vận dụng tháp hỏa tiễn không chịu chạy, mà chừng nào chiếc tháp ấy, nặng 450 tấn, không đẩy ra cách xa hỏa tiễn được độ 100 thước thì không sao hỏa tiễn rời được khỏi mặt đất. Chỉ là một chiếc máy diesel nhưng cũng mất hơn 2 tiếng đồng hồ để sửa chữa.

22 VÒNG QUANH TRÁI ĐẤT

Một rủi ro thứ nhì bắt buộc cuộc bắn phải trì hoãn lại hôm sau : máy rada ở Bermudes bị hỏng ! Sau đài Goddard ở ngay Cap Canaveral, đài Bermudes là một trung tâm kiểm soát quan trọng về bậc nhất trong hệ thống truyền tin mà Hoa-Kỳ đã đặt khắp mặt đất để theo dõi các vệ tinh. Động tác điều hòa của đài này vì vậy rất cần thiết cho một cuộc thành công hoàn toàn. Thật vậy, chính đài Bermudes quyết định tương lai của vệ tinh mỗi một khi vệ tinh ra khỏi tầm kiểm soát của đài Goddard. Ngoài ra, cũng từ đài Bermudes mà lệnh sẽ truyền lên vệ tinh để cho chạy những hỏa tiễn hồi tồ, cần thiết trong cuộc thám hồi phi thuyền. Vì tính cách quan trọng như vậy, nếu khi máy ra-đa ở Bermudes bị hỏng các nhà chuyên môn của cơ quan hàng không không gian NASA phải cho đình hoãn cuộc bắn lại một ngày.

Một con số đọc sai làm các nhà chuyên môn lo sợ

Sáng hôm sau, 15-5-63, đúng 8 giờ 4 phút (giờ địa phương), phi thuyền FAITH 7 đâm thủng bầu trời ở Cap Canaveral để đưa COOPER lên không trung. 5 phút 5 giây sau, tiến lên tốc độ 27.600 cây số/ giờ, vệ tinh lên đến quỹ đạo. Kế hoạch « MA-9 » tiến hành như các nhà chuyên môn mong muốn. Xung quanh các máy kiểm soát, người ta hồi hộp theo dõi :

1 phút 25 giây : COOPER vừa mới vượt qua vùng áp lực khí động học ớn nhất nhưng cũng báo về được

máy móc đều vận dụng điều hòa. 1 phút 55 giây : nhà phi hành cho biết áp lực trong capsuyn và báo thêm mặt trời vừa lọt qua cửa sổ vệ tinh. 2 phút 30 giây : vệ tinh cho rơi các máy gia tốc và tháp phun. 4 phút 30 giây : COOPER nói chuyện với SCHIRRA ở đài Cap Canaveral. Sau đây, FAITH 7 chạy vào tầm kiểm soát của đài Bermudes và tiến lên quỹ đạo.

Qua phút thứ 37, khi vệ tinh đang vượt khỏi Tangayika để tiến qua Úc châu, người ta thỉnh lình nhận được tín nhiệt độ trong capsuyn lên đến 118 độ Fahrenheit còn nhiệt độ trong bộ áo của COOPER cũng lên đến 92 độ Fahrenheit. (Người Mỹ thích dùng hệ thống Fahrenheit : 30 độ Fahrenheit tương đương với 0 độ bách phân và 212 độ Fahrenheit tương đương với 100 độ bách phân). Các nhà chuyên môn hoảng sợ, lo chuyện thám hồi vệ tinh. Nhưng sợ chẳng bao lâu thì người ta biết được con số đọc sai : chỉ là 100 và 56 độ Fahrenheit mà thôi ! Hoàn hồn, các nhà chuyên môn lại vui mừng nghe COOPER báo thêm nhiệt độ tuy lên cao nhưng vẫn chịu đựng được.

9 giờ 37 phút : FAITH 7 trở về lại trên không phận Texas rồi qua Floride, quay đúng được một vòng quanh quả đất. Từ đài Guaymas bên Mecxit, GRISSOM tin cho COOPER biết có thể bay tiếp 6 vòng nữa. Liền sau đây, từ Cap Canaveral, ông giám đốc kế hoạch Mercury, WALTER WILLIAM, cũng cho hay với những

điều kiện hiện hữu, COOPER có thể bay luôn 22 vòng như đã định trước.

Biết bao khó nhọc trên đường về lại mặt đất

Khi COOPER vừa mới bắt đầu vòng thứ 20 thì ngọn đèn xanh « 0-5 G » bật sáng. Thường thì ngọn đèn này chỉ thấp lên khi nào vệ tinh xuống thấp, cọ sát với khí quyển. COOPER báo ngay cho SHEPARD ở một đài kiểm soát. Ở mặt đất, các nhà chuyên môn hoảng sợ vì thấy ngay có gì bất trắc: COOPER còn phải bay 2 vòng nữa mới được về! Lệnh truyền lên phải đập mạnh vào máy như ta thường làm khi máy vô tuyến điện bị tắt. COOPER vâng lời: ngọn đèn xanh tắt nhưng nhiều ngọn khác lại bật sáng tứ tung. Một phần hệ thống tự động để đưa vệ tinh vào lại khí quyển bị hỏng! Quyết định tức khắc được lấy ngay: COOPER phải thân hành tự cho các hỏa tiễn hồi tồ vận dụng sau khi xét định vị trí trong không gian qua cửa sổ.

Từ một chiếc tàu ở phía Nam Nhật Bản, GLENN có nhiệm vụ điều khiển COOPER để cho vệ tinh trở về. Bình tĩnh trong một lúc nguy hiểm, lo sợ, COOPER nhìn qua cửa sổ của vệ tinh, định hướng rồi tuân theo lời GLENN: 5, 4, 3, 2, 1. Tiếng đếm thụt lùi vừa dứt COOPER bấm nút cho các hỏa tiễn hồi tồ chạy. Lúc bấy giờ, FAITH 7 vừa mới vượt qua biển Trung-Hoa 15 phút sau, người ta mất tin COOPER: capsuyn đang vào khí quyển. Từ chiếc Kearsage, các máy radar đều chỉa lên trời để tìm dấu vệ

tinh. Tiếng nói của COOPER lại vang lên khi hai chiếc dù đã bật lên và hãm dần capsuyn lại. Đúng 34 giờ 20 phút 31 giây sau khi khởi hành ở Cap Canaveral, COOPER rơi xuống Thái-Bình-Dương, cách đảo Midway 128 cây số về phía đông nam. 36 phút sau, COOPER ra khỏi capsuyn vừa được vớt lên chiếc Kearsage. Quay 22 vòng xung quanh quả đất, nhà phi hành vừa bay được 923.000 cây số!

Không ăn không ngủ và chỉ vài giờ ngủ suốt một ngày rưỡi

Sau ba ngày dưỡng sức ở Honolulu, COOPER đã tiếp các nhà báo ở Cocoa-Beach. Nhà phi hành cho biết nhiều chi tiết của cuộc bay vừa qua.

Vấn đề quan trọng được đặt động đèn trước nhất là vụ máy móc thấu hồi bị hỏng. Thật ra cơ chế trở về khí quyển cũng khá phức tạp. Vệ tinh đang bay với tốc độ 28 000 cây số/giờ thì phải cho hãm lại trong không gian nhờ những hỏa tiễn hồi tồ. Muốn thi hành cơ chế này, trước phải cho xoay vệ tinh 180 độ, nghĩa là để cho nhà phi hành xây mặt lại phía sau và ba hỏa tiễn hồi tồ lại chỉa ra trước. Sau đây, một hệ thống tự động, do những đài kiểm soát ở mặt đất vận dụng, cho nghiêng vệ tinh xuống một chút, đồng thời cho đốt những hỏa tiễn hồi tồ. Trong cuộc bay của COOPER, bộ máy trong vệ tinh thuộc hệ thống tự động bị hỏng nên COOPER phải tự tay cầm lái. COOPER tuyên bố không có gì nguy hiểm cho nhà phi hành vì máy móc cầm tay đã vận dụng hoàn hảo.



Từ Cap Canaveral đến Midway sau
22 vòng quanh trái đất

(Hình trích báo *Le Figaro*)

Một chuyện bất trắc thứ nhì cũng không kém phần quan trọng : máy dọn nước uồng bị hỏng, thành thử suốt một thời gian bay, COOPER không được uồng một giọt nào. Đồng thời COOPER cũng chẳng ăn được vì các thức ăn đều khô, nếu không thăm nước thì chẳng nuốt được ! Kết quả là sau cuộc bay COOPER bị sụt mất 3 kí-lô. Trái lại nhà phi hành đã ngủ được ít giấc, tổng cộng tất cả được 5 tiếng đồng hồ. COOPER kể chuyện một lần thức giấc thấy hai cánh tay của mình bay trên đầu vì không có trọng lực trong capsuyn ; ông sợ vô tình có thể chạm vào các nút máy nên lần sau trước khi nhắm mắt ông cột hai tay vào ghế.

Lần đầu tiên một chiếc vệ tinh phóng tay chạy trên quỹ đạo

Một chi tiết đặc biệt trong vụ bay vừa qua là COOPER người đầu tiên đã dùng tay phóng một vệ tinh nhân tạo. Thật vậy, đúng như chương trình đã định, trong lúc đang bay trên quỹ đạo, COOPER thả ra không trung một quả bóng nhỏ, bé hơn quả bóng đá, nặng 5 kí lô, có đèn nhấp nháy. Quả

bóng bay trên một quỹ đạo gần giống quỹ đạo chiếc FAITH 7 và có lẽ hiện đang còn bay. Mục đích cuộc thả bóng này là để khảo cứu cách liên lạc và gặp nhau sau này giữa các vệ tinh.

Ngoài ra, qua cánh cửa sổ, COOPER đã quan sát nhiều. Ông thấy rõ đám sáng ở Bloemfontein bên Nam-Phi do 3 triệu ngọn nến thắp lên mừng ông gây ra. Ông còn tuyên bố có thấy rõ nhiều thành phố bên Úc-châu và nhiều nhóm nhà hẻo lánh ở Tây-Tạng và ở miền nam Hoa-Kỳ nhưng các nhà chuyên môn chưa tin hẳn. Theo bác sĩ Stanley BALLARD, ở cao độ 200 cây số, mắt người khó phân biệt được hai vật nằm cách nhau 60 thước.

COOPER có chụp nhiều hình ở cao độ : những ảnh màu chụp ánh sáng bên hướng đông trước khi mặt trời mọc sẽ giúp các nhà chuyên môn hiểu rõ nguyên thủy ánh sáng ấy và có lẽ chứng minh được ánh sáng ấy là do các tia nắng mặt trời phản chiếu trên các lớp bụi không trung mà ra. Trên Ấn-Độ dương và trên đất Phi-châu, COOPER có chụp và dùng vô tuyến truyền hình gửi về mặt đất những ảnh về mây và nhiễu loạn khí quyển. Những tài liệu này sẽ giúp để sau này hoàn hảo thêm những vệ tinh khí tượng.

Sau cùng, COOPER còn có làm nhiều thí nghiệm khác như đo các bức xạ, truyền tin với cột ăngten dài 8 thước sau này sẽ gắn vào các capsuyn GEMINI.

Cuộc bay của COOPER vừa qua là một nấc thang lớn trên đường lên cung trăng của Mỹ.

VÕ-QUANG-YẾN

Kinh nghiệm đời văn

(call il experience)

ERSKINE CALDWELL

PHONG-GIAO dịch

Khởi đăng từ *BÁCH-KHOA* số 129, chúng tôi đã trình bày chương *Khai-từ* (gồm một tự-ngôn) và *phần I* của tác phẩm (gồm 15 chương). Đến số 136, chúng tôi phải tạm ngưng vì những lý do hoàn toàn ngoài ý muốn.

Trong khi ngưng đăng, chúng tôi có nhận được nhiều thư của thân hữu và độc giả viết về thăm hỏi. Để đáp lại mỗi thịnh tình đó, và cũng để thay một lời cáo lỗi chân thành, chúng tôi xin trình bày tiếp đoạn cuối của tác-phẩm, gồm 2 chương *Kết Từ*.

Trong một hoàn cảnh thuận tiện hơn, chúng tôi sẽ cho in toàn bộ bản văn dịch này thành sách.

Tiện đây chúng tôi cũng xin ngỏ lời cảm ơn tác giả ERSKINE CALDWELL về những lời khuyên bảo quý báu mà ông đã có nhã ý dành cho chúng tôi.

P. G.

KẾT TỪ

I

Hễ khi có người nào ao ước được trở thành văn sĩ tới xin một tác giả chỉ bảo và nâng đỡ, thì thường nêu ra nhiều câu hỏi quen thuộc. Có hai câu hỏi, hỏi miệng hoặc viết thành chữ, mà tôi thường hay bị tra hỏi là :

Ông viết truyện như thế nào ?

Bằng cách nào ông làm cho một tác phẩm được xuất bản ?

Sau tất cả bấy nhiêu năm trời cầm bút tôi vẫn chưa biết cách trả lời làm sao để làm thỏa lòng những độc giả tò mò và những nhà văn trẻ tuổi nhiệt thành. Đương nhiên là phần lớn những bạn đó

KINH NGHIỆM ĐỜI VĂN

cứ tưởng rằng tôi bo bo nắm chặt bí quyết hành nghề, bởi lẽ thật có ít ai hài lòng với điều giải đáp của tôi. Câu trả lời mà tôi thường dùng là, theo kinh nghiệm của tôi, phương cách hữu hiệu nhất để học viết văn chính là tập viết, và phương cách hữu hiệu nhất để làm cho một tác phẩm được xuất bản là ta cứ gửi bản thảo tới các tạp chí, gửi hoài cho đến khi nào gặp được một vị chủ bút ưng thuận nhận đăng bản thảo đó.

Những bà nội trợ ở Texas, những bác tài xế taxi ở Ohio, các bạn sinh viên ở Nebraska, và các thầy thư ký ở California, khi nhận được câu trả lời của tôi đại loại như vừa kể hẳn sẽ than phiền tại sao tôi không thể cho họ những lời khuyên rõ ràng và đầy đủ hơn về cái bí quyết trước tác cùng là xuất bản. Có thể rằng cái nguyên do khiến tôi không tài nào cho họ những lời khuyên hữu hiệu hơn, khả dĩ làm cho mỗi người trong bọn họ có thể trở thành một nhà văn nổi tiếng, ấy là vì tôi thường quan niệm sáng tác văn nghệ là một việc được thúc đẩy bởi một tâm trạng nào đó ; và tôi tin tưởng rằng chỉ có những ai có sẵn tài năng thiên phú hoặc là nuôi dưỡng một nhu cầu khẩn thiết giải bày tâm trạng của chính mình thành chữ viết, thì mới hoàn thành nổi việc trước tác.

Cái tâm trạng đó, tôi có thể nói, là một sự ham muốn vô bờ bến mà ta có thể cố tâm thực hiện với bất cứ giá nào. Nó là một khao khát mãnh liệt mà ta không thể nào chối bỏ được. Đối với người này, nó có thể là một ham muốn tình cảm, cũng tựa như sự thèm khát

tình yêu, sự tìm kiếm tình bạn ; đối với người khác, nó có thể là một nhu cầu sinh lý tựa như thèm uống, thèm ăn. Cái tiềm lực của trạng thái tinh thần đó thúc đẩy ta tiến bước đến bất cứ khoảng cách nào mà ta ước ao đi tới để đạt được cái ý nghĩa của cuộc sống.

Sự thành công hay thất bại thật ra tùy thuộc ở nơi mức độ của cái tiềm lực của tâm trạng đó. Có nhiều người chọn cách băng qua những cảnh khốn cùng của kiếp nhân sinh để học hỏi cách viết văn. Nhiều người khác dễ nản chí hơn, đã tìm ra vô số những thác từ hữu lý để mà bỏ cuộc và soay ra làm công việc khác. Hiển nhiên là giữa hai hạng người cực đoan đó, cũng còn khá nhiều người khác, khát khao được trở thành văn sĩ nhưng lại không có đủ khả năng để đi tới thành công.

Những nhà văn đã trải qua nhiều năm tháng để học kỹ thuật viết văn lại thường tin tưởng là chỉ có những ai đã từng trải qua cảnh sống khốn cùng mới tạo nên được những áng văn tuyệt tác. Thật là điên khùng nếu ta công nhận rằng một người phải đói rách mới thành công được trong nghề văn ; nhưng thật quả là cái cao vọng được trở thành nhà văn gồm có, giữa số nhiều yếu kiện, cái ý chí đấu tranh nó thúc đẩy một người đàn ông hoặc đàn bà tranh đấu để vượt qua tất cả mọi chướng ngại vật ngăn chặn con đường đưa tới thành công. Hơn là sự giàu sang và nhàn hạ, cả hai cái khổ và cái đói đều là sự thật và điển hình, và người nào muốn trở thành nhà văn sẽ thấy được khích lệ cố gắng nhiều hơn nữa theo với cái đà mà

chính họ đã dần dà chế ngự được cảnh đói và cảnh khổ. Văn người đó, có thể là với một tài năng tương tự, và dẫu sanh trưởng trong cảnh giàu sang, cũng nghiêng cái ý chí đấu tranh của mình về cùng một đích để đoạt lấy những thành quả tựa như sự nổi tiếng và hoàn thành thiên chức của văn nhân. Phần thưởng dành cho sự thành đạt, ở trong tâm trí của phần lớn những nhà văn, giàu hoặc nghèo, mới được coi là nguyên do trọng yếu, còn như việc kiếm tiền thì chỉ đáng coi là thứ yếu mà thôi.

Ít khi nào tôi lại ngần ngại trong việc làm nản chí một người than rằng mình không có thì giờ rảnh rang để viết văn, hoặc oán trách các nhà xuất bản chẳng biết thưởng thức tác phẩm của mình. Một thái độ như trên có thể bị coi là mất cảm tình, thế mà riêng tôi lại cho là một thái độ chân thật và ngay thẳng, và như vậy xét ra còn có ích nhiều hơn là một lời khen hào. Nhiều người muốn trở thành nhà văn, có lẽ không ý thức rõ ràng, đã tìm được những lý lẽ để từ bỏ cuộc tranh đấu đạt tới thành công; theo tôi nghĩ, có lẽ là họ sẽ được sống một cuộc đời sung sướng hơn, và trở thành hữu ích cho quê hương xứ sở hơn khi họ chuyên tâm làm những công việc khác với nghề văn. Một người có sẵn lòng ham muốn viết văn thì sớm muộn gì cũng sẽ tìm được cơ hội; còn những ai không muốn để tâm tìm kiếm cơ hội đó sẽ thường bắt gặp những điều quấy rầy khác, dù cho là họ biết hay không biết tới, những điều đó cũng dễ làm cho họ say mê nhiều hơn.

Trong số những người thử viết truyện sáng tác, dẫu tay tài tử hay cây bút nhà nghề, sẽ có nhiều người thành công hơn nếu họ thấu hiểu rõ ràng được những gì mà họ muốn thể hiện. Có nhiều cách định nghĩa thế nào là truyện sáng tác. Theo tôi, một đoản thiên hay một trung thiên tiểu thuyết (1) là một chuyện tưởng tượng có ý nghĩa, đủ hấp dẫn để độc giả chăm chú theo dõi, và đủ sâu sắc để cho độc giả còn giữ lại trong tâm trí mình một cảm tưởng bền chặt. Có thể là cũng có những cây bút văn thường được gọi là tài-năng thiên-bẩm, nhưng riêng tôi vẫn nghĩ là đa số các tiểu-thuyết gia, hoặc do việc thực tập cần mẫn hoặc do việc gắng công trau dồi kiến thức, đã đạt được cái khả năng viết truyện khả dĩ đủ hoàn hảo để gây thích thú cho nhiều người khác hơn là chính tác-giả. Và, nếu như nhà văn đó đã gây được thích thú cho một số người, thì quả là hợp lý nếu ta mong ước rằng ít nhất sẽ có lấy một người trong số độc giả ấy làm chủ bút một tờ tạp chí.

Có thể là thoát đầu tất cả mọi người cầm bút đều có đôi chút tài năng thiên phú, dẫu cho tài năng đó không bao khác hơn cái tài phân biệt và dùng chữ sao cho đúng cách; nhưng quả thật là đáng ngờ nếu có chuyện tác giả một truyện ngắn hoặc truyện dài đã được đăng báo, mà trước khi đạt được thành quả đó, tác giả kia lại đã không trải qua một thời kỳ tập viết, lâu hay chóng, dẫu sao đi nữa chắc chắn là cũng đã phải kéo dài trong một thời gian.

(1) novel.

Chính trong thời kỳ tập viết này, trong lúc ráng sức tôi luyện cái khả năng thiên bẩm để trở thành nhà văn, mà ta nhận chân được cái khả năng thật của ta. Không kiên nhẫn, sự tập nghề vụng dại, hoặc sự thiếu ý chí ngồi trước bàn đánh máy chữ ngày này sang ngày khác, năm này sang năm nọ, có thể làm tiêu tan được lòng nhiệt thành hăng hái nhất, hoặc tham vọng cao quý nhất. Trong trường hợp đó, chỉ còn lại lòng ham thích viết văn, kỳ dư bao nhiêu năng lực đều trở thành nhu nhược và vô hiệu. Cái gì tiếp theo rồi sẽ chỉ là thất vọng và chán chường.

Các đoạn thiên và tiểu thuyết đang được viết ra bây giờ và sẽ còn được tiếp tục sáng tác mai sau. Biết bao nhiều nhà văn mới, đàn ông và đàn bà thuộc mọi lứa tuổi, sẽ khám phá ra một trong những bí quyết của nghệ thuật viết văn là rèn luyện cách diễn tả những tư tưởng và cảm tưởng, và rèn luyện cho đến khi nào những truyện do họ viết ra thật hay đủ sức khiến cho độc giả mong muốn được đọc và các tạp chí mong muốn được in.

*
* *

Hỏi : Các bạn tôi bảo tôi rằng truyện đời tôi thật là kỳ thú, và chính tôi, tôi cũng nghĩ như vậy. Chưa bao giờ có một truyện tương tự như vậy trên màn ảnh hay trong tiểu thuyết. Ông có muốn viết truyện đó nếu tôi trình bày cho ông rõ mọi chi tiết hay không ?

Đáp : Không. Bạn hãy viết ngay cuộc đời của chính bạn. Đối với từng người đây là một cách để tự giải bày và đề tài đó thuộc về riêng của bạn. Bạn sẽ thích thú truyện đó nhiều hơn nếu chính tay bạn viết ra truyện đó.

II

Nhà văn nào cũng nhận được cùng lúc những thư khen ngợi và thư chê bai, trong một số lượng và tỷ lệ khác nhau. Trong trường hợp của tôi, tỷ lệ những thư thân mật và những thư ghét bỏ lên tới chín thư thuộc loại trên so với một thư thuộc loại dưới. Từ năm 1929, niên hiệu xuất bản tập truyện đầu tiên của tôi, tôi thường nhận được hàng tuần ít nhất là mười lá thư. Trong 20 năm trời, tổng số thư tôi đã nhận được vào khoảng mười ngàn lá, trong đó xếp hàng từ những lời khen nồng hậu nhất đến những lời chửi bới tồi tệ nhất. Tôi đã không có thời giờ, đôi lúc không có ngay cả ý muốn trả lời lấy được một nửa số thư đó. Vào khoảng một phần ba thư từ gửi tới là để xin tôi tiền, xin thủ bút, và hỏi xin ý kiến về những vấn đề riêng tây hoặc là nghề nghiệp.

Những câu hỏi kể dưới đây, chép lại đúng nguyên văn, thâu tóm những điều mà độc giả thường hay hỏi tôi hơn cả. Hơn nữa, nhiều câu trong số câu hỏi này lại là những câu hỏi quen thuộc đặt ra bởi các sinh viên, các ký giả, cùng nhiều người khác tò mò muốn biết lối sống thuộc về nghề nghiệp cùng là những thói quen về công việc của một nhà văn.

— Tôi có thể kể cho ông một câu chuyện mà tôi dám tin chắc là nếu viết thành sách sẽ kiếm được nhiều tiền. Chính tôi đã dựng nên truyện đó và tôi chưa hề cho ai biết cả. Ông có muốn cộng tác với tôi để chia đôi tiền bản quyền tác giả hay không?

— Không. Tiểu thuyết là sản phẩm của óc tưởng tượng và sức cảm của riêng từng cá nhân và nó dễ thành công hơn nếu được viết bởi chính người đã thai nghén nó.

— Ông có đến trường để học viết truyện hay không?

— Không! Tôi học viết bằng kinh nghiệm, ngoài trường đời. Và bằng cách tự rèn luyện cho tới khi nào tôi cảm thấy ưng ý với thành quả thu hoạch được.

— Trong lúc rảnh rang tôi có viết được nhiều truyện. Làm thế nào để có thể cho chúng ra chào đời?

— Bằng cách gửi tới tòa soạn các tạp chí. Không phải chỉ gửi tới một hay hai tờ báo mà nếu cần thì phải gửi tới cả trăm tờ báo. Bất cứ một thư quán nào cũng có thể cung cấp cho bạn một bản danh sách đầy đủ các tạp chí có đăng loại truyện ngắn. Đó là phương cách tốt nhất khiến cho các vị chủ bút lưu ý tới tác phẩm của bạn.

Sau khi bạn đã có truyện đầu tiên được lựa đăng rồi, một nhà đại diện tác giả (1) có thể sẽ giúp ích nhiều cho bạn.

— Những nhân vật trong các truyện của ông có phải là người có thật không? Họ có hiện sống thật ngoài đời không?

— Không. Họ là những nhân vật tưởng tượng. Tôi đã cố gắng lồng vào trong những nhân vật tưởng tượng đó cái sự thật của cuộc đời.

— Trong một cuốn sách của ông có một nhân vật nói năng cư xử y hệt như ông chú tôi. Có phải ông đã tả ông chú tôi đấy không?

— Không. Nhưng lúc nào tôi cũng sung sướng được biết rằng một nhân vật giả tưởng của tôi lại có một mẫu người giống hệt ngoài đời.

— Xin cho biết chủ đích của ông khi viết những tác phẩm như Tobacco Road, Journeyman và Tragic Ground? Loại sách như vừa kể thì có ích lợi gì?

— Mục đích của tất cả những sáng tác phẩm của tôi là cung cấp cho người đọc một tấm gương trong đó người đọc có thể soi mặt mình.

(1) a literary agent.

KINH NGHIỆM ĐỜI VĂN

Sách của tôi tốt hay xấu là tùy thuộc nơi phản ứng của người đọc trước cái hình ảnh mà người ấy nhìn thấy trong tấm gương.

— Ông viết quá nhiều về dân nghèo. Tại sao ông không viết về những cảnh tươi đẹp của cuộc đời?

— Những người được hưởng cảnh đời nhàn hạ thật ít hơn những người phải chịu đựng cảnh sống khó khăn. Khi nào những cơ cấu xã hội đó không còn nữa, tôi sẽ chẳng còn lý do gì để viết về những tác dụng của cảnh nghèo khó trên tâm hồn con người.

— Chỉ có những người có đầu óc như ông thì mới viết nổi cuốn sách như cuốn *God's Little Acre*. Ông có điên không đấy?

— Tôi không cho là như vậy. Những phản ứng của tôi tỏ ra tôi là một người bình thường.

— Tôi đã gửi những truyện của tôi đến tất cả các tờ báo lớn, nhưng chưa có truyện nào được đăng cả. Tôi bắt đầu nản chí. Ông khuyên tôi nên làm gì đây?

— Lúc nào cũng có chỗ dành cho nhà văn có tài ở trên cao đỉnh, nhưng con đường tốt nhất để leo lên tới đó là khởi hành từ dưới bậc thấp. Nếu bạn không thấy thích thú trong việc bắt đầu từ dưới đây, ấy là bạn không coi trọng nghề văn như một thiên chức. Vậy mà có tới hàng ngàn tuần báo, nhật báo, tập san nhỏ, và bao nhiêu đặc san (1) thuộc đủ loại. Sự hợp lý cho phép ta tin rằng bất cứ một ai có chí và đầy đủ lòng kiên nhẫn, thêm vào đôi chút khả năng viết lách, đều có thể được đón nhận ở một trong bao nhiêu tờ báo đó. Nếu bạn coi việc quan trọng ở đời bạn là làm cho tác phẩm được in, thì bạn sẽ hài lòng khi thấy nó được in trên bất cứ tờ báo nào. Và nếu như các độc giả của bạn cũng lấy làm hài lòng, rồi bạn sẽ gặp những tay chủ bút và những nhà xuất bản họ sẽ giúp bạn leo lên tới tít trên đỉnh cao.

— Tôi có thể học viết truyện bằng cách theo học lớp dạy viết văn tại một trường hay một viện đại học được không?

— Không ai có tài biết được nếu bạn chưa thử qua. Không có một vị giáo sư lương thiện nào dám hứa sẽ đào tạo bạn thành một nhà văn, nhưng sự học viết văn sẽ giúp cho bạn tự giúp lấy bạn.

— Tôi muốn trở thành nhà văn viết truyện ngắn. Vào làm phóng viên cho một tờ báo hàng ngày sẽ có lợi hay có hại cho tôi?

(1) Specialized publications

— Tôi chưa từng thấy ai bị thiệt hại khi tập viết bất cứ một loại văn nào. Không kể cái ích lợi được thường xuyên thực tập, nghề làm báo còn giúp cho bạn tạo được thói quen viết lách hàng ngày. Đợi — chờ — cảm — hứng là một lời cáo lỗi ít khi nào nghe thấy nơi miệng một tác giả được rèn luyện trong nghề làm báo.

— Tôi vẫn hằng mơ ước nghề văn, nhưng tôi còn có cả một gánh nặng gia đình và tôi không thể bỏ sở để chạy đi tìm một dịp may ngộ hần có thể kiếm sống bằng ngòi bút. Tôi phải làm sao bây giờ ?

— Làm cả hai việc một lúc. Văn giữ chỗ làm cũ và viết văn. Có phải tất cả mọi tác giả đều là nhà văn chuyên nghiệp cả đâu. Rất nhiều tuyệt phẩm đã được sáng tác bởi những người mà hoàn cảnh sống đã buộc họ phải làm công việc nội trợ suốt ngày hoặc là phải đi tới sở làm việc tới năm sáu ngày trong một tuần.

Viết văn, cũng giống như sưu tập buru hoa và đi săn lén lút, có thể là những trò chơi thú vị ; vậy mà có người nào chơi tem hay đi săn trộm bỏ sở làm đâu.

— Ông có viết để kiếm tiền hay không ?

— Tôi viết bởi vì tôi thích viết. Nhưng tôi chẳng thể nào dành tất cả thời giờ cho việc trước tác nếu như tôi không dùng ngòi bút mà kiếm cho đủ sống.

— Ông kiếm được bao nhiêu tiền ?

— Tôi không có số lợi tức nhất định. Lợi tức của tôi trông cả ở tác quyền mà số tác quyền này lên xuống không chừng. Tôi đã kiếm được ít nhất là 10 Mỹ kim trong một năm và nhiều nhất là ba ngàn Mỹ kim trong một tuần lễ.

— Tôi nghe nói ông viết sách mà kiếm được cả triệu bạc. Thế ông còn nguyên vẹn số tiền đó không ?

— Không. Ba phần tư tổng số lợi tức của tôi đã dùng để chi tiêu và đóng thuế.

— Ông làm việc có giờ giấc nhất định nào không, hay là ông chỉ viết khi nào ông thấy thích viết ?

— Tôi viết từ chín giờ sáng tới năm giờ chiều, sáu ngày trong một tuần và mười tháng trong một năm.

— Trong giờ làm việc, ông có làm việc một mạch không ngừng chẳng ?

— Không. Nhưng dù không viết tôi cũng ngồi trước máy đánh chữ. Thường có nhiều khi trọn ngày tôi không viết được lấy một giòng.

KINH NGHIỆM ĐỜI VĂN

— Ông có viết lại các truyện đã viết bao giờ không? Hay là ông viết được đúng như ý muốn ngay lần đầu tiên?

— Cái dở đựng giấy lộn của tôi bao giờ cũng đầy áp mỗi khi chiều tối. Tôi sửa chữa, viết đi viết lại một chuyện tới mười mười hai lần mới xong.

— Khi viết văn chắc là ông có theo một nguyên tắc quan trọng. Nguyên tắc đó là gì?

— Đừng bao giờ dùng một chữ dài nếu như ta có thể dùng một chữ ngắn. Đừng bao giờ dùng một chữ khó đến nỗi phải tra trong tự-điển mới hiểu được nghĩa hay cách đọc. Tôi đã sửa lại cuốn tự-điển của tôi bằng cách gạch bỏ tất cả những chữ nào có trên bốn âm (1).

— Theo ý ông, những giai đoạn quan trọng trong nghệ thuật viết văn là gì?

— Trước hết, học kỹ nghĩa và cách dùng chữ; thứ nhì, học cách xếp câu để diễn tả gọn gàng một ý nghĩ rõ rệt; thứ ba, có một điều gì đáng nói trước khi khởi viết một truyện; thứ tư, tìm cách kêu gọi mạnh mẽ một đề tài ngộ hấu gây được một sự xúc động lâu bền nơi tâm hồn độc giả.

— Ông sẽ khuyên một nhà văn trẻ những gì?

— Hãy bám lấy nghề và hãy ráng nhét thật kỹ vào trong óc rằng bất cứ ai muốn thành công tcong bất cứ lãnh vực nào đều phải trải qua một thời kỳ học nghề. Bác sĩ, luật sư, thợ làm bánh, thợ hót tóc, thợ máy, kỹ sư và thợ nhà in đều phải trải qua thời kỳ thực tập. Tại sao nhà văn lại không tập nghề như họ nhỉ?

— Ông ưa đọc những sách nào?

— Tôi ít đọc sách. Mỗi năm tôi chỉ đọc chừng một tá truyện. Đã từ nhiều năm rồi, tôi phân chia nhân loại ra làm hai hạng: hạng đọc sách và hạng viết sách. Tôi mong muốn được có mặt trong hạng kể sau.

— Nếu như ông có thể làm lại cuộc đời, liệu ông có còn mong muốn được làm nhà văn nữa không?

— Chắc chắn là tôi vẫn muốn thế. Tôi không tin là tôi lại có thể tìm được một lẽ sống nào khác.

ERSKINE CALDWELL
TRẦN PHONG dịch

(1) syllable

VI-LÔ

TƯỜNG-LINH

Về bến Gia-Hòa xưa

Vi-lô rạo gió đôi bờ
Thuyền xuôi chờ nổi sâu thơ nặng thuyền
Qua mùa bất động truân chuyên
Vội đau sóng bạt vội phiền lênh đênh
Đã qua nghìn bến không tên
Trăng lang thang rãi buồn lên giang đầu
Dặm dài gió cuốn mưa mau
Rừng rưng cát bãi xanh màu trời xanh
Buồm nâu cánh nhỏ mong manh
Lửa xuân hồn trúc : hồi đành chia xa
Về nghe châu thổ reo ca
Thuyền chao thuyền lướt thuyền qua mây bờ
Trung du choàng áo thu mờ
Mùa sương khói nhắc mùa thơ hồi lòng
Viễn mi núi biếc che òng
Tiếng nguồn dứt gọi đầu giòng quanh quanh
Bỏ sông vào chuyến hải hành
Đã nghe hồn sóng cầm canh đợi chờ
Phiên dài khắc khoải đêm thơ
Vi-lô ngỡ ngác đôi bờ vọng theo.

T. L. (63)

DẠ CA I

HỮU-PHƯƠNG

Mong manh mấy sợi xích buồn
buộc thân phao với biển cồn đa đoan
trán người luống sóng bắn khoăn
một vùng hoang lạnh lang thang tuổi đời

Mãi mơ gió thuận triều xuôi
nghe ra mòn mỏi bồi hồi xuân đi
hè qua thu lại đông về
với niềm ray rứt gót kẻ biển sâu

Cánh chim phiêu bạt ngàn dâu
kiếp người nhìn lại khuất sau núi dài
còn gì nắm giữ đôi tay
bấp bênh biển rộng gió lay lật buồm

Này tôi còn lại cô đơn
hai tay buông lỏng trái hồn rụng đau
áo quan lấp kín chằng sấu
của thân rã mục của màu tàn phai

Sương vầy tỏa mịt u hoài
biển trần chiếc bách thân người lênh đênh
mai sau da thịt nhũn mềm
xin băng giá đến giữ niềm tin tôi

H. P. 1962

Đôi chim bồ câu

BẦY bồ-câu của tôi, một sò bị mèo vồ ăn thịt, một sò bị mèo vồ hụt sợ quá bỏ bay mất hết. Chỉ còn lại một đôi vợ chồng. Có lẽ chỉ vì có hai cái trứng đã đẻ đó không nở bỏ đi nên chúng còn lưu lại nơi cái chuồng của tôi. Tôi phải chăng thêm nhiều lớp dây thép gai chung quanh chuồng để bảo vệ cái gia đình còn sót lại này. Trong các giống chim nhà, tôi yêu nhất những con bồ-câu. Chúng có cái dáng đẹp để với cái ức tròn trặn và bộ lông mượt. Chúng có cái dáng thông minh với cái đầu nhỏ, cái mỏ vừa xinh và đôi mắt sáng linh động. Chúng có cái dáng quý phái với những đôi chân mạnh mẽ màu hồng. Tôi còn yêu mỗi tình đậm thắm của chúng đôi với nhau. Những buổi nắng đẹp chim được đi xung quanh người yêu, miệng râm rì

những lời thiết tha. Chim mái nằm yên tĩnh lắng tai nghe. Sự dịu dàng của tình yêu đó thật khác xa với lời biểu lộ tình yêu nồng nôi hạ cấp của lũ chim sẻ chẳng hạn, mồm nói choẹt choẹt và điệu nhảy lắc cắc, liên-thoảng. Lời mỏ thóc, lời đi đứng lời bay của bồ-câu cũng có cái vẻ gì chừng chạc đang hoàng đặc biệt của những người tự biết mình cao quý, không cần hấp tấp vội vàng. Sự đắm thắm trong tình yêu, con chim được còn biểu lộ trong cử chỉ tha rác về làm tổ. Rồi khi trứng đẻ ra rồi thì thay phiên với vợ mà ấp. Đến khi con nở thì nhẫn nại đứng sù mồi cho con. Lần đầu tiên thấy chim được sù mồi, con tôi lật đật chạy đi tìm tôi, miệng gọi ơ ơ. Tôi hốt hoảng tưởng có một tai hại nào xảy ra cho nó. Thấy tôi, nó hơ hổi nói :

ĐÔI CHIM BỒ CẦU

— Ba ơi... con chim lớn... cắn con chim con.

Tôi vội vã chạy ra xem và buồn cười nhìn lại vẻ mặt lo lắng của nó. Tôi bảo :

— Con chim bồ hút mồi cho chim con ăn đây.

— Nhưng mà nó mổ ngay giữa cổ họng.

— Biết làm sao bây giờ ? Đó không phải là cứ chỉ êm đềm nhát mà nó chọn, chắc thề, mà chỉ vì nó không có hai tay khéo léo như ta. Hai tay đó đã phải biến thành cánh rồi. Nó phải mổ lấy thóc, để thóc vừa ra trong cái điều rồi mới tưa ra cho con ăn.

— Nhưng nó không thể làm việc đó dịu dàng hơn sao ?

— Dịu dàng hay không là theo ý xét đoán của mình. Con còn nhớ hôm đi xem phim Misfits, lúc con ngựa mẹ bị trói nằm xuống đất thở phì phò thì con ngựa con chạy lại lấy chân khoèo khoèo vào mặt ngựa mẹ không. Khoèo chân là để tỏ tình âu yếm, y như ta lấy hai tay nựng vào mặt mẹ ta vậy.

Một tối kia, có tiếng cánh chim rần rạt bay hoảng từ lồng bay vút lên đột dừ. Lại bị mèo quầy phá nữa. Soi đèn ra xem thì thấy một quả trứng bị rơi xuống đất vỡ, lòng trắng chảy nhầy nhựa xuống cát. Sáng hôm sau đôi chim bồ ấp, đi thần thơ. Nỗi căm giận của tôi đối với con mèo hàng xóm đã lên đến cực độ. Nỗi căm giận biến thành thù hận. Tôi muốn giết con mèo. Tôi tưởng tượng khi bắt được nó tôi

sẽ bóp siết vào cổ nó cho thật chặt và tròng mắt của nó sẽ lộ ra và thân mình nó sẽ dầy dụa và cuối cùng nó tắt thở. Nhìn dáng nó đi uyển-chuyển trước hiên nhà, nhìn người hàng xóm vuốt ve âu-yếm nó, tôi càng tức giận hơn. Thà nó hung bạo, xấu xí và cộc cằn ! Tôi sẽ tha thứ nó. Ai nỡ trả thù một người đau khổ, một người đã phải chịu đựng nhiều nỗi bất hạnh và bất công. Đằng này nó đi nhớn nhoe ra về một người lương-thiện và chủ nó cũng thân nhiên bình-tĩnh dường như cũng chỉ nghĩ đến điều thiện. Thật là bất công và vô lý. Tôi (và lũ bồ-câu của tôi) là nạn-nhân, đã bị đau xót lại còn bị dẫn-vật bởi những ý-nghĩa thù hận trong khi kẻ ác nhớn nhoe thoải mái. Nhưng giết nó đâu phải dễ ? Thà bắt gặp nó đang câu xé con bồ-câu của tôi, lúc ấy tôi sẽ có đủ hăng máu để giết nó. Đằng này khi nào gặp nó là y như tôi chỉ thấy nó dịu dàng và uyển-chuyển, vẻ mặt hoặc trầm-tư hoặc thơ ngây. Tôi không đủ sức bạo tàn để làm hại một kẻ thù giữa lúc nó hiền lành như vậy. Chỉ còn có cách là tôi cố bảo-vệ lấy kỹ-lưỡng hơn nữa đôi bồ-câu còn lại. Suy nghĩ nhiều ngày, tôi quyết-định thuê người lấy lưới thép giăng thành một cái lồng thật lớn và đặt cái chuồng bồ-câu vào trong lồng. Thề là chúng vẫn có phòng ăn ở kín đáo, có điều chúng chỉ được bay quanh quẩn trong lồng. Tất cả những tiện-nghĩ tôi đều lo cho có đầy đủ : thóc, ngô, đậu xanh, rau xà-lách, nước uống và nước tắm. Cuộc sống tạm gọi là yên-ôn. Tuy nhiên để tránh chủ-quan, tôi dặn con tôi hãy

lưu-ý đến dáng điệu của chúng xem chúng có tỏ vẻ buồn bã, ủ rũ không. Vì nỗi lo lắng đó mà khi thấy con được đứng gù gù bên cạnh chim mái hoặc thấy chim mái lay mỏ rĩa nhẹ vào lông má chim được là lòng tôi vui không xiết. Vài mươi ngày sau, tôi thấy chim được tha rác. Thề là tôi thành-công. Con tôi vui nhảy hớn hờ. Bữa cơm trưa hôm đó của chúng tôi vang lên nhiều tiếng cười nói hơn mọi ngày. Và rất cần mẫn, con tôi cứ lập ló nhìn xem chim đã đẻ chưa.

Ngày nó thấy hai cái trứng mới đẻ trên ổ rơm, nó chạy ra tận đầu phố để đón tôi về mà báo tin mừng. Chúng tôi rồi rít lo mua thêm đậu, thêm cả vùng để thưởng cho chim. Và chim chia phiên nhau ấp. Tôi bàn với con tôi :

— Bây giờ chúng đã đẻ trứng rồi thì có lẽ ta nên cho chúng bay tự do một chút.

Con tôi vội phản đối :

— Không được. Thả ra sợ chúng bay mất.

Tôi vừa ngẫm-ngẫm vừa nói :

— Chả có lý. Chúng đã đẻ rồi thì thề tất chúng yêu con mà chẳng nỡ bỏ đi. Nhốt chúng trong một cái lồng, tù túng quá cũng tội. Cho bay đây đó một chút thì chúng mới có đủ sức khoẻ.

Con tôi hơi xiêu lòng, chỉ phản đối yếu-ớt, lầy lẹ :

— Con sợ nó bay mất. Nhưng mà... có lẽ ba nói đúng. Nó thương con, chắc chả bay mất đâu.

BÁCH KHOA CLV

Kỷ niệm

HOÀI-HƯƠNG

Người con gái lẻ-loi
Vào trong khuôn vườn ầy
Cửa khép. Bỏ bên ngoài
Một cuộc đời sống dậy

*
* *

Em dâng Chúa linh hồn
Sắc đẹp — Tuổi xanh non.
Giao anh thời dĩ-vãng,
Nỗi Buồn Vui mắt, còn.

*
* *

Màu áo hoa thuở trước
Như kỷ-niệm dần phai.
Đường nghiêm, ai khẽ bước,
Bóng áo chùng khoan thai

*
* *

Mây chiều qua lối cổng
Chỉ thấy bức tường cao
Em đi tìm nghĩa sống
Anh buồn trong chiêm bao.

H. H.

ĐÔI CHIM BỔ CẦU

Câu chuyện trao đổi chỉ đến đó.

Hôm sau khi tôi đi làm về, con tôi ra đón ở cổng. Về mặt nó dăm chiêu. Thấy tôi nhìn nó có ý ngờ vực, nó nói giọng rụt rè :

— Ba ơi ! con chim được bay mất rồi.

— Sao vậy ? — Tôi vội hỏi.

— Con nghe lời ba, sáng nay mở cửa lồng. Con bồ-câu được vụt bay ra mất.

— Còn con mái.

— Con lật đặt đóng cửa lồng lại. Con mái không bay kịp.

— Bậy chưa ! Sao con không hỏi ba mà tự ý thả như vậy ? Bây giờ biết làm sao ? Nuôi một con thì nó sống thế nào được ? Mà nuôi một con thì để làm gì ? Chẳng lẽ bắt ăn thịt. Mày thật là vô tích-sự. Ở nhà không lo học. Chỉ có tài nhanh-nhau đoảng. Tao chán mày lắm.

Giọng tôi gằn gằn mỗi lúc một nhanh hơn. Con tôi vừa sợ vừa hồi-hận, nước mắt lưng tròng, ngược nhìn tôi không nói. Tôi chợt thấy là tôi đã rầy oan nó. Chính tôi đã bàn việc thả cho bồ-câu bay tự-do một tý, thế mà bây giờ tôi lại đổ tội cho nó. Trong cơn giận, người cha nào cũng hay bắt công như thế. Không dám nhận lỗi của mình mà chỉ đổ lỗi cho người khác, cho cả ngay chính con mình. Tôi ngượng, để tay lên vai con tôi :

— Thôi. Cứ vào rồi sẽ tính sau.

Con tôi liú ríu đi cạnh tôi, đáng thất vọng rõ rệt. Tôi hỏi :

— Từ sáng đến giờ con chim được có bay về không ? Con có ngó chừng lên mái nhà không ?

— Có. Con có ngồi đợi cho nó về. Nhưng nó không về.

— Bội bạc.

Tôi buông một tiếng. Quả thật tôi không ngờ con chim có thể bỏ vợ con lại nơi giam-cầm, — trong óc nó chắc là thế, — mà đi tìm tự-do một mình. Nỡ đoạn tình vậy sao ? Đoạn tình đến mức không hề bay trở lại qua nhà để tìm xem vợ con mình ra thế nào, còn hay mất. Người ta cho bồ câu chung tình và tôi cũng tin như vậy. Nhưng hôm nay không những tôi mất lòng tin nơi chim mà tôi còn mang nặng thêm hoài-nghi nơi người. Chung-tình có phải là một thái-độ tình-cảm thành thật đâu ? Khi có điều kiện thuận tiện, rất thuận tiện để bạc tình thì người ta liệu có từ chối sự bạc tình không ? Tôi mất đi lòng tin nơi thiện tâm của con người, đó là một sự mất mát lớn. Vì trong vài ngày sau đó lòng tôi không được vui. Tôi săn sóc con chim mái để bù vào nỗi cô-đơn mà nó phải gánh chịu. Nhưng nó bỏ ăn đứng im lìm một mình. Bỏ trứng không ấp nữa. Ấi ở vào hoàn cảnh nó cũng sẽ làm như vậy vì cái lồng trông trơn như luôn luôn nhắc nó nhớ đến những kỷ-niệm êm đềm với người chồng ra đi. Dưới vẻ mặt trầm-tư xa vắng đó, không biết nó nghĩ gì ? Nó nhớ chồng ? Nó giận chồng ? Hay nó giận tôi, thù tôi ?

Buổi chiều, con chim đập cánh phành phạch bay bám vào mắt lưới

tìm lỗi ra. Lông đầu của nó xơ-xác Cánh sẽ xuống. Con tôi nói :

— Hay mình đem thả con mái luôn đi ba.

Đúng là ý-nghĩ của tôi lúc ấy. Nên tôi nổi giận quay lại :

— Sao lại thả ra. Chưa chi đã chịu thua trận, đó không phải là một tính tốt. Phải tìm mọi cách để nuôi cho kỳ được. Người ta nuôi bồ-câu, sinh đẻ hàng bảy, bay đi bay về nườm-nượp, chả lẽ mình chịu thua ? Con bằng lòng chịu thua hả ?

Con tôi không trả lời được. Tôi tiếp :

— Chúng ta phải tìm mọi cách để thắng. Chúng ta phải thắng, con hiểu chưa ? Con có cách gì không ?

Cồ-nhiên là con tôi không có cách gì hết, vì cả ngay tôi cũng đang lúng túng. Quả tình việc nuôi bồ-câu của tôi gặp nhiều trở-ngại quá khiến tôi đã chán muốn bỏ từ lâu, nhưng vì tự-ái mà tôi đã nhẫn-nại, cố tìm mọi cách để nuôi cho được. Tôi cũng đồng thời muốn gián-tiếp dạy cho con tôi một bài học kiên-trì, đừng vội nản chí khi gặp thất bại. Nhưng đã tới mức này, tôi không biết giải-quyết ra sao. Tôi biết rằng quần-chúng có nhiều kinh-nghiệm về mọi địa-hạt nên tôi đem thảo-luận vắn-đề với những người mà tôi quen : ông thợ cắt tóc mà tôi gặp mỗi nửa tháng, bà chủ tiệm gạo, ông quản-lý sở tôi, người có tuổi và tháo-vát, ông liên-gia trưởng ba hoa hay nói lạc-đề, cả cô thư-ký giữ máy điện-thoại nữa. Mọi

ý-kiến không giống nhau. Ông quản-lý không tán-thành việc nuôi bồ-câu : chúng ta bán và đi lại trên mái nhà làm tuột ngói. Nên ông đề nghị : « làm thịt quách con bồ-câu còn lại ». Cô thư-ký phản-đôi : « Ai lại nỡ ăn thịt một con bồ-câu dịu dàng như vậy ? Thà thả nó ra cho nó tìm một người yêu mới ». Ông liên-gia trưởng chưa kịp nghe tôi trình bày đầu đuôi câu chuyện đã bắt tôi nghe hơn nửa giờ về phương-pháp thu cây rào để rào ập chiến-lược. Bà chủ tiệm gạo siêng năng đi lễ Phật khuyên tôi phóng sanh con chim đi. Chỉ có anh thợ cắt tóc là có vẻ hiểu rõ vắn-đề hơn hết. Anh nói :

— Ông sai người ở đi chợ lựa mua một con bồ-câu đực về đem thả chung vào lồng với con mái.

— Nhưng bồ-câu người ta bán cả cặp mà, — tôi nói.

— Mình có thể trả mua một con cũng được. Cũng có khi người ta bán lẻ riêng từng con.

— Phải đi xuống chợ Đầm ?

— Cần gì ? Chợ Xóm Mới cũng có. Có một bà già người Bình-Định lâu lâu mang bồ-câu vào bán cả giò. Tôi mới thấy hôm qua hôm kia đây.

— Nhưng mua về biết con mái nó có chịu không ?

— Được mà.

Tôi về, kêu chị ở dặn tìm mua một con bồ-câu đực. Vừa ra lệnh mà vừa sợ chị ta hỏi lại. Chàng hạn nếu chị bảo : « Làm sao tôi biết nó là con

ĐÔI CHIM BỐ CẦU

bố-câu đực », thì tôi sẽ lúng túng chả biết trả lời sao. May thay, chị cầm tiền rồi đứng ngẩn ngừ một lát rồi lảng lảng đi xuống nhà sau. Tôi dặn vói theo :

— Mua một con cũng to như con mái. Lựa cho cùng một màu trắng đẹp, kéo con mái nó chề.

Hai hôm sau, lúc tôi đi làm về, con tôi ra mét :

— Chị Hai mua được bố-câu rồi ba à.

Tôi mừng quá, không ngờ công việc được tiến-hành nhanh chóng đến thế. Tôi hỏi :

— Nó đâu ?

— Chị Hai thả vào lồng rồi.

Tôi bước ra lồng thấy có con bố-câu mới, hơi nhỏ hơn con mái một chút.

Chị Hai từ bếp đi ra đứng cạnh tôi :

— Thưa thấy, bố-câu Tây đó.

— Nhưng có chắc là con đực không ?

— Bà già bảo đúng là bố-câu đực.

Con tôi cầm lấy bàn tay tôi, nói chen vào :

— Hai đứa nó chưa quen nhau ba nhỉ ? Mỗi đứa đứng mỗi nơi.

Tôi biết con tôi là người sung sướng nhất trong ba người đứng đây. Nỗi lo buồn vì tự mình thả sống con chim đực, chắc đến giây phút này nó mới xoa được. Tôi dặt tay nó vào nhà, vừa nói :

— Mong cho hai đứa nó thương nhau.

VỀ

NGUỒN

Cái đầu tôi gọi mây bay
Đồng lau trở lá hoa lài hết thơm
Chiều lên đợi gió chiều hôn
Tiếng chim kỷ niệm mưa dòn cuối sông
Vọng đầu thu tám mùa đông
Hình em nắng dạt qua dòng nước trôi
Hỏi chuông chùa vọng luân hồi
Chim chiến chiến hót ngang trời đau thương
Trùng dương năm đợi vô thường
Đôi cao bạt gió hai đường âm u

Tôi đi vào giữa sa mạc
Vòng tay nghe gió già từ hư không

PHẠM CÔNG THIÊN

BÁCH KHOA CLV

Nhưng chiều hôm đó từ lồng chim vang lên tiếng vỗ cánh rần rạt. Lại con tôi chạy vào hờ hãi nói :

— Ba ơi, chúng nó cắn nhau.

— Con nào cắn con nào ?

— Con mái cắn con đực.

Tôi bước ra sân. Con chim mái đang mổ tới-tấp vào con chim đực. Chim đực né tránh rồi đứng dịch ra xa hơn. Nhưng chim mái lại sẵn tới mổ vào cánh, đôi cánh để rơi lè phè và lông xơ-xác không đều-đặn. Chim đực kéo lui đôi cánh một cách vụng về lúng túng. Chim mái mổ bòn năm cái liên-tiếp vào đầu chim đực khiến chim đực bay bám vào mặt lưới sắt, thò đầu ra mặt lưới tìm chỗ thoát. Làm sao để giải cứu cho con chim đực bị ruồng bỏ kia ? Tôi la « ưi ưi » và con chim đực tưởng như tăng thêm sợ sệt. Còn con mái thì cứ tròn xoe đôi mắt không tỏ dáng xúc-động. Giá có một khuôn mặt linh-động như người thì tôi tin rằng nó sẽ nhiu đôi mày và bặm đôi môi để tỏ sự căm thù con đực và bắt cần sự có mặt của tôi. Tôi nói lời dỗ dành như chỉ theo một thói quen :

— Đừng mổ nó chứ. Mổ nó chỉ tội nghiệp vậy ?

Lời nói thật vô ích. Chỉ có con tôi nghe mà thôi và cũng như tôi, nó cũng cố ý che lấp sự bất lực của mình bằng những câu nói vô ích như vậy.

— Con bồ câu mái trông thế mà hung tợn quá ba nhỉ ?

— Ừ. Khi người ta... ghét thì người ta trở nên hung bạo.

Ý tôi đang nghĩ rằng : « khi người ta không yêu thì người ta tàn nhẫn », nhưng nói cho con tôi nghe, tôi phải dối như vậy. Thật tình là tôi đang chuyển từ phạm vi chim sang địa hạt của người. Tôi nhớ rằng khi yêu, con người có thể hạ mình làm những việc tầm thường, thậm chí có thể làm những việc ngu si được. Nhưng khi đã không yêu thì họ tàn nhẫn lắm. Họ giả vờ bỏ mặt địa chỉ để không viết thư trả lời, họ nói dối là bận lắm để khỏi gặp mặt, họ mong tìm thấy một lỗi nhỏ nơi người kia để lấy cớ mà giận, mà tuyệt giao. Con người có trí khôn nên yêu ghét đều cực đoan. Nhưng con chim bồ câu, tôi không hiểu nó ghét vì lẽ gì. Theo lời một người bạn tôi kể lại thì anh có đọc trong một trang sách nào đó bảo rằng bồ-câu là một giống chim không sống được trong cảnh cô đơn. Phải có cho nó một người bạn, nếu không khác phái thì tạm đồng phái cũng được. Người ta thí nghiệm rằng nếu nuôi nó trong một cái lồng bốn mặt có gương phản chiếu lại thì nó sẽ yên lành mà sống trong đó vì có hình ảnh của nó làm bạn với nó. Một con vật có nhiều thiện ý bằng hữu như vậy sao nỡ hành hạ một người bạn đã được chọn cho mình và xứng đáng với mình ? Hay là vì nó thù-chung với người chồng cũ ? Ừ nhỉ ! Nghĩ đến đây, tôi nhìn nó với đôi mắt triu mến. Thì ra chỉ có bồ câu mái mới biết chung tình. Tôi xâu hồ lầy cho con bồ câu đực hôm nọ, bỏ người

ĐÔI CHIM BỎ CẦU

vợ chung tình lại một mình, ra đi không hề ngoái lại. Người vợ đó hôm nay vì anh mà cự tuyệt một người đàn ông khác đẹp đẽ không kém anh. Chung tình với một người bội bạc, trường hợp đó thật cao quý, và chỉ phái yếu mới có. Tôi nghĩ xa hơn một chút và kết luận : đàn ông như mình thật đáng ghét.

Sau một hồi hưu chiến, con bồ-câu mái lại chạy a vào mỏ tới tấp vào con bồ-câu đực. Ý chừng nó thấy tôi chịu đứng bắt lực ngoài lồng không thể viện trợ gì được cho kẻ thù của nó nên nó mở cuộc tấn công lại. Con bồ-câu đực lại né tránh và chạy dài. Đôi cánh kéo lê dưới sàn lồng. Một cái lông măng dính nơi mỏ của chim mái. Với món chiến lợi phẩm này dính nơi mỏ, con chim mái trông thật vũ phu. Con tôi bỏ chỗ đứng đi lại phía con chim đực, có lẽ để tỏ lòng ưu ái với một chiến sĩ có thừa sức khoẻ nhưng không nỡ tay đánh một người đàn bà. Về mặt nó dăm chiêu và ra dáng đau khổ. Hai má nhếch lên vẽ những đường nhăn ở hai khoé mắt. Tôi chắc nó lại nghĩ đến cái lỗi của nó đã trót thả con chim đực bay mất hôm trước. Nếu nó không vụng tính đến nỗi làm cái việc đại khờ đó thì làm gì có cảnh đau khổ hôm nay. Tôi đi lại kéo tay con tôi vào nhà vừa bảo :

— Thôi, mặc kệ nó.

— Nhưng con hồi hận quá.

— Đã trót rồi thì đừng nghĩ đến nữa. Vả lại, một con chim thì có giá trị gì. Điều cần nhất là con nên rút từ đó ra một bài học.

Ngày hôm sau con chim mái bớt vẻ hằn học, do đó chim đực có đủ bình-tĩnh để xếp lại đôi cánh cho gọn gàng hơn. Hai đứa chia nhau đứng mỗi đứa một góc lồng. Mặt chim đực buồn bã. Ngày hôm sau nữa, chúng đứng gần nhau hơn. Đến ngày thứ tư, thứ năm gì đó tôi không nhớ rõ, chúng đứng sát cạnh nhau. Sự thù ghét chấm dứt và được nối liền bằng tình yêu. Dường như không có một khoảng trống nào giữa hai tình-cảm dị-biệt, mâu-thuẫn đó.

Đến đây, tôi không muốn dễ dàng để trí óc mình suy-nghĩ và kết-luận về đời sống tình-cảm của lũ chim nữa. Chúng ghét đó rồi yêu đó, thù-chung và bạc tình đi cạnh nhau. Nhưng thú thật là tôi rất yên tâm khi thấy chúng không còn gây rắc rối cho tôi nữa. Những mối tình êm-đẹp ở loài chim hay ở loài người cũng đều không gây tò mò thích-thú nơi kẻ bàng-quan. Con tôi lại bình-tĩnh đợi chờ ngày mối tình ấy có kết quả. Những cặp trứng màu trắng nho nhỏ xinh xinh được để trên nệm rơm êm nhưng lần ấp nào cũng không thành. Đôi lần, ba lần, hy-vọng rồi thất-vọng liên-tiếp, rốt cuộc chúng tôi chỉ nhớ chi tiền mua thóc cho chim ăn, còn thì không để ý gì đến chúng nữa. Cho đến một tối kia, thừa lúc cửa chuồng đóng không kỹ, con mèo hàng xóm lên vào bắt mất con chim mái. Nhưng tôi đã chán sự thù hận rồi. Tôi đã chán cả hy-vọng rồi. Nhắm lúc đó có một người quen đến chơi ao ước nuôi bồ câu, tôi

tặng cho anh ta một cái chuồng chim và cả con chim đực cô độc.

Rút bỏ đi được sự rối rắm trong việc nuôi chim nhưng quả tình lòng tôi chưa thoát được những ảm-ức. Tại sao người ta vẫn nuôi được. Ông liên-gia trưởng hay nói lạc-đề của tôi có một chuồng bồ câu lớn với nhiều tiếng gù, tiếng rên-rỉ, tiếng vỗ cánh rộn ràng. Nhà ông công chức ở cạnh sở tôi làm vừa dựng thêm một chuồng bồ-câu thứ hai. Mỗi khi nhìn qua cửa sổ là mắt tôi bắt gặp lũ chim hớn-hở bay lên đậu xuống. Dĩ vãng nuôi chim của tôi bưng song dậy và tôi cảm nghe trong lòng như có một nỗi buồn dâng lên. Trong khi ấy thì tôi lại gặp được nhiều người cũng chán nản bỏ cuộc như tôi vậy. Thành ra để tự an ủi mình, tôi hay đem câu chuyện nuôi bồ câu ra nói, mong nghe những sự thất bại cụ thể nơi những người kiên nhẫn nhất và có nhiều điều-kiện để tích-cực hơn tôi. Nỗi niềm đó mấy ai hiểu thấu? Chẳng hạn một chiều nọ, một cô bạn mời tôi đến nhà thấy mẹ cô chơi. Khi cô đưa tôi ra sân để giới thiệu những chậu hoa hồng, hoa sồi do bàn tay khéo léo của mẹ cô vừa chiết được, tôi lơ đãng nghe và nhìn mà chỉ chú ý đến mấy bồ-câu đang bay qua lại từ chuồng đến mái nhà. Khi người em trai của cô đi qua, tôi giữ lại hỏi :

— Anh Vĩnh này, anh nuôi bồ câu có thành công không? Có lợi ích-xác làm anh bằng lòng không?

Vĩnh đang ngẫm-ngĩ đề xếp-đặt một câu trả lời thì cô bạn tôi nói ngay :

— Sao lại không lợi? Bồ câu đẻ mỗi tháng mỗi lứa...

Tôi phải xin lỗi ngắt lời của bạn mà nói :

— Có lẽ Vĩnh biết rõ vắn đề hơn cô. Lâu lâu cô mới về thăm thấy mẹ, chắc cô không được rõ đâu. Ý tôi muốn hỏi Vĩnh: bồ câu có bị mèo hàng xóm vỗ không?

Vĩnh tươi cười ngay vì câu hỏi chi tiết để trả lời hơn câu hỏi tổng quát lúc này.

— Dạ, bị mèo vỗ luôn.

— Có hay bị tré con hàng xóm bắn chết không?

— Dạ, việc đó xảy ra luôn. Bồ câu đang ấp mới bay xuống đường là bị bắn chết một con. Con còn lại bỏ ổ không ấp nữa.

— Có phải nhiều khi một cặp trứng mà ấp chỉ nở có một con?

— Dạ, có vậy.

— Bồ câu dễ mắc bệnh lắm?

— Vâng.

— Thế thì nuôi cũng chả lợi mấy...

— Vâng ạ. Mấy tháng đầu thì có lợi, ham lắm. Nhưng sau lần lần thì hơi chán...

— Cám ơn câu trả lời của Vĩnh.

Vĩnh và cô bạn tôi đều tỏ ra ngạc nhiên không hiểu ý tôi muốn nói gì. Tôi giảng giải :

ĐÔI CHIM BỎ CÂU

— Tôi nuôi chim bồ câu bị thất bại nên bỏ không nuôi nữa. Mặc dù tôi đã kiên nhẫn nhiều nhưng tôi vẫn cho rằng tôi mau nản lòng nên vẫn có ý ngấm trách mình. Do đó mà tôi muốn nghe người khác nói lên sự thất bại, sự chán nản để tôi được an ủi.

Vĩnh mỉm cười thú vị vì ngẫu nhiên mà chúng tôi cùng một tâm trạng như nhau. Chắc Vĩnh cũng đang cần một sự an ủi tương tự như tôi vậy. Cô bạn tôi thì đáng không vui. Một người đàn bà đang còn đẹp ít khi chịu để cho một người đàn ông nói trái ý mình.

Đích thực là càng ngày tôi càng yên tâm rằng tôi không nên hối tiếc vì sự nuôi chim thất bại. Nhưng lòng yêu chim bồ câu của tôi, tôi thấy vẫn không suy giảm. Tôi sẵn lòng yêu bất cứ chim bồ câu nào của ai mà tôi bắt gặp, mà tuyệt nhiên không có ý tưởng muốn nuôi nó làm của riêng mình. Cái đầu nhỏ, đôi mắt đen láy, cái cổ mảnh, cái ức gọn gàng, tất cả sự dịu dàng ấy ám ảnh cả tôi, ám ảnh cả vào những lúc mà tôi

không ngờ nhất. Tôi nhớ có lần tôi đi dự một nhạc hội. Người ca sĩ được giới thiệu, tôi đã nhiều lần nghe giọng hát ở đĩa nhựa và máy thu thanh. Đêm nay cũng giọng hát trầm ấy, thồn thức nức nở, như kéo là là xuống mặt đất, như muốn tràn ra mệnh mông, như muốn vỡ ra từng mảnh. Tôi nhìn lên tầm thân mảnh mảnh của nàng trong tà áo màu ngà, với mái tóc buông dài, với đôi má trắng, đôi mắt đen láy. Có những lúc giọng hát trầm quá tôi chợt lo rằng nàng sẽ không giữ được thăng bằng, giọng hát chịu nặng xuống và nàng sẽ chệnh-vênh, và nàng sẽ ngã. Nhưng nàng vẫn đứng đó, tà áo màu ngà mảnh mảnh, đôi má trắng, đôi mắt đen và giọng hát vẫn êm đềm thồn-thức. Con chim bồ-câu ! Thoáng một giây, tôi nghĩ đến con chim bồ-câu, con chim bồ câu trắng dịu-dàng, con chim bồ-câu không phải của riêng tôi nhưng mà tôi sẵn sàng mền yêu ở bất cứ nơi đâu và chẳng cần biết là của người nào.

VÕ-HỒNG

VỀ
NHỮNG
CHIỀU
BUỒN

Mây nhịp nhàng trôi ru mộng ngủ
« Thoáng hàng ngọc ánh hoa môi ».

Lối về hậu tuyến sương dâng trắng
Gửi cánh thời gian đôi lời
Núi dốc đèo cao cây rừng lớp lớp
Suối nhỏ, đồn còi bóng thả dòng xuôi.

Nghỉ tạm rồi mai bụi đường quện gót
Ôi những chiều hoang thiếu một nụ cười !

MẠC-LY-CHÂU

Nghe như sáo trúc reo mây
giục chiều lên gió
Nghe như vang sóng gọi đò không thừa
đã mấy đời nay
Ai mong tìm hương thơ rơi
lặng thu đầy tiếc
Cánh vạc khuya đêm lo ngày mai
kêu những vì sao chưa biết mọc
Suối chảy bên lề thực-mộng
dẫn về đâu
tiên giấu gót
thuyền trôi
Chặng vòng quanh chỉ đến khúc qua rồi
trơ đất, mệt lòng, không hạc múa
Vào bên trong, xa hơn
chờ lặng xanh
Trút vổ, ngấm trăng vàng khỏi then
May ra trời ngổ lỏi du-dương
Nghe như tiếng hát đưa duyên
của ngàn năm trước
mở hội đua màu
cứu lại tình yêu cho cuộc sống
Nhưng chuyện gì kể được với người sau

Hòa-Âm XXII

Đ. T.

CON ĐƯỜNG XUỐNG

THẾ là con đường đời của Trung đã được định rõ. Sự định đoạt này không có vẻ gì là đột ngột nhưng vẫn làm Trung ngẩn ngơ, cay đắng. Anh đã nghĩ đến tương lai từ lâu và cũng đã nhiều lần anh nói với Hoan và Đạo :

— Trước mặt tao có hai con đường : con đường lên thì mơ hồ nhưng sáng sủa, con đường xuống thì đã được vạch ra rõ ràng và chẳng đẹp đẽ gì. Sau kỳ thi này nếu trượt thì chắc chắn tao phải bước vào « con đường xuống » và nó sẽ dẫn tao chạy một mạch về tỉnh nhỏ, dạy học lai rai để kiếm sống.

Trung dắt xe lững thững bước vào công viên. Người đàn bà, đang cầm cui quét lá khô, ngừng tay khi anh đi qua và bà ta cũng không muốn nhìn xem mặt kẻ đã bắt bà ta tạm dừng công việc.

Hoan bỏ sách và ngồi ngã xuống chiếc ghế đá. Đạo cũng co một chân lên ghế, hai tay vòng ra sau gáy, chờ đợi. Dừng xong chiếc xe vào một gốc cây, Trung lặng lẽ đến ngồi cạnh hai bạn, bỏ chiếc mũ xuống đùi rồi mỉm cười và thở dài. Mái tóc Trung bị chiếc mũ ép sát xuống đầu, một vài sợi tóc dính hai bên thái dươngbett mồ hôi. Hoan liếc nhìn mặt bạn, trên khuôn mặt ấy không còn những màu sắc, đường nét hình dị nói lên được tất cả sự hoảng hốt của Trung khi anh đứng nghe kết quả cuộc thi mà không được nghe tên mình. Trung đã bình tĩnh lại rồi, chỉ còn đôi mắt trũng sâu, uể oải và nụ cười nhợt nhạt trên mặt anh. Đạo hỏi :

— Hồng rồi hả ?

— Hồng rồi.

Hai tiếng trả lời của Trung không nhuộm vẻ sầu não, tuyệt vọng nhưng vẫn chán nản, mệt mỏi một cách lạ thường. Hình như Trung không thích phải nói trong lúc này. Hoan cũng nghĩ thế. Đã nhiều lần anh gặp sự buồn nản đến độ không muốn cử động hay nói năng gì cả.

Bây giờ thêm tiếng xèn xẹt của những nhát chổi lê trên sỏi là tiếng nước phun dũi dũi trên thảm cỏ xanh mướt. Tất cả công nhân làm trong công viên này đều lạnh lùng, ít nói: Người tưới nước cho hoa cỏ là một ông già mắt kém. Ông ta chăm chú vào vòi nước và bước những bước thận trọng như đang làm việc trong khu vườn riêng của ông ta. Trên dãy tường thấp xây quanh căn nhà biến điện ở giữa công viên, bọn học sinh vẫn nằm ngồi ngổn ngang, chăm chú học bài. Vài cậu nằm ngủ say sưa trên ghế đá, sách còn úp trên mặt.

Đã ba năm nay thế giới của Hoan, Trung và Đạo hầu như được thu lại ở một góc trong công viên này. Vào mùa thi, khi số học sinh đến ngồi học ở đây quá đông đảo thì cả ba thường ở nán lại cho tới khuya. Lúc này công viên có một bộ mặt khác hẳn. Nó không phụng sự những con người xây dựng tương lai nữa mà trở thành thế giới của những kẻ sống với hiện tại. Mỗi cặp tình nhân chiếm một chiếc ghế đá để tình tự. Cả công viên chỉ được thắp sáng bằng bốn ngọn đèn mờ. Những ngày đầu cả ba cùng ngơ ngẩn trong cái thế giới tràn ngập không khí yêu đương. Nhưng rồi bài học lại lôi cuốn họ như cũ. Căn nhà của Hoan thấp và nóng, nhà Đạo thì nằm bên một xưởng dệt vải máy chạy ầm ầm

suốt ngày. Trung không có chỗ ở nhất định. Những điều họ cần là: sự yên tĩnh, sự mát mẻ, một vài người bạn để bàn tán về bài học thì công viên này có gần đủ. Trung thích nằm dài trên cỏ, Đạo vừa học vừa đi đi lại lại bên một gốc cổ thụ, thỉnh thoảng tay anh ta lại vung lên và anh ta có vẻ đang bàn cãi về một vấn đề quan trọng.

Hoan mến hai bạn mình cũng như mến cái công viên rộng và đẹp này. Những lần bài học đột nhiên trở nên một thứ gì trơ khấc, khó tiêu thụ và gây chán nản, Hoan bỏ sách xuống nhìn thảm cỏ xanh, theo dõi công việc của những người quét lá khô. Tiếng chim vỗ cánh khua động cành lá, ngọn cỏ êm mát và lóng lánh nước, những khoảng ánh nắng chan hòa đây đó, tất cả đã giữ cho ý nghĩ của Hoan được vững chãi, bình tĩnh. Ngày nọ qua ngày kia êm đềm và thản nhiên như những đám mây trôi trên trời. Chưa bao giờ Hoan cảm thấy công việc đánh đổi tuổi xanh lấy nguồn hy vọng trong tương lai của mình có tính cách nặng nề, gay gắt.

Nghĩ mãi Hoan vẫn không tìm ra được câu nào để an ủi Trung. Sự thất bại của hắn quan trọng quá. Hình như có một cuộc đời tốt đẹp vừa gây đổ vỡ thình lình trong tâm hồn Trung. Hắn ngồi bất động. Nụ cười mỉm phũ nhận tất cả công lao trong quá khứ của hắn yếu ớt quá chẳng che dấu được gì. Môi trên hắn hơi cong lên làm cho miệng hắn hé ra, dờ dẫm. Càng nhìn, Hoan càng thấy sự hồng thi còn ghi phảng phất trên khuôn mặt Trung những nét rưng rờ, kinh ngạc.

CON ĐƯỜNG XUỐNG

Đạo cúi xuống nhặt những viên sỏi nhỏ và chăm chú, cố gắng ném trúng một viên sỏi lớn ở phía xa, rồi nói :

— Cần quái gì.

Trung vẫn yên lặng, mãi một lúc sau hắn mới chậm rãi nói :

— Tao đã gửi thư cho ông chú ở dưới tỉnh. Bây giờ thu xếp dần để tuần sau khởi hành là vừa. Cái bằng xem ra khó nhận quá. Tụi này tìm cách xoay đầu cho tao vay mấy ngàn. Xuống dưới ấy đi làm đâu đã được lương ngay. Ăn chắc, nằm chờ ít nhất cũng độ ba tháng. Ấy là không kể lương mấy tháng đầu phải dùng vào việc « gây cảm tình ». Những người họ hàng xa gần của tao thì người nào cũng đã phải nuôi báo tao mấy tháng rồi, bây giờ mỗi gia đình chỉ cho tao vài trăm là cùng.

Đã hơn một tháng nay Trung bỏ hẳn việc kèm trẻ cho một tư gia để chú ý vào việc học nên tình hình tài chính của hắn không được tốt đẹp.

Đạo tung một viên sỏi lên rồi dơ tay đón bắt. Anh không thích những nỗi buồn và anh luôn luôn tìm cách chú ý vào những việc lật vặt, vô vị để tránh nó. Đạo trả lời một cách sốt sắng :

— Tao sẽ vay cho mày một ngàn.

Hoan cũng nói vội vàng :

— Được, cái đó mày khỏi lo.

Nói xong Hoan mới nhận thấy rằng từ nãy tới giờ anh và Đạo chỉ chờ đợi được dịp giúp đỡ Trung để an ủi hắn. Sự đau khổ của Trung cũng đè chiu trong đầu hai người: Trung vừa mở cho họ một lối thoát.

Nhưng chính sự sốt sắng ấy lại gây thêm một mối lo khác, trầm trọng hơn. Hoan ngẩn-ngơ vì câu nói của mình. Câu nói như bị lôi bật ra khỏi miệng anh khiến anh không kịp suy nghĩ. Nhìn Đạo, Hoan kinh ngạc thấy Đạo vẫn bình tĩnh. Làm sao hắn có thể cho Trung vay một ngàn được? Nhà Đạo khá giàu nhưng lúc nào Đạo cũng nghèo sơ sác, nhất là từ hồi hắn thi trượt liên miên. Các anh hắn lần lượt thành tài, các em hắn lần lượt vượt qua hắn, đứa thì quay lại nhìn hắn thương hại, đứa thì mỉm cười khoái trá để trả thù những phút bị hắn mắng là ngu dốt trước kia. Công việc pha chế thuốc thì cần nhiều dụng cụ, ngày thi Đạo phải đem theo hàng hộp lớn chai lọ, cân kéo. Mang đi ngàn ấy dụng cụ cồng kềnh mà rồi không mang về nổi một cái chứng chỉ nhỏ xíu, hắn thường gặp những nụ cười giấu cợt của những người hàng xóm. Hắn không thèm để ý đến những nụ cười ấy nhưng cha hắn thì trái lại. Ông cụ bắt đầu thâm hẹp túi tiền của hắn, đuổi bắt bè bạn của hắn ra khỏi cửa, Gặp những đứa mặt mũi có vẻ kém lương thiện đến hỏi Đạo, ông cụ sẵn sàng đóng sầm cửa lại. Đạo cố gắng tỏ ra chăm chỉ, ít nói, để một ngày kia khỏi bị ông cụ đóng sầm cửa lại đối với chính hắn.

Đạo không tỏ ra băn khoăn chút nào. Hắn vẫn tiếp tục tung và ném những viên sỏi. Nét buồn rầu trên mặt hắn thì đã có ngay từ lúc Trung thất thủ đi vào cổng viên.

Trung không tuyệt vọng và giữ im lặng được lâu. Khi bình tĩnh lại Trung quay ra bàn tán với Đạo về việc thi cử, kể lại vài

chuyện vặt xảy ra trong phòng thi. Giọng nói của hắn lại hăng hái, nhiệt thành.

Hoan xếp sách vở, cài vào sau xe rồi bỏ về trước. Anh không hy vọng mẹ anh sẽ đưa cho anh một số tiền lớn như thế. Mặc dầu, tháng nào anh cũng đưa cho bà gần trọn số tiền nhỏ mà anh hiếm được, mỗi lần cần tiêu một món thỉnh linh bao giờ anh cũng gặp khó khăn. Ngay cả lúc đã đưa tiền cho anh rồi bà vẫn còn nói mãi về sự thiếu thốn của gia đình, kê khai từng món chi tiêu vụn vặt, rồi bà than thở mãi vì bà nhớ rất lâu những món tiền bà đưa cho anh. Muốn lấy tiền ở túi mẹ, có lúc Hoan nghĩ rằng nên dùng phương pháp ăn cắp là tốt đẹp hơn cả. Ba Hoan thì dễ dãi về vấn đề tiền bạc hơn nhưng lại quá khát khe về phương diện giáo dục. Ở gần Hoan bất cứ lúc nào và ở đâu ông cũng có vài điều trách móc hay chỉ dẫn cho anh. Và khi đã bắt đầu nói rồi thì ông không thể ngừng lại một cách dễ dàng. Ông hay lôi những tích xưa ra làm tài liệu chứng minh nên câu chuyện càng dài dòng. Khi đã thuộc hết những điển tích và đã đoán biết trước được là ông sẽ nói câu gì thì Hoan cảm thấy mệt và chán, các câu nói của ông trở thành một thứ tiếng động lao xao gờn gợn một sự khó chịu, anh dồn tất cả sự chú ý vào sách vở và không nghe nữa. Không riêng gì Hoan, mẹ anh, các em anh cũng đều được cha anh chỉ dẫn, mắng mỏ luôn, ông giỏi cả việc bếp núc nên lúc nào ông ở nhà là căn nhà ồn ào hẳn lên. Mỗi lần đi đâu về thấy nhà có vẻ hoang vắng và yên tĩnh một cách hiền lành thì Hoan biết ngay là ông đi vắng. Hoan nghĩ rằng khuôn mặt mình

thường gọi hứng nói cho cha nhiều nhất nên anh tìm hết cách để khỏi phải đứng hay ngồi gần ông một lúc hơi lâu, đủ để ông kịp nhận ra một khuyết điểm đạo đức nào của anh.

Tối nhà, Hoan leo thang lên căn gác gỗ nhỏ: thế giới riêng của Hoan. Căn gác tối và hết sức nóng vì mái tôn quá thấp, chạm sát đầu người. Đối với Hoan đây là chỗ ngồi học tốt nhất của căn nhà, cha anh ít lên đây, và có lên cũng không ngồi lâu vì ông không chịu được nóng, mới dậy dỗ anh được một vài câu là mồ hôi ông đã vã ra và bài học đạo đức thường bị bỏ dở. Hoan được yên thân tiếp tục công việc của mình.

Sau khi thổi bụi trên mặt bàn, mở tung hai cánh cửa sổ để đón những làn gió quá hiếm hoi và yếu ớt, Hoan đứng lặng nhìn chồng sách cũ của mình bày trong cái tủ không có cửa. Chúng quen thuộc với anh đến nỗi chỉ nhìn thoáng qua gáy sách anh đã biết ngay đó là quyển gì. Hoan phân vân lôi ra từng chồng. Đã có đôi lần anh bán đi một vài quyển để mua một quyển mới ra, cần thiết hơn, anh không cảm thấy tiếc mấy. Lần này khác, mà Hoan lại phải bán đi nhiều. Hoan thấy quyển nào cũng đáng giữ lại hết. Mỗi quyển hiện ra trước mặt anh là cả một quá khứ đầy đặc kỷ niệm. Có những dòng chữ đã đi qua mắt anh một cách thờ ơ những lần anh thức khuya quá và cảm thấy buồn ngủ, cũng có những dòng còn in đậm trong trí anh từ buổi anh phải mở mắt nhìn như muốn nuốt nhanh nó cho kịp kỳ thi.

Cuối cùng, Hoan phải nghĩ đến Trung và tự rửa mình là đưa bản tiện để

CON ĐƯỜNG XUỐNG

chọn sách cho nhanh. Những cuốn sách sắp từ giã anh đứng thành một chồng khá cao, Hoan gói tất cả trong một tờ báo cũ, buộc kỹ lưỡng.

Công việc bán sách đối với Hoan còn đáng ngại hơn việc chọn sách. Những lần trước anh chỉ bán từng quyển nên sự giao thiệp giữa anh và người mua không kéo dài. Lần này lão chủ hiệu sách chậm rãi mở cái gói ra, lật xem từng quyển. Xem xong từng quyển lão xếp cả chồng sách lại cho ngay ngắn rồi ngồi im, hai tay nhắc cả chồng sách như muốn dò sức nặng. Chiếc kính trắng trễ xuống sống mũi khiến cho lão càng có vẻ chán nản, không thiết tha với việc mua bán chút nào. Hoan cho tay vào túi quần, huýt sáo nhỏ nhỏ nhìn ra đường, chờ đợi. Anh hy vọng không bắt gặp một khuôn mặt quen nào vào lúc này. Ngắm chán chồng sách lão chủ mới hỏi :

— Bán thế nào đây ?

— Ba mươi phần trăm theo giá chính thức. Sách còn mới cả đấy. Lão chủ từ từ đứng dậy, vẫn giữ cái giọng không tha thiết :

— Anh cứ mang đi các hiệu khác xem có bán được giá cao không. Tôi trả hai mươi phần trăm đó.

Cái trò thờ ơ, xua đuổi này Hoan đã gặp nhiều. Những cử chỉ của lão có tác dụng rất mạnh, nó khiến cho kẻ đi bán sách dần dần có cảm tưởng là sách của mình vô giá trị, khó bán. Nhất là, những kẻ đi bán sách thường vẫn là những kẻ muốn giấu việc làm của mình. Cuối cùng thì họ đi đến chỗ chịu bán với một giá

không chênh với sự cho không là bao nhiêu. Hoan hơi cáu, anh bảo :

— Thôi, khỏi bày đặt thế. Ông cứ trả thêm một chút nữa cho nó... phải phép, rồi tính tiền luôn đi.

Cầm bốn trăm bạc trong tay ra về, Hoan chợt nhận thấy việc kiếm một ngàn đồng cho Trung quả là không dễ dàng gì nhất là đối với bạn anh, những kẻ còn bị tạm coi là một thứ trẻ con trong cuộc sống phức tạp.

Sáng hôm sau, Hoan đến công viên sớm. Trung đã có mặt ở đấy và đang đùa nghịch với lũ trẻ trong cái hồ xây cạn, hình bát giác. Hắn có vẻ nhàn hạ và thản nhiên. Thấy Hoan, Trung nói ngay :

— Đạo vừa về xong. Nó đem cho tao một ngàn.

Hoan rút mấy tờ giấy bạc trong túi ra :

— Thằng ấy xoay tài nhỉ. Tao chỉ kiếm cho mày được có bốn trăm.

Trung cười :

— Thôi cũng được. Thế nào ông chú tao chẳng nuôi tao được ít lâu. Lĩnh lương, tao sẽ cố gắng gửi về trả tụi mày ngay, đừng lo. Thời đại nghèo đói sắp qua rồi, tao hy vọng rằng nó chỉ kéo dài chừng vài tháng nữa thôi.

Hoan cũng cười :

— Mày có vẻ tin tưởng ở «con đường xuống» của mày quá nhỉ.

Trung bỏ mũ ra, vuốt tóc, nhìn một lượt khắp công viên như một người lên đường đi ngoại quốc nhìn lại cảnh quê hương lần cuối. Nụ cười vẫn chưa tắt trên môi hắn.

— Phải từ già cái thiên đường này kể cũng tiếc. Nhưng biết làm sao, tiếng gọi của tiền bạc mãnh liệt quá.

Những tia nắng hồng phớt nhẹ trên tóc, trên má, trên vai Trung. Cả khuôn mặt hấn trong một lúc như sáng lên những nét hồn nhiên, ngây thơ. Thăm cỏ xanh tươi, dầy ghế đá, những bông hoa nhiều màu, những người quét lá chậm rãi làm việc, tất cả những cái đó hình như đang chen nhau bước vào cái nhìn của Trung và nằm mãi trong trí hấn. Hấn chưa muốn tách mình ra khỏi thế giới nhỏ bé này cũng như hấn muốn được nằm khểnh trên ghế đá năm, bảy năm nữa để học bài với Đạo và Hoan. Trong ba người. Trung nhỏ tuổi nhất.

Hoan muốn an ủi bạn một vài câu, nhưng rồi anh đành im lặng vì không biết làm sao để gây sự vui vẻ cho một kẻ bị cuộc mưu sinh nhấc ra khỏi thiên đường tuổi tác của hấn quá sớm.

* *

Trung đi rồi, suốt hơn một tuần lễ Đạo không đến học ở công viên như thường lệ. Hoan ngạc nhiên nhưng không muốn đến thẳng nhà Đạo để hỏi. Tất cả những bạn thân của Đạo đều hiểu rõ tình cảnh hấn và không ai muốn bị cha hấn đóng sầm cửa vào mặt. Mỗi ngày hấn thêm cảm thấy lạc lõng trong gia đình và mỗi ngày hấn mất thêm một ít bạn bè.

Thình lình, một buổi tối, Đạo đến tìm Hoan ở tận nhà. Hấn có vẻ hơi bối rối. Không để Hoan kịp hỏi, Đạo nói ngay :

— Thằng Trung mới gửi thư về cho tao. Món tiền tao cho nó mượn nó không thể nào trả kịp trong tháng này được. Thế mới nguy.

Hoan hỏi :

— Món tiền đó mày cũng đi vay phải không ?

— Thì dĩ nhiên rồi. Tao vay của chị Loan. Chị ấy thì chẳng bao giờ có thừa tiền để cho vay. Chị ấy phải lấy món tiền dành để đi xe từ giờ tới cuối tháng, đưa cho tao và bắt hứa trả sớm. Nghĩ rằng việc của thằng Trung dù sao cũng là việc gấp tao nhận bừa. Mấy hôm nay tao chạy lung tung kiếm mấy tên bạn cũ đã đi làm. Nhưng chả thằng nào có, thật toàn một lũ vô tích sự, có đồng nào là tiêu hết đồng ấy. Nguy nhất là chị Loan hết cả tiền đi xe, chị ấy lại phải kèm trẻ ở hai nơi.

Mỗi sáng bà cụ phát cho tao tám đồng để ăn điểm tâm tao cứ phải đem đến cho chị ấy.

Đạo ngừng lại, nhếch mép cười như muốn che giấu cả những điều hấn sắp phải nói ra :

— Cái tệ nhất là mình được no bụng quen rồi nên phải nhịn có mấy hôm đã không chịu nổi. Nhà tao cứ đến hơn một giờ mới ăn cơm. Lắm hôm đói mờ cả mắt. Kể ra thì có vẻ quỳnh, nhưng chả cần giấu mày làm gì, hồi này thỉnh thoảng tao lại phải dờ trò ăn cắp vặt. Con Liên và thằng Hùng ngày nào cũng chung tiền mua một nải chuối tiêu, cắt ở chum gạo, để buổi tối ngồi học khuya ăn lai rai. Xin chúng nó thì cũng được nhưng mất công giải thích lời thôi. Hai đứa ấy hồi này cũng sinh ra sắc lảo, coi tao không ra

CON ĐƯỜNG XUỐNG

cái gì. Thỉnh thoảng, khi ông cụ mắng tao tụi nó còn chêm vào vài câu như muốn khuyên bảo mình. Anh em lớn rồi chả lẽ cứ mỗi lúc cái lại đấm đá nhau. Thành ra, thỉnh thoảng tao lại phải bí mật mở nắp chum gạo, chóp vài quả dùng tạm. Cái khéo là phải làm sao cắt cuống thật khéo, thật sát để công việc ám muội của mình khỏi để lại dấu vết và mình còn trở nghề được lâu bền. Thăng Phụng có hứa chắc sẽ thanh toán món nợ dùm tao vào cuối tháng này. Lúc ấy mới có hy vọng giải nghệ được.

Hoan không nhịn được cười. Đạo chống hay tay xuống ghế. cong ngón tay gõ nhịp trên mặt gỗ. Hấn mở mắt trôn trôn nhìn Hoan như kinh ngạc trước nụ cười của Hoan. Hấn vẫn có tài nói một cách trịnh trọng những điều có vẻ khôi hài nhất. Chợt giọng Đạo trở nên thâm trầm, đứng đắn hơn :

— Phải công nhận là mình tệ quá, không có một tí khả năng chịu đựng nào. Hễ đói là không làm được việc gì. Suốt tuần nay tao học rất chậm vì buổi sáng nào cũng chỉ nằm nghĩ đến bữa cơm. Thi đến nơi rồi mà bài vở bỏ bê bối, cứ tập trung tư tưởng mãi vào việc ăn nhậu và khám phá những phương pháp mở chum gạo làm sao cho vừa nhanh, vừa gọn, không khéo lại rớt keo nữa mất. Mày xem có thể vay đâu cho tao được một ngàn để tạm giải quyết tình trạng khôi hài này thì hay lắm.

Hoan chợt nhớ đến Cương, một người bạn cũ của anh đã đi làm từ lâu, có vợ con rồi và đã tạo được một đời sống khá sung túc. Hình ảnh Cương hiện ra nhanh và đúng dịp quá khiến Hoan vui

mừng, không suy nghĩ cả anh nói ngay bằng một giọng tự tin :

— Được rồi, đi với tao.

Hai người đạp xe dọc theo con đường nhỏ không có ánh đèn điện, ở trước cửa nhà Hoan. Hai bên đường, trong vùng ánh sáng từ các căn nhà nhỏ hắt ra nhiều bọn trẻ tụ tập vật lộn, đùa nghịch ngay trên mặt đất. Đạo không nói gì. Hoan bắt đầu cảm thấy ngần ngại nghĩ đến những việc sắp phải làm. Đây là lần đầu tiên anh đi vay tiền, một món tiền được kể là lớn đối với anh.

Gần tới nhà Cương, Hoan bảo Đạo đứng chờ mình ở một góc đường. Đã đạp xe đi được ít bước Hoan còn phân vân quay lại, một tay dơ lên gãi đầu cho đỡ ngượng. Đạo hỏi :

— Sao ?

— Thú thực với mày... đây là lần đầu tiên tao đi vay tiền. Từ trước tới giờ chưa có lần nào...

Đạo gất :

— Thế thì tập sự đi là vừa.

Chưa lần nào đến thăm Cương mà Hoan lại hồi hộp như lần này.

Cánh cửa sắt nhà Cương hé mở, Hoan bấm chuông rồi dắt xe qua con đường ngắn trải sỏi. Vợ chồng Cương tươi cười ra đón Hoan. Hoan định ninh rằng anh sắp sửa làm cho họ hết cười. Trong bộ quần áo ngủ Cương càng có vẻ gầy và cao. Cương dơ cánh tay dài nghêu ra bắt tay Hoan rồi cứ thế nắm tay anh dẫn vào phòng khách. Người vợ đóng vội cánh cửa lưới lại để chặn

những con muỗi thừa dịp lộn xộn bay vào nhà. Sau đó chị đi pha nước. Hoan trả lời những câu hỏi của Cương một cách ngắn ngủi vì anh còn mãi nghĩ câu nói khai mạc cho việc vay tiền.

Hoan ngồi xuống ghế và vợ lấy một tờ tuần báo đặt trên bàn mở ra đọc. Lâu nay đời sống của anh thu lại trong công viên, trong căn gác nhỏ, bên những chồng sách hiền lành, sự va chạm với đời sống làm Hoan bối rối. Anh cảm thấy lạnh lạnh ở thái dương, tê tê ở đầu lưỡi, nếu anh không để tờ báo mở rộng ở trước mặt có lẽ Cương đã nhận ra vẻ ngẩn ngơ khác thường của anh rồi.

Cương vừa rót nước vừa nói về những cánh cửa lưới mà anh ta mới thuê thợ đóng để chặn những đàn muỗi ở cổng rãnh xung quanh nhà. Cương nói về sự thiếu vệ sinh của những căn nhà ở xung quanh. Cương còn chỉ cho Hoan thấy một căn nhà ở bẩn nhất trong xóm. Hoan bỏ tờ báo, ngẩng cổ, hơi nhòm dậy nhìn qua cửa sổ về phía tay Cương chỉ, anh chẳng trông thấy gì ngoài một khoảng sáng tối lẫn lộn, nhưng anh cũng gật đầu.

Người vợ Cương cầm một chiếc quạt nhỏ đi thăm dò kỹ càng các góc tường để tiêu diệt những con muỗi còn sót lại trong nhà. Thỉnh thoảng chị cũng góp một lời vào câu chuyện, hoặc để nhắc nhở chồng một vài chi tiết anh ta quên hoặc để hỏi Hoan một điều gì. Bóng chị loáng thoáng lướt qua mặt Hoan cũng như âm thanh tiếng nói của chị chỉ như một làn gió nhẹ lướt qua giác quan và sự nhận biết của Hoan.

Những lúc Cương chột im lặng vì chưa tìm ra chuyện gì để nói, Hoan càng cảm thấy ngột ngạt khó chịu. Hình như tất cả sự thân mật giữa anh và Cương vừa đứng sững lại. Ánh đèn ống như trở nên đục ngầu, nặng nề hơn làm cho căn phòng có vẻ nóng bức, tối tăm hơn như có thêm sương mù. Chiếc quạt máy thổi mạnh và gây ra thứ tiếng động đều đặn, buồn nản, độc nhất trong căn phòng. Hoan có cảm tưởng là mình đã ngồi đây lâu lắm, ngồi một cách hết sức vô duyên. Làn gió quạt làm cho da mặt anh khô đi, tóc anh xòa xuống trán và anh vội vàng vuốt lại tóc như muốn xóa một dấu hiệu thiếu náo trên thân thể mình. Vợ Cương cũng ngừng hẳn công việc, đứng lặng lẽ nhìn chăm chú vào một điểm nào đó trên khung cửa lưới. Chị đang rình đập một con muỗi hay chờ nghe một lời chào từ già của Hoan? Hoan vừa muốn nói ngay đến việc vay tiền vừa muốn đứng dậy ra về.

Nhưng rồi Cương lại vui vẻ tiếp tục nói. Sự say mê những điều dự tính cho tương lai khiến anh ta không chú ý đến kẻ đối diện. Hoan ngả mái người ra trên chiếc ghế bành, chưa hết phân vân. Tay vẫn chậm rãi dở từng trang báo, Hoan gặp đi gặp lại rất nhiều lần bức hình quảng cáo in một cô gái cầm một lọ thuốc và mỉm cười, cô ta cứ kiên nhẫn tươi tỉnh mãi cho đến lúc Hoan cảm thấy mỏi mắt và cô ta trở thành ngớ ngẩn, trở khắc như một khúc gỗ.

Giữa một lúc Hoan không sửa soạn, không tính toán thì anh chợt nhớ đến Đạo đang chờ mình ở đầu phố và anh bật nói được :

— À... anh Cương này, tôi có việc cần dùng đến một ngàn bạc mà không biết vay đâu được. Nếu có tiền thì anh, anh... chị cho tôi mượn tới cuối tháng.

Nói xong, Hoan bình tĩnh hẳn lại, nhìn thẳng vào mặt Cương chờ đợi, anh đã qua được giai đoạn khó nhất rồi. Anh tưởng như câu nói của mình vừa làm rạn vỡ mất nhiều nét tươi cười trên mặt Cương. Rõ ràng là Cương vẫn tươi tỉnh, nhưng nụ cười nhẹ trên mặt anh ta trở nên bất động. Sự ngạc nhiên làm khuôn mặt Cương tỉnh hẳn lại. Tiếng động của chiếc quạt máy lại được dịp nổi lên đều đều, buồn nản. Tiếng bước chân của người đàn bà phớt nhẹ trên nền đá hoa cũng có vẻ chậm chạp, ngơ ngác. Hoan lo ngại vì không biết Cương đang nói chuyện gì với mình và chẳng hiểu anh phá ngang câu chuyện có lỗi bịch quá không.

Cương cúi đầu, chấp hay tay lại, đặt lên đùi :

— Một ngàn hả ?

Anh ta dừng lại, tay phải bẻ cong một ngón tay của bàn tay trái, đột nhiên đôi mắt anh ta như dồn tất cả sự chú ý vào ngón tay đang bị bẻ cong ấy :

— Một ngàn thì có lẽ không đủ đâu. Cả nhà tôi còn có hai ngàn để tiêu từ giờ tới cuối tháng, Tôi mới chung nhau với một anh bạn, mua cái xưởng gỗ nhỏ ở Biên Hòa, có đồng nào dồn vào đấy cả, thành ra túng quá. Anh có thể tiêu tạm năm trăm được không ?

Người vợ bỏ công việc giết muối, quay lại nhìn, khi gặp cái nhìn của Hoan chị mỉm cười. Nụ cười có ý

muốn công nhận lời chồng chị là đúng nhưng Hoan cảm thấy hơi nóng ở hai tai như bị chề riều. Hoan không trả lời câu hỏi của Cương và anh ấp ứng giải thích :

— Công việc gấp quá, thành ra...

Chưa nghe hết câu nói mơ hồ của Hoan, Cương đã đứng dậy đi vào nhà trong. Người vợ tiến đến cạnh chiếc bàn sửa lại mấy bông hoa trong bình, rót thêm nước vào chiếc ly của Hoan, Hoan lại cắm đầu vào tờ tuần báo để tìm nụ cười của cô nàng quảng cáo thuốc. Anh mong mỗi người vợ Cương sẽ nói đùa về việc chị muốn giới thiệu anh với một vài cô gái đẹp như mọi lần. May ra Hoan sẽ mỉm cười được. Nhưng người đàn bà, sau khi làm những cử chỉ lịch sự ấy, lại lặng lẽ bỏ vào nhà trong, theo gót người chồng. Hoan liếc nhanh chiếc màn trúc đang xao động, che khuôn cửa ngăn phòng khách và nhà trong, Tiếng quạt máy lúc này còn đều đặn và buồn nản hơn, ánh sáng không phải chỉ vắn đục mà còn như yếu đi, nặng chiu. Ý nghĩ bỏ về thôi thúc Hoan còn mãnh liệt hơn nhiều. Thế giới của tiền bạc không còn ở phạm vi phòng khách, nó đã được thu lại sau bức màn trúc kia. Hoan biết mình đại dột khi đã xâm lấn vào thế giới đó. Sự vô tội, lòng thành thực của anh chẳng làm được chuyện gì để giúp anh lúc này. Sau bức màn trúc đó, anh biết anh không còn được hoàn toàn là anh. Hoan ngồi trong phòng khách và Hoan được nhắc đến trong kia hẳn phải khác nhau nhiều lắm.

Người vợ vén rèm bước ra trước, tay cầm một cuốn sách, chị muốn tỏ

rằng đó là lý do vắng mặt của chị. Cương đem ra năm trăm đưa cho Hoan. Hoan lúng túng nhét tiền vào túi, dù muốn từ chối anh cũng thể nói được, anh kinh sợ phải trở lại việc mình vay tiền. Anh ngồi yên lặng và càng cảm thấy ngượng ngùng hơn, vì, lúc này, sự ngượng ngùng đã được thu lại nằm tròn trong túi anh, làm cho chiếc túi căng ra, no đủ một cách thật đáng ghét.

Người vú già đưa hai đứa trẻ, con vợ chồng Cương, đi chơi về tới cổng. Hai đứa bé kháu khỉnh chạy ào vào nhà, một đứa ôm chân bố, một đứa ôm chân mẹ và cùng nhìn Hoan cười. Tiếng trẻ nhỏ khiến Hoan như bừng tỉnh. Cương vui vẻ bắt cả hai đứa khoanh tay chào Hoan. Mọi lần Hoan đều xoa đầu cả hai đứa, hoặc bế từng đứa lên để thổi vào tai chúng làm chúng vừa rầy vừa cười sằng sặc, lần này, anh vẫn dựa ngả người ra ghế và chỉ cười mỉm. Hình như có một cái luật chung là kẻ đi vay bao giờ cũng cảm thấy mình hèn kém trước người cho vay. Chả lẽ giữa bạn bè cũng thế ! Hoan không chịu được cái luật chung ấy, anh nhất định tránh những cử chỉ có thể khiến vợ chồng Cương hiểu nhầm mình.

Lúc chào từ già vợ chồng Cương. Hoan buồn rầu cảm thấy rằng anh đã bị gia đình này nhìn dưới một khía cạnh khác.

Đạo vẫn đứng chờ Hoan ở góc đường, hai tay thì xuống tay lái xe về chán nản, chịu đựng, gió đêm làm cho tóc hắn bay tung, xoa xuống mặt. Hoan nói :

— Được có năm trăm thôi. Hắn nói hắn mới phải tiêu một món to thành ra cả nhà chỉ còn một ít tiền để tiêu đến cuối tháng. Có lẽ hắn không tin tao. Chán quá.

Đạo thừ ra, bóng tối che dấu khuôn mặt hắn, hắn đưa tay lên bóp cằm rồi chột nói :

— Mày quỳnh thật ! Tình cảnh hắn như thế mà mày còn lấy năm trăm của hắn làm gì ?

Hoan, cười tự tin :

— Mày quỳnh thì có. Đó chỉ là một cách nói. Đâu có chuyện bi đát thế.

Một người bán hàng đêm hiện ra ở đầu phố, chậm chạp và uể oải trên con đường kiếm sống. Ngọn đèn trước xe của ông ta sáng rực. Hoan và Đạo cùng băng khuâng nhìn theo ngọn đèn ấy như muốn nắm vội lấy một vài giây thanh thản để trốn tránh những ý nghĩ trong đầu. Chiếc xe đi khuất, Đạo quay lại nhìn đắm đắm vào mặt Hoan rồi hỏi :

— Làm sao mà mồ hôi vả ra thế kia ? Công việc khó nhọc lắm hả ?

Hoan kể lại những cảm giác và sự lúng túng của mình. Nghe xong, Đạo ngửa cổ ra cười :

— Tội nghiệp ! Thôi, lát nữa mang tiền trả lại sừ Cương đi, nói là mày mượn được ở chỗ khác rồi. Không ngờ con đường xuống của thằng Trung mà cũng lắm chông gai đến thế, làm phiền bao nhiêu người.

Hoan kinh ngạc :

— Trả hả, thế còn mày ?

Đạo nhếch môi cười, thản nhiên :

CON ĐƯỜNG XUÔNG

— Để rồi tao xoay... với lại, tao còn ăn cắp chuối của túi nó được mà. Thôi, khuya rồi, về đây

Đạo đạp xe đi.

Hoan đứng một lúc lâu bên lề đường, nghĩ mãi về thân phận những người bạn mình. Có lẽ anh sẽ nhớ suốt đời nét buồn

tâm mặt Trung khi hân hoan mất thiên đường và nụ cười mỉm của Đạo khi hân hoan còn ăn cắp chuối được.

Khi cảm thấy gió đêm như chợt trở nên lạnh, Hoan lững thững quay lại nhà Cường.

LÊ TẮT-ĐIỀU

ĐÃ PHÁT HÀNH

Tác phẩm thứ hai do Tạp-chí VĂN-NGHỆ xuất bản

GIỮA LÒNG CUỘC ĐỜI

thơ **QUÁCH-THOẠI**

Một ấn phẩm mỹ thuật, bìa của THÁI-TUẦN ba phụ bản chân dung Quách-Thoại của NGỌC-DŨNG, DUY-THANH, THÁI-TUẦN

SÁCH MỚI CỦA NHÀ XUẤT-BẢN GIAO-ĐIỂM

● **SỨ MỆNH VĂN NGHỆ HIỆN ĐẠI** *tiểu luận của ALBERT CAMUS — TRẦN-PHONG GIAO dịch — NGUYỄN-MẠNH-CƠN giới thiệu.*

● **TRƯỜNG CA**

thơ lục bát của DUYÊN-ANH

Đang in :

● **TẬP TRUYỆN**

của DUYÊN-ANH

ĐÃ PHÁT HÀNH

Bước thời gian

Tập thơ đầu tiên của TRÚC-ANH-TÂM

Tựa : Thần-Liên LÊ-VĂN-TẮT

Dày 84 trang — Giá 25 \$

— Các nhà sách lớn Saigon.

— Hoặc địa chỉ tác giả : 96, Phan-Châu-Trinh — **ĐÀ-NẰNG.**

nguyễn-ngu-í
phụ trách

Bách-Khoa

phòng văn giới nhạc sĩ

VI

★ TRẦN-VIỆT-VẤN



Sinh ngày 1-5-1912 tại làng Phù-Long, huyện Mỹ-Lộc tỉnh Nam-Định (Bắc-Việt). Sống trong không-khí nhạc cổ truyền từ thuở nhỏ.

1933.— bắt đầu nghiên cứu về nhạc cổ truyền, đã được học hỏi về nhạc cổ truyền với nhiều vị danh cầm thời bấy giờ.

1936.— Ở trong giáo giới tư-thục Nam-Định, gặp nhạc sư Frère Antoine. Được học hỏi về nhạc lý Tây-phương (Notation musicale và Solfège).

1950.— Khi làm thông-địch-viên trong quân đội Pháp, học Solfège, Harmonie, Composition với nhạc sĩ Phong cầm: Lieutenant BEAUFRE.

1954.— Di cư vào Nam.

1956.— Cộng tác với đài Vô-tuyến truyền thanh Sài-Gòn đến ngày nay.

1958.— Cộng tác với trường Quốc Gia Âm-nhạc và Kịch-nghệ Sài-gòn đến ngày nay.

Đã viết xong :

1) Nghiên cứu về ống Sáo để đi đến một phương thức:

Thực hiện một ống Sáo phát âm cơ bản có cao độ theo ý muốn.

(từ 1955 đến 1958)

BÁCH KHOA PHÒNG VĂN GIỚI NHẠC SĨ

2) *Một luận án*: Những điểm dị-đồng về cao độ của các bậc trong âm giai Tây phương và âm giai Việt-Nam (từ 1958 đến 1959)

3) Phương pháp thực hành thổi Sáo cho các bản tân nhạc và quốc nhạc (kỹ âm Tây phương và kỹ âm quốc nhạc), (từ 1959 đến 1962)

4) Bản đàn Tranh miền Bắc (kỹ âm quốc nhạc), (từ 1958 đến 1961)

Đang viết: 1) Bài hát miền Bắc (hát hò và dân ca, kỹ âm quốc nhạc)

2) Đường lối phục hưng và cải cách nhạc Việt.

● Ta học nhạc Tây phương để gây thêm vốn kiến thức âm nhạc. Nhưng có nhiều kiến thức về âm nhạc Tây phương chưa phải là mục đích cuối cùng của người nhạc sĩ Việt-Nam. Những kiến thức đó phải nhằm chủ đích giúp ta phục hưng và cải cách nhạc Việt.

● Đề cho quần chúng hiểu được và ưa được nhạc, phải bắt nguồn từ đời sống cá nhân bằng máy truyền thanh có giờ nhất định trong tuần.

I. — Bạn chuyên về nhạc gì ?...

Tôi chuyên về quốc nhạc.

Thường ngày tôi là một nhạc thủ (instrumentiste) sử dụng Tiêu, Sáo đàn Tranh và Độc huyền cho ban cổ nhạc Bắc-Phần, tại đài Phát thanh Sài Gòn.

Đồng thời tôi cũng là giáo sư dạy đàn Tranh và Tiêu sáo (cổ nhạc Bắc-Phần) tại trường quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ Sài Gòn.

Tuy chuyên về quốc nhạc, nhưng từ lâu tôi luôn luôn cố gắng tìm hiểu nhạc Tây phương bằng cách học hỏi trực tiếp các vị giáo sư và nhạc thủ Tây phương, hay bằng cách sưu tầm tài liệu, sách vở, trong các thư viện.

Biết rằng làm như thế là tốn công phu, nhưng tôi phải cố gắng vì cảm thấy rằng: Quốc nhạc và nhạc Tây phương cần phải phối hợp với nhau, phải bù đắp cho nhau thì mới gây được nền móng cho quốc nhạc Việt-Nam, giữa lúc Quốc nhạc Việt-Nam thấy cần phải thích ứng với đà tiến của âm-nhạc quốc-tế mà không rời xa tập tục cổ truyền.

II. — Bạn đã được huấn luyện như thế nào để thành tài. Xin cho biết những hoạt động nghệ thuật của bạn.

Trong thời kỳ Pháp thuộc, không có trường dạy quốc nhạc. Vì tôi có khuynh hướng về quốc nhạc nên mặc dầu tôi sinh nhai bằng nghề giáo sư trung học tư-thực,

tôi vẫn tìm gặp các danh sư âm-nhạc cổ truyền, cầu mong học hỏi. Năm 1933, tôi học nhạc miền Bắc với ông Đức (Nhị huyền), ông Khiết (Nguyệt), ông Lễ (Tranh), ông Thiện (Sáo), ông Cả Trâm (Độc huyền và Nguyệt). Tôi học nhạc miền Trung với ông Cả Chính (Nguyệt, Độc-huyền), ông Chín Nghệ (Nhị huyền và Nguyệt), Bà Nam Đài (Tranh).

Tôi học nhạc miền Nam với ông Bảy Chi (Nguyệt), ông Sáu Ở (Tranh).

Năm 1936, trong giới tư-thục Nam-Định, tôi gặp một nhạc sư Tây-phương Frère Antoine. Ông dạy tôi về Lý-thuyết âm nhạc Tây-phương (Théorie de la musique, Ký-âm-Pháp (Notation musicale) và Xướng âm-pháp (Solfège).

Sau khi thấm nhuần ít nhiều nhạc-lý Tây-phương, tôi cảm thấy một thắc mắc. Những quy luật nhạc-lý Tây-phương, nhất là phần « notation » và « solfège » có thể áp-dụng cho Quốc nhạc được không ?

Tiếp đến những biến cố lớn trong xã-hội, tôi phải đương đầu với hoàn cảnh một cách hết sức gay go nên câu hỏi trên không được giải đáp và dần vào quên lãng.

Từ năm 1950 đến 1956, trong khi sống miễn cưỡng đời sống (lính chiến) trong Binh đoàn lưu động của quân đội Viễn-chinh Pháp, tôi được cái may mắn làm quen với một nhạc sư phong cầm : Lieutenant BEAUFRE. Lại một cơ hội cho tôi học hỏi về nhạc lý Tây phương mỗi khi nghỉ ngơi ở hậu cứ, là một cơ hội cho chúng tôi trao đổi những thắc mắc về âm nhạc. Phần tôi, tôi tìm hiểu nhạc Tây-phương trên cây Phong cầm. Phần ông

Beaufré thì tìm hiểu nhạc ngũ âm Việt-Nam qua cây Sáo của tôi. Tôi rất tiếc rằng Sáo là một nhạc khí mà cao độ không cố định như cây đàn Tranh, đàn Nguyệt, nên sự khảo sát, so sánh giữa cây Phong cầm và Sáo không được chính xác lắm.

Sau nhiều cố gắng, chúng tôi đồng ý với nhau lấy nguyên âm (tonique) một âm-giai Tây phương cho bằng cao độ với nguyên âm một âm giai Việt Nam, rồi so sánh từng cấp, từng bậc. Cuộc khảo sát cho biết là chỉ có 4 nốt trùng nhau nghĩa là cùng một cao độ : Nốt thứ nhất (Do = Hò) nốt thứ Tư (Fa = Xang) Nốt thứ năm (Sol = Xê) và nốt thứ tám (Do = Liu). Bốn nốt đó là những âm định thể (notes tonales) của âm-giai. Còn những nốt khác, nhất là nốt thứ Ba (Mi $\neq$ I) và nốt thứ sáu (La $\neq$ cồng) thì khác nhau nhiều lắm. Đặc biệt là nốt thứ bảy (Si cao hơn Phan gần nửa cung).

Tiếp theo nhạc lý, ông Beaufré có đem Harmonie (hòa âm) và composition (sáng tác) ra dạy tôi. Song thú thực là hồi đó, một phần tại ông dạy mau quá mà tai tôi nghe hòa điệu chưa quen, phần thì tâm thần bất an, nên tôi không lượm được nhiều thành quả. Năm, mười năm tiếp theo về sau, tôi chịu hỏi các nhạc sĩ Tây phương và xem rất nhiều tài liệu về Harmonie, mới lĩnh hội được chút ít về kỹ-thuật đó.

Khi ông Beaufré về Pháp, ông có gửi cho tôi một cuốn « Traité d'harmonie » của Dubois và khuyên tôi nên theo một lớp hàm thụ về nhạc tại Paris.

Giải ngũ năm 1956 ở Sài Gòn, tôi gia nhập làm nhạc thủ, Tiêu, Sáo cho ban chèo

BÁCH KHOA PHÒNG VĂN GIỚI NHẠC SĨ

Đào-Duy-Từ và ban Ca Bắc Hoàn-Kiểm do ông Ngô-Văn-Thuật phụ trách. Ông Thuật sưu tầm và thống nhất được một số bài bản về chèo và Ca Bắc, ông cho đánh máy và phân phát cho cả nhạc công để lấy đó làm mẫu mà diễn tấu.

Thời kỳ này tôi bắt đầu vào công việc khảo sát ống Sáo để đi đến một phương thức thực hiện một ống Sáo phát âm cơ bản có cao độ theo ý muốn (từ 1955 đến 1958).

Năm 1958, tôi phụ trách môn đàn tranh Bắc phần tại trường Quốc - Gia - Âm Nhạc, và Kịch Nghệ, Sài Gòn.

Nhân dịp này tôi nghiên cứu âm giai ngũ âm trên cây đàn Tranh và viết ra luận án :

Những điểm dị đồng về cao độ của các bậc trong âm-giai Tây-phương và âm giai Việt-Nam. Tôi lập bảng sai biệt và biểu độ sai biệt cho mỗi bậc như sau :

Do bằng Lia

Ré cao hơn U (U) 1 c 25 (c : comma)

Mi cao hơn I (Y) 2c 50

Fa bằng X (Xang)

Sol bằng Xé

La cao hơn C (Cổng) 2 c 00

Si cao hơn P... (Phan) 3 c 25

Do bằng L (Liu)

Từ đó tôi yên tâm mà dùng khuôn nhạc năm dòng mang khóa Sol 2 để viết các bài nhạc cổ truyền với các nốt Tây-phương.

Từ 1959 tới nay, tôi thực hiện được 3 tác phẩm nữa :

a) Phương pháp thực hành Sáo cho các bản tân nhạc và quốc nhạc.

b) Bài đàn Tranh (Tân nhạc và quốc nhạc miền Bắc).

c) Bài hát Bắc (Chèo và dân ca)

Trong tất cả các tác phẩm của tôi, tôi dùng ký âm pháp Tây-phương cho các bản Tân nhạc và ký âm Quốc nhạc (hay ký âm Tây-phương Việt-Nam hóa) cho các bản nhạc cổ truyền mang sắc thái ngũ âm.

III.— Theo ý bạn chỉ nên phổ biến nhạc Tây phương cho thật rộng rãi hoặc chỉ nên phục hưng hay cải cách nhạc Việt.

Theo ý tôi thì nên làm cả hai việc nghĩa là vừa phổ biến nhạc Tây-phương vừa phục hưng và cải cách nhạc Việt. Nhưng mỗi việc nhằm một chủ đích khác nhau và có một tầm quan trọng khác nhau.

Cũng như hội họa Tây - phương, văn chương Tây-phương, ta nên phổ biến âm nhạc Tây-phương để cho mỗi người chúng ta nhận thấy những quan niệm về mỹ-thuật nói chung, về âm-nhạc nói riêng của người Tây-phương như thế nào. Ta học nhạc Tây-phương để tìm hiểu hồn nhạc, ý nhạc của họ, kỹ-thuật ghi chép và diễn tấu của họ, kỹ-thuật sáng tác và sáng tạo của họ.

Ta học nhạc Tây-phương để gây thêm vốn kiến thức âm nhạc. Nhưng có nhiều kiến thức về âm-nhạc Tây-phương chưa phải là mục-đích cuối cùng của người nhạc sĩ Việt-Nam.

Những kiến thức đó phải nhằm chủ đích giúp ta phục hưng và cải cách nhạc Việt.

Mà nhạc Việt lúc này hơn lúc nào hết không thể ngừng đọng vào một vị trí cố định của một số bài bản cổ truyền sẵn có. Lúc này nhạc Việt phải đem cái sắc thái dân tộc có từ ngàn xưa vươn lên cùng một hàng ngũ với các nước tự do, bước tới địa vị của mình trên trường quốc-tế.

Việc phổ biến và tìm hiểu nhạc Tây-phương có mạnh đến đâu đi nữa cũng chỉ nói lên được cái bác học của mình mà không phát huy được cái bản ngã của mình. Cái bản ngã đó chỉ tìm thấy ở Quốc-nhạc.

IV.— Nếu chỉ phổ biến nhạc Tây-phương thì có những sự khó khăn gì? Và có những cách gì tiện lợi và hiệu nghiệm nhất để huấn luyện nhạc sĩ để cho quần chúng hiểu được và ưa được.

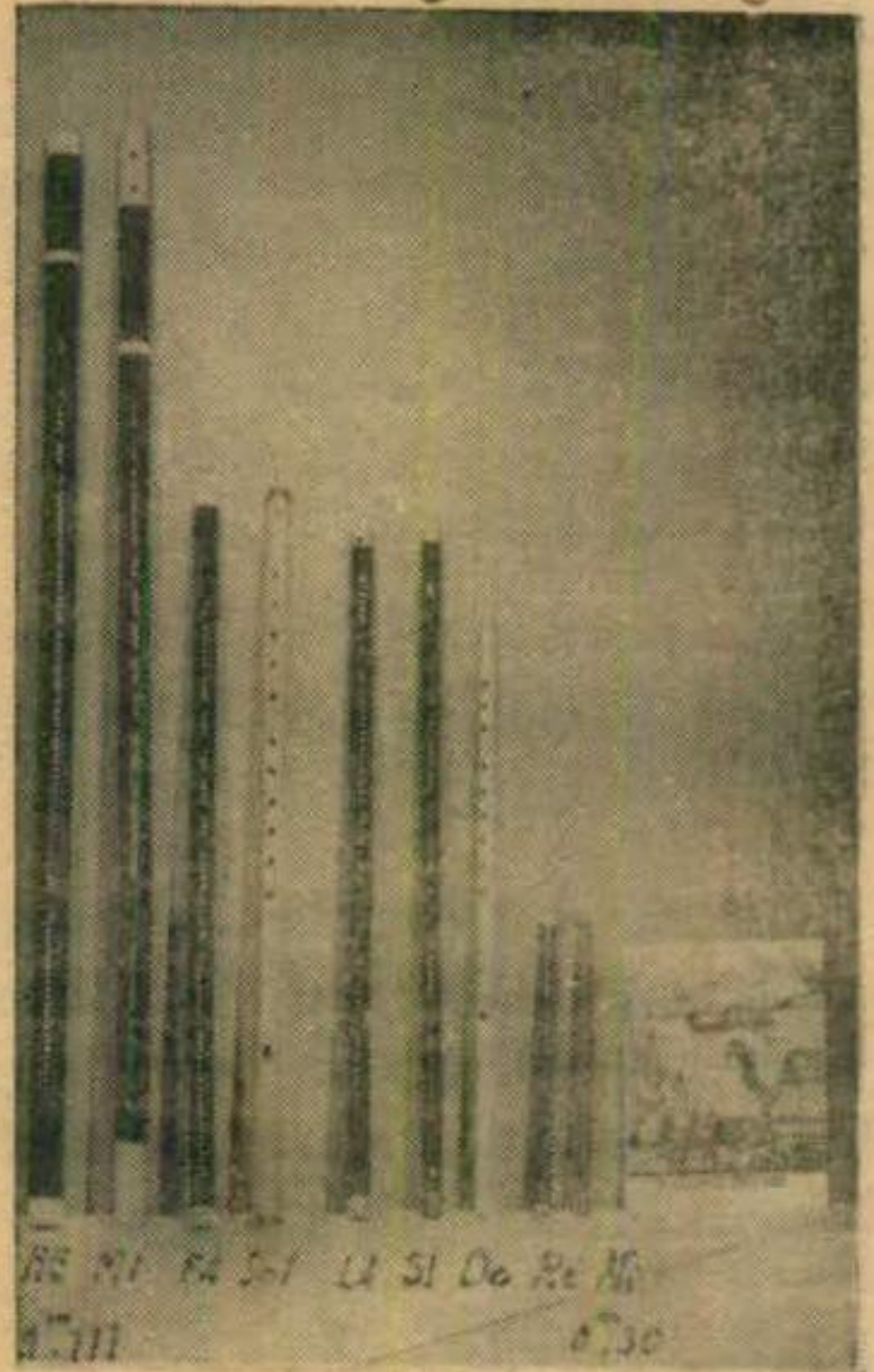
Theo ý tôi thì không nên « chỉ phổ biến nhạc Tây-phương », vì nước Việt-Nam có âm nhạc tự ngàn xưa.

Vấn đề then chốt là cải cách cái nhạc phong đó cho hợp thời, đưa nó lên địa vị của nó nghĩa là ngang hàng với nhạc Tây-phương.

Huấn luyện nên một nhạc sĩ là vấn đề giáo dục khá tế nhị và trường kỳ. Theo tôi nên huấn luyện nhạc sĩ trên 3 nguyên tắc là :

- 1) Sống nếp sống của kẻ sĩ,
- 2) Trau dồi nhạc lý và học văn phổ-thông,
- 3) Rèn luyện kỹ-thuật.

Nên tổ chức lại việc dạy nhạc tại các trường Tiểu học và Trung học và nhạc sư-phải do trường Quốc Gia Âm-nhạc và Kịch-ngệ bổ nhậm và kiểm soát.



Hệ thống các ống sáo phát âm cơ bản (âm thấp nhất) có cao độ theo ý muốn. Những sáo trên đây đã phát âm theo hệ thống của âm giai đàn Dương-Cầm. Từ trái sang phải :
RÉ (dài 1 m, 111), MI, FA, SOL, SI, LA (diapason), DO, RE, MI (dài 0 m, 30).

Để cho quần chúng hiểu được và ưa được nhạc, phải bắt nguồn từ điều đất tưng cá nhân bằng máy truyền thanh có giờ nhất định trong tuần.

Muốn hiểu phải biết, muốn biết phải hiểu, đó là luật tương phản của trí tuệ lúc đi tìm hiểu tìm biết.

Muốn hiểu thế nào là nhạc, phải biết âm luật, muốn biết âm luật phải học nhạc. Khi đã có cái vốn kiến thức về âm luật thì tập nghe và phân tách cùng lúc với người hướng dẫn.

BÁCH-KHOA PHÒNG VĂN GIỚI NHẠC SĨ

Phải có bản nhạc ở tay, mắt dò theo câu nhạc diễn tấu, tay cầm nhịp hay gõ phách, khi thành thạo rồi thì các động tác đó thực hiện trong tưởng tượng.

Khi nghe và phân tách thành điệu được rồi thì tập nghe và phân tách hòa điệu tùy theo đường lối của giáo sư chỉ bảo.

Nên tổ chức nhiều ban hòa tấu và dân giải âm nhạc. Ban đó sẽ trình diễn trước quần chúng và trên Đài Phát thanh.

V.— Nếu bạn chủ trương phục hưng và cải cách thì theo đường lối nào và cần điều kiện gì? nhạc cổ Việt-Nam và nhạc mới gọi là cải cách có những ưu khuyết điểm gì?

Tôi chủ trương phục hưng và cải cách nhạc Việt nhằm theo tôn chỉ sau đây:

Tôn giáo Quốc-nhạc.— « Xây dựng một nền quốc nhạc mang nhiều sắc thái dân tộc, nhưng cũng đầy đủ điều kiện về kỹ thuật diễn tả, và kỹ thuật sáng tác, để có thể gia nhập các tổ chức âm nhạc quốc tế ».

Nói cách khác, một nền quốc nhạc phù hợp với đà tiến triển âm nhạc quốc tế mà vẫn giữ nguyên được nhạc phong cổ truyền.

Nói rộng ra, một nền quốc nhạc vẫn mang màu sắc dân tộc nhưng được quốc tế hóa về kỹ-thuật, ký-âm, diễn tấu, sáng tác.

Muốn đạt được chủ đích trên đây, ta phải nghiên cứu một đường lối để đi tới đích, và đồng thời đặt điều kiện hay phương tiện để thực hiện đường lối đã vạch ra.

A.— ĐƯỜNG LỐI

Như Văn chương và Hội họa, Âm nhạc cũng có hai cực diện mà ta gọi là:

● Hình thức hay phần kỹ-thuật diễn tả nhạc điệu.

● — Nội dung hay phần kỹ-thuật kiến tạo nhạc hồn.

Hai phần đó đều quan hệ như nhau, mật thiết phối hợp với nhau để nói lên cái tâm hồn nghệ thuật âm thanh của người Việt.

Việc phục hưng và cải cách cho cổ nhạc Việt phải thực hiện đồng thời cho cả hình thức và nội dung, tức là cùng lúc cho cả kỹ-thuật diễn tả nhạc điệu và kỹ thuật kiến tạo nhạc ý, nhạc hồn.

1.— Đường lối phát huy kỹ thuật diễn tả nhạc điệu gồm có ký âm pháp, xướng nhạc pháp, hòa âm và sáng tác, nhạc cụ học và thuật kết tấu.

Ta phải thú nhận rằng về nhạc cổ truyền kỹ thuật diễn tả quá ư đơn sơ. Nên ta phải nương theo kỹ-thuật Tây phương mà thực hiện. Nhưng cũng phải chế biến những kỹ thuật đó một phần nào cho hợp với nhạc ngũ âm và nghệ thuật thẩm âm của người Việt.

2.— Đường lối phát huy nhạc ý hay nhạc hồn.

a) Hoạt động bảo tồn, nhằm mục đích sưu tầm, nghiên cứu, thống nhất bài bản cổ-truyền, và xếp loại hay hệ-thống hóa bài bản.

b) Hoạt-động phát triển có hai hình thể:

— Cổ nhạc nguyên thể: nhằm mục đích ghi chép và diễn tấu một bản nhạc cổ truyền đúng với lúc nó được sáng tác, và nếu có thể theo dõi những biến thể của nó qua không gian và thời gian. Mục này chỉ dùng nhạc khí cổ truyền mà thôi.

— *Cổ nhạc tân thể*: nhằm mục đích ghi chép và diễn tấu một bản nhạc cổ truyền với một hình thức mới.

Bài bản vẫn chép theo nguyên thể hay biến thể nhưng khi hòa tấu, phải chia phần từng câu nhạc, hay từng phiên khúc cho mỗi ca sĩ mỗi nhạc sĩ để thính giả thưởng thức được phần độc tấu, song tấu, tam tấu và đồng tấu của các nhạc khí. Ta không quên phần nhạc giới thiệu, phần dạo khúc phần chuyển khúc, phần kết thúc cũng được trình tấu rành rẽ. Ta có thể dù dùng phần nhiều là nhạc khí cổ truyền và xen lẫn một vài nhạc khí tây phương.

c) — *Hoạt động tạo tác*: (Quốc nhạc tân thể) có hai hình thể:

— *Sáng tác loại ca khúc* (pièces chantées) Ca khúc có hai loại:

Loại thi ca (romance) hay thơ phổ nhạc.

Loại đoản ca (chanson) một bài nhạc ngắn mang theo lời ca tức là loại nhạc phổ thông ta thường gặp.

Đề nhạc (sujet, thème) hay ý nhạc (idée musicale) được tuyển lựa trong các bản nhạc cổ truyền, hoặc nguyên thể, hoặc biến thể. Dĩ nhiên nét nhạc cổ truyền phải được chỉnh đốn cho thích nghi với hình thức mới.

— *Sáng tác loại nhạc đại thể* như: Trường tấu khúc (Symphonie) Hợp diễn khúc (Concerto), Đại tấu khúc (Sonate) Đại ca kịch (Opéra).

Hồn nhạc của loại nhạc đại thể cũng căn cứ trên qui tắc chung với loại nhạc ca khúc. Đó là hồn nhạc cổ truyền. Kỹ thuật ghi chép và hợp tấu nương theo kỹ

thuật Tây-phương với ít nhiều chỗ biến cho hợp với màu sắc Việt-Nam. Công việc ví như ta xây một tòa nhà kiến trúc phỏng theo lối Tây phương nhưng hệ thống phòng, buồng, cách xếp đặt tiện nghi cũng trưng bày trang trí nhất thiết theo tập tục cổ truyền Việt-Nam.

Về nhạc khí, trong loại nhạc đại thể phải dùng cả nhạc khí cổ truyền và nhạc khí Tây-phương. Song phải tùy ý bài, tùy cảnh ngộ mà ấn định số lượng cho mỗi nhạc khí.

d) *Hoạt động phổ biến*, muốn cho phong trào phục hưng và cải cách nhạc Việt được lan tràn mạnh mẽ, phải thành lập nhiều ban hòa tấu để trình diễn trường xuyên trên các ca trường, trước công chúng, hay qua làn sóng điện đài Phát-thanh (có dẫn giải ý nghĩa, bố cục). Để đi đôi với ban hòa tấu, thành lập ban sáng tác, chuyên môn *nghiên cứu tổng hợp, tạo tác bài bản*. Đồng thời có ban *ấn loát, tu thư* chuyên môn về âm nhạc để giúp đỡ phát hành bài bản nhanh chóng.

Trên đây là sơ lược đường lối phục hưng và cải cách nhạc Việt. Muốn thực hiện chương trình đường lối đó, không phải là một nhóm, một đoàn mà làm nổi. Đó là công việc của cả một thể hệ, của tất cả anh chị em nghệ sĩ trong nước đồng thanh hưởng ứng. Mọi hoạt động của nhạc giới phải được Chính quyền nâng đỡ.

B. — ĐIỀU KIỆN

Và để trả lời đoạn chót của câu phỏng vấn thứ năm hỏi *cần những điều kiện gì để thực hiện đường lối phục hưng và cải cách nhạc Việt*, tôi xin nêu mấy điều sau đây:

BÁCH KHOA PHÒNG VĂN GIỚI NHẠC SĨ

1) « Trung Tâm điều khiển âm nhạc và kịch nghệ »

Xin Chánh quyền thành lập cho nha Văn-nghệ, trong đó có ngành của Âm-nhạc và Kịch nghệ với trách nhiệm điều khiển và tập trung cùng chỉ huy mọi hoạt động về Âm-nhạc và Kịch nghệ trong nước. Đó là cơ quan tối cao để quyết nghị và thẩm định mọi sự vụ, mọi sinh hoạt cho Âm-nhạc và Kịch-nghệ. Nhân viên hành chánh của tổ chức đó do bộ quốc gia Giáo-dục bổ nhậm. Nhân viên kỹ thuật cũng do bộ quốc gia Giáo dục tuyển dụng trong hàng ngũ nhạc sĩ có tài năng, có học thuật.

2) Nâng đỡ cải tiến đời sống vật chất và tinh thần giới ca nhạc sĩ. Muốn thực hiện chương trình phục hưng và cải cách nhạc Việt, phải đòi hỏi ở ca nhạc sĩ rất nhiều cần lao, cố gắng, nỗ lực, thành thực hy sinh, kiên nhẫn...

Hoạt động phục hưng và cải cách nhạc Việt là một hoạt động trường kỳ, chịu đựng, bền bỉ, tinh vi.

Vậy tôi ước ao rằng các nhạc sĩ đứng ra đảm đương công việc đó đều được Chính-quyền cho hưởng qui chế lương khoán định như các công chức. Họ có thoát được tình trạng sinh kế bất an, thì họ mới yên tâm phục vụ cho việc phục hưng và cải cách nhạc Việt.

VI.— Tương lai nghệ thuật Nhạc tại Việt-Nam

Một phần lớn cũng do chương trình phục hưng và cải cách nhạc Việt có thể thực hiện được hay không.

Tôi tin là có thể thực hiện được với sự nâng đỡ của Chính quyền với thiện chí của giới ca nhạc sĩ. Đệ nhất Đại hội quốc gia Âm-nhạc và Kịch-nghệ sẽ trả lời chúng ta.

TRẦN-VIỆT-VĂN



● HÙNG-LÂN (Hoàng-Văn-Hương)

— Sinh năm 1922 tại Hà-Nội

1930.— Bắt đầu học Harmonium và Dương-cầm.

1940.— Bắt đầu sáng tác (Tiếng gọi lên đường).

1945.— 2 giải-thưởng sáng tác do hội Khuyến-Nhạc Hà-Nội cấp (Việt-Nam minh-châu, Rạng đông).

1952.— 2 giải thưởng sách giáo-khoa do Bộ Q. G. G. D. cấp (Âm nhạc Đệ-Thất, Âm-Nhạc Đệ-lục).

— Đã dạy âm-nhạc tại những trường:

Hà-Nội: Chu-Văn-An, Trưng-Vương, Sư-Phạm, Dũng-Lạc, Văn-Lang.

Sài-Gòn: Ca-vũ-nhạc Phổ-Thông, Trưng-Vương, Quốc-Gia Âm-nhạc và Kịch-Nghệ.

NGUYỄN-NGU-Í phụ-trách

— Chuyên về Giáo dục Âm-Nhạc.

Điều khiển Ban Nhạc Tiếng nói Thanh niên 1954-1956 Ban hợp-ca Thiên-Thanh 1955-1960.

Làm đoàn-trưởng Nhạc-đoàn LÊ-BẢO-TỊNH — 1946 đến 1962.

— Đã xuất bản : Âm-Nhạc Đệ-Thất, Âm-Nhạc Đệ-Lục, Âm-Nhạc Đệ-Ngũ, Nhạc-Lý Toàn-thư, Giải đáp Câu hỏi Nhạc-Lý, Hát mà Học, Hát mà Chơi, (I, II, III).

Nhạc bản : Việt-Nam minh châu, Rạng đông, Hè về, Tiếng gọi lên đường, Khỏe vì nước, Cô gái Việt Nhân-dân cách-mạng Việt-Nam v.v...

Sách hát Công-giáo : CUNG-THÁNH từ I đến XV.

● Tôi cảm thấy toàn thể giới nhạc hiện nay đều có một phần trách nhiệm về tiền đồ âm nhạc nước nhà. Dù muốn dù không, ta cũng bị hậu thế coi như đã gây ra tình trạng tốt hoặc xấu sau này.

● Đại chúng chỉ ưa thích cái gì mà họ hiểu được, cảm thấy và vô cùng ác cảm với những ai lên mặt cao siêu đối với họ.

● Sự thiếu hụt về kế toán của các buổi đại nhạc hội, những lời than phiền trên báo chí, sự lạnh nhạt lẫn lẩn của lớp thính giả trí thức từ mấy năm nay, là những hồi chuông báo động đòi hỏi một cuộc giáo dục âm nhạc đi từ phía nghệ sĩ sang phía thính giả.

Hồi lên 3, nhờ giọng tốt, tôi được tuyển chọn vào ban hát Nhà Thờ Lớn Hà-Nội, sau đó được học âm nhạc với L.M. Dépaullis là người đã từng đào-tạo rất nhiều ca-nhạc-sĩ tên tuổi ngày nay.

Quan-niệm rằng : Âm-nhạc là một động-lực rất hiệu-nghịem trong việc lãnh-mạnh hóa con người và cải-tạo xã-hội, nên tôi không tán thành loại nhạc ủy-mị hoặc cuồng loạn. Hoạt-động chính của tôi là nghiên-cứu và thích-ứng phương-pháp học-tập tân-tiến, nhằm gây một nền tảng kỹ-thuật

vững chãi, quy-củ, khoa học để nhờ có nền nhạc có thể vươn lên xa.

Trong những số báo trước, mấy đồng-nghiep đã đề-cập khá đầy đủ về nhiều vấn-đề, tôi chỉ xin nói về GIÁO-DỤC ÂM-NHẠC, và như vậy tôi sẽ đặc-biệt trả lời các câu hỏi 3, 4 và 5 của cuộc phỏng-vấn này.

Theo thiển-ý, tất cả những bế-tắc hiện nay trong lãnh-vực âm-nhạc nói chung và tân-nhạc nói riêng chung-qui chỉ vì vấn-



Nhạc-sĩ Hùng-Lân đang dẫn đường
cầm cho nhạc sinh hát một bài hợp
ca tại một lớp ở trường tư-thục
Âm-nhạc Cécillia, Sài-Gòn

đề giáo-dục âm-nhạc trong quần chúng chưa được đặt ra một cách đĩnh-đắn, chưa được giải-quyết một cách có tổ-chức, có kế-hoạch, có phối-hiệp.

Gần đây, trong khi dự khóa huấn-luyện Ấp Chiến-Lược dành cho Đại-học và Cao-đẳng, mỗi khi nghe thuyết-trình về một ngành giáo-dục nào, tôi cũng đem so sánh với ngành âm-nhạc hiện nay. Tôi còn vô cùng hân-hoan khi thấy toàn-thể quyết-nghị : Ngày sau khi trở về trường mình sẽ tiếp tục sửa lại chương-trình và phương-pháp giảng dạy theo đúng tinh-thần tranh-đấu của Quốc sách Ấp Chiến-Lược. Thực ra, dầu không có Quyết-nghị ấy, thì từ ngày thành-lập Ủy-Ban Sơ-Bộ Đại-hội Âm-Nhạc và Kịch-nghệ, tôi đã cảm-thấy toàn thể giới nhạc hiện nay đều có một phần trách nhiệm về tiền-đồ âm-nhạc nước nhà. Dù muốn dù không, ta cũng sẽ bị hậu thế coi như đã gây ra tình-trạng tốt hoặc xấu sau này. Quyết-nghị nói trên khiến tôi thêm phấn-khởi mà viết ra những hàng sau đây, không phải để chỉ-trích một cá-nhân hoặc một cơ-quan nào, mà là để « gọi » ra một số « bệnh » để

chúng ta cùng tìm phương chạy chữa trong Đại-hội sắp tới.

Trên quan-điểm GIÁO-DỤC ÂM-NHẠC ĐẠI-CHUNG, tôi sẽ lần lượt trình bày những nhận xét về ba cơ-quan giữ vai trò chính-yếu. Đó là :
1) Đài phát-thanh, 2) Trường Âm-Nhạc,
3) Việt-Nam Nhạc hội.

1) Đài-Phát-Thanh

Hiện nay ta phải công-nhận ảnh-hưởng của Đài-Phát-thanh về âm-nhạc trong đại-chúng thật là lớn lao. Từ trẻ em đến người lớn, đâu đâu cũng ham nghe phát-thanh và thường bắt chước cách diễn-tấu của Đài. Chẳng những Đài đã qui-tụ được số ca-nhạc-sĩ đông-đảo nhất, công việc của Đài còn được trong nước và ngoài nước theo dõi, phê-phán hàng ngày. Bởi vậy Đài đã đóng góp một phần quan-trọng vào sự tiến-bộ chung của phong-trào ca-nhạc ở nước ta. So với hồi 1945, trình-độ ca-nhạc-sĩ cũng như thính-giả đã lên cao nhiều, nhất là trong 2 năm gần đây, phía tân-nhạc đã thực-hiện được nhiều sự cải-thiện về hòa âm và hợp ca. Chỉ tiếc

rằng : giá phần đông ca-sĩ mà được học-luyện chu-đáo về kỹ-thuật từ trước thì chắc hẳn thành-quả sẽ còn khả-quan hơn nhiều, một vài khuyết-điểm tầy đình sẽ chẳng còn ngang-nhiên tồn tại. Tôi muốn nói đến lối hát rên ồm yếu của một ban kia, lối dậm láy ồm ọ vô tổ-chức, vô-duyên đến phát lợm của một vài ca-sĩ phòng trà, lối trật nhịp biến-điệu « thường trực » của những người nhảy vào nghề hát trước khi học cho biết một số yếu-tổ căn-bản về ký-âm-pháp. Nếu trước đã chịu học luyện cách đặt tiếng thì chắc thanh-cữ (étendue) của phần đông đã không quá eo hẹp như ngày nay, lên cao một chút sẽ không chua thê, xuống thấp sẽ không khàn nghẹn. Nếu trước đã chịu học về cách đọc thì lời ca sẽ không lơ lơ hời hợt nghe như người ngoại-quốc đọc tiếng Việt. Và nếu thận-trọng hơn chút nữa, mục dạy Ký-âm-pháp của Đài sẽ chẳng còn những sơ-xuất sơ-dãng : người hát làm kiểu-mẫu sẽ không còn lạc điệu một cách dễ dàng quá, và trường-độ các nốt sẽ được giữ đúng hơn, đồn và hát sẽ không còn tổ cáo lẫn nhau. Tỉ-dụ buổi phát-thanh chiều ngày 25-5-1963. Dương-cầm đồn không ra liên-ba (triolet) không ra đảo-phách (syncope), trái lại ca-sĩ thì hát ra đảo-phách. Nữ ca-sĩ hôm đó nếu biết trọng nghề, biết trọng thính-giả, tất sẽ không hát sai nhiều đến thế và chắc không dám đọc pha khi thì giọng Bắc, khi thì giọng Trung. Kiểu-mẫu mà còn như vậy thì trách chi những thí sinh vẫn thường chọc cười thính giả trong những buổi tuyển lựa ca sĩ — Nhiều bạn trẻ đã rất hoang mang khi thấy nhà trường dạy một đàn mà đến lúc nghe radio thì thấy nhiều kki chính tác giả trình bày bài của

mình cũng không diễn đúng liên ba, đảo-phách ; có lẽ họ quá quen « hot » chăng ? Bạ đâu « hot » đấy ắt chẳng khỏi khiến người nghe nghi ngờ về sở đắc của mình.

Những bản tân nhạc được trình bày càng ngày càng chịu ảnh hưởng của nhạc khiêu vũ. Một phần vì tác giả phải chiều thị hiếu để được nổi tiếng và đỡ túng thiếu, một phần vì tác giả ngại tốn công tìm tòi khai thác nguồn nhạc Việt cổ truyền. Chữ khai thác ở đây xin hiểu theo nghĩa lương thiện là sáng tác trên một vài yếu tố đặc biệt khám phá được trong kho tàng nhạc cổ, chứ không phải như một vài người đã « cầm nhăm » di sản tổ tiên bằng cách đem điệu hát sưu tầm được ra sửa đổi đôi chút về điệu nhạc và lời ca cho hợp tình hợp cảnh rồi ngang nhiên ký tên mình vào.

Sự thiếu hụt về kế toán của các buổi Đại-Nhạc-Hội, những lời than phiền trên báo chí, sự lạnh nhạt lần lần của lớp thính giả trí thức từ mấy năm nay là những hồi chuông báo động đòi hỏi một công cuộc giáo dục âm nhạc đi từ phía nghệ sĩ sang phía thính giả. Những gì nông cạn quá có thể làm hài lòng trong chốc lát nhưng không thể đứng vững được với thời gian. Nhất là khi điện ảnh và đĩa hát càng ngày càng củng cố hiển những tài nghệ điêu luyện từ bốn phương đưa tới.

Đối với Đài, Thông-tin Cổ-động và Tuyên truyền mới là chính yếu, nghệ thuật nói chung và âm nhạc nói riêng chỉ là phụ thuộc. Đài phải luôn luôn thích ứng kịp thời với mọi biến chuyển của thời cuộc trong và ngoài nước. Yếu tố

thời gian-tính đó bắt buộc đài phải nhằm bề rộng hơn là bề sâu. Ta sẽ bắt công nếu đòi hỏi nơi Đài những cái cao xa khó khăn thuộc phạm vi nhạc viện, nhưng thiết tưởng cứ duy trì mãi những khuyết điểm tất sẽ làm sai lạc khiếu thẩm mỹ của quốc dân. Khoảng 1954 — 1956 nhờ sự bảo trợ của Bộ Thông tin lúc ấy, trường Ca vũ nhạc phổ thông đã thành lập và hoạt động nhằm mục đích đào tạo ca nhạc sĩ mới. Giá không vì giảm chi mà bị đóng cửa, chắc đã có thể cung cấp cho Đài những phần tử khả quan hơn.

TRƯỜNG ÂM-NHẠC

Cho công bình, trước khi nói đến Trường Âm-nhạc, tôi xin nói qua vấn đề dạy âm nhạc tại 2 cấp Tiểu và Trung học,

cùng Trường Tư thực âm nhạc và các lớp nhạc.

Ở các lớp Tiểu và Trung học hiện nay, môn âm nhạc vẫn bị liệt vào hàng rất phụ thuộc. Nhiều giáo viên không có chút huấn luyện gì về môn này, nhưng vì hoàn cảnh, phải kiêm nhiệm. Khỏi phải nói tới những thiếu sót về đủ mọi phương diện. Những giáo viên ở Trường Sư phạm ra, tương đối có đủ điều kiện hơn, nhưng chương trình âm nhạc dành cho họ khi còn ở Trường cũng chỉ như chương trình lớp Đệ Tứ, tuy có học nhiều bài cần dùng cho Hoạt động Thanh niên Học đường. Về phương pháp giảng dạy ca nhạc, họ vẫn chưa được chỉ dẫn và thực tập cho đủ. Đàng khác, quan niệm của phần lớn giáo chức vẫn

NHỮNG CÂU HỎI ĐỀ GỢI Ý

1) *Bạn chuyên về nhạc gì? Nhạc Tây phương hay nhạc Việt, nhạc mới hay cũ, cổ truyền hay cải cách? Về ngành nhạc nào, và xin giải thích cho biết qua về ngành đó.*

2) *Bạn bước vào ngành nhạc trong trường hợp nào. Và tập luyện ra sao? Xin cho biết về những hoạt động nghệ thuật của bạn (sáng tác, tấu nhạc, điều khiển ban nhạc, nghiên cứu về nhạc..)*

3) *Theo ý bạn chỉ nên phổ biến nhạc Tây phương cho thật rộng rãi hoặc chỉ phục hưng hay cải cách nhạc Việt?*

4) *Nếu chỉ nên phổ biến nhạc phương Tây, thì có những sự khó khăn gì? Và có những cách gì tiện lợi và hiệu nghiệm nhất.*

— để huấn luyện nhạc sĩ,

— để cho quần chúng hiểu được và ưa được.

5) *Nếu bạn chủ trương phục hưng hoặc cải cách, thì theo đường lối nào, và cần điều kiện gì? Nhạc cổ Việt-Nam hay nhạc mới gọi là « cải cách », hiện nay có những ưu điểm, khuyết điểm gì?*

6) *Ý kiến về tương lai nhạc Việt hoặc tương lai nghệ thuật nhạc tại Việt-Nam.*

coi ca nhạc là một món trang trí hoặc một món tiêu khiển cho học sinh, chưa đặt ca nhạc vào hàng một môn học : những bài hát tiếp tân hoặc liên hoan giữ vai trò ưu tiên trong sổ cương (répertoire). — Ở bậc Trung học, hầu hết giờ học âm nhạc cũng bị dùng vào những mục đích thực tế như vậy. Trừ ngày nghỉ ấn định và những ngày nghỉ bất thường, mỗi lớp chỉ được học vào khoảng 20 giờ trong một niên học. Do đó, phần Nhạc lý và thực hành không sao thanh toán kịp thời và chu đáo được. Chỉ một thiểu số giáo sư có đủ khả năng hướng dẫn học sinh, còn thì cũng là những trường hợp bất đắc dĩ. Điều đáng nói đến nhất là chương trình âm nhạc cấp Trung học hiện nay nặng nề quá đối với tình trạng chậm tiến của nước ta. Ngay ở Thủ đô cũng chưa trường nào có đủ : dương cầm, máy hát, đĩa hát và những tài liệu về bài bản cổ truyền. Chính kẻ viết bài này cũng hằng mong ước nơi nào thực hiện nổi chương trình đó để đến quan sát và học thêm kinh nghiệm. Mãi gần đây mới thấy xuất hiện một cuốn sách cổ truyền, nhưng nếu không học riêng ca nhạc Việt-Nam thì khó mà diễn được cho đúng. Rất dễ hiểu : nhiều âm thanh chỉ có trong hệ thống Việt-Nam mà cách ghi theo Tây phương chỉ là tượng trưng, đằng khác cách diễn tấu rất tế nhị không phải cứ phiên dịch ký hiệu ra âm thanh như ta ám diễn (déchiffrer) các bài Tây phương. Nếu được biết cách giám khảo môn ca nhạc trong các kỳ thi Trung học Đệ-nhất-cấp ta mới thấy môn đó đã bị coi nhẹ là nhường nào. Giám khảo nhiều khi chưa từng dạy âm nhạc (vì họ thường dạy môn khác chứ không phải môn này), có vị chưa từng học âm nhạc và chỉ biết

nghe hát qua loa như bất cứ ai, có nơi thì đợt 1 xong, chủ khảo mới cho thông tư đi hỏi xem ai có thể nhận giám khảo môn đó. Kết quả, nơi thì phê điểm rất thấp dưới trung bình, nơi thì phê điểm quá cao. — Hiện nay, các Trường Tư thực âm nhạc và các lớp Nhạc đang sống rất bấp bênh : chỉ bùng lên được vào vụ hè là lúc học sinh rảnh tay « kinh sử » quay ra học nhạc cho biết hoặc chuẩn bị vào trường âm nhạc. Muốn có học trò thì phải hạ học phí và phải nường nhẹ những kẻ cầu thả hấp tấp chỉ lăm le học vội lấy mấy bài để trình bày lấy lệ. Theo lương tâm mà dạy kỹ lưỡng cẩn thận thì lớp học cứ thưa dần. Đàng khác, một vài chiến ghê chỉ biết dăm ba ngón đàn, nhưng bạo quảng cáo, bạo đại ngôn, trương biển mở lớp : chẳng những gây lầm lẫn tai hại cho người học, lại còn làm cho cuộc sống của những ông thầy chân chính bị khó khăn hơn, và cũng làm giảm uy tín chung của giới dạy nhạc.

Bởi vậy, những người thức thời đã hướng về phía 2 Trường Quốc-Gia Âm-nhạc Sài-gòn và Huế. Cho đến nay, 2 trường này còn đang ở giai đoạn đầu và còn cần phải cải thiện rất nhiều, nhưng cứ thẳng thắn mà nói, vận mệnh các nền Âm nhạc Việt-Nam ta nằm trong tay ban Giám đốc và ban Giảng huấn của 2 Trường đó. Qui tụ hầu hết các phần tử ưu tú đã du học ngoại quốc về hợp tác với một thiểu số đồng nghiệp có thành tích và một giáo sư ngoại quốc, 2 trường đó nhằm đào tạo nhân tài, tức là xây dựng theo chiều sâu. Khả năng tài chánh và chủ trương của trường không cho phép đón rước hết thầy mọi người. Trước khi nhập học phải qua một kỳ thi không dễ dàng gì, sự học tập cũng đòi hỏi nhiều điều



Nhạc-sĩ Hùng-Lân đang giảng cách âm diễn (déchiffrer) một bài xướng nhạc đôi khóa của G. Pierné cho nhạc sinh trường quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ Sài-Gòn

kiện khắt khe : tài năng, cần mẫn, nỗ lực trường kỳ, kỷ luật nghiêm khắc, thực tập nhiều giờ mỗi ngày. Vậy đừng tìm ở đây sự phổ biến theo chiều rộng mà trên kia ta đã biết là thuộc phạm vi Đài Phát thanh. Dù đã có một số sinh viên tốt nghiệp hiện nay đang du học ở Pháp, Ý, Hoa-Kỳ, Đức, Đài-Loan và đã đem lại nhiều vinh dự cho xứ sở, ta cũng nên nghĩ đến việc cải thiện Chương trình, Phương pháp và nhất là Tổ chức cho thật phù hợp với mức tiến ngày nay và đúng tinh thần Quyết nghị của Giáo chức Đại học và Cao-đẳng đã nói ở đầu bài này.

1) Để bảo vệ giá trị bằng cấp, để bảo vệ quyền lợi của những sinh viên đã nỗ lực học hỏi, mức độ kỹ thuật và nghệ thuật của mỗi môn trong cuộc thi Tốt nghiệp cần được đặt tương xứng với nhau. Dầu có vì tinh thần nâng đỡ mà nói tay cho một môn nào đó thì sự khoan hồng cũng không nên quá đáng kéo sẽ làm có cho sinh viên lười biếng và nhất là trở nên tự kiêu tự đại vô cùng nguy hiểm cho chí cầu tiến của họ sau này. Thí sinh nào tỏ ra xứng đáng thì

nên cho đậu, dù số trúng tuyển nhiều hay ít. Từ lâu các Đại học và Cao đẳng đã bãi bỏ vì thấy bất công và vô lý lối hạn chế thành phần trúng tuyển theo tỉ số dự thí viên. Chỉ có những cuộc thi tuyển (concours) mới hạn chế số người đậu.

2) Nhạc sinh đã rất hoang mang và mất thì giờ vì sự thiếu thống nhất trong phương pháp học tập nhạc khí ngành quốc nhạc. Đã 7 niên học qua đi và chúng ta đã nhận thấy rõ ràng cần phải thành lập một ban tu thư hoặc một ban trọng tài để dứt khoát việc đó. Chúng ta không thể phủ nhận những nỗi khó khăn đặc biệt trong việc giảng dạy cổ nhạc : Việc truyền thụ âm nhạc tại Việt-Nam ta từ xưa đến nay chỉ có tính cách tư riêng lẻ tẻ, dành cho lớp quý phái hoặc nhà nghề, chưa hề được tổ chức dưới hình thức một trường học như ngày nay. Bài bản để lại thì chú trọng đến văn chương hơn là âm nhạc. Cách ký âm rất tượng trưng không chính xác về cao độ và trường độ như lối ký âm Âu-Mỹ : âm thanh được ghi bằng chữ, tiết tấu hình dung bằng những kẻ, âm thanh lại, rất hay

nhấn cho khác đi mà rất ít khi ghi ra, hoặc chỉ ghi thật sơ sài. Học thì theo lối truyền tai (par audition) hơn là bằng thị-giác phối hiệp với thính giác như lối Âu-Mỹ. Ai cũng nghĩ rằng ngón đàn của mình là chân truyền trong khi cùng một bản mỗi người đờn một cách và phức tạp hơn nữa, cùng một câu, cũng một người đàn mà không lần nào giống lần nào. Tài liệu thu thanh khoảng 80 năm trước đây hiện nay lại tàng trữ ở Musée de l'Homme, Musée Guimet bên Pháp. Nhiều người khảo cứu về cổ nhạc lại không biết lối ký âm Quốc tế (mà Âu-Mỹ dùng) dĩ chí phải nhờ người khác ghi dùm, hoặc không tường về những ý niệm căn bản của Nhạc pháp: thành thử, nhạc sinh phải học, ngoài lối ký âm Quốc tế bắt buộc, 2 hoặc 3 lối ký âm tùy theo sở giáo sư, nhiều khi mâu thuẫn nhau.

3) Muốn thực-hiện một công-cuộc rộng lớn như việc giáo-dục âm-nhạc này, cần phải có nhiều cán-bộ tức là những giáo-sư. Dù ở phạm-vi chuyên-môn cao-cấp như giáo-sư tương-lai cho trường Âm-Nhạc, dù ở phạm-vi phổ-thông như giáo-sư âm-nhạc bậc Trung-học, dù ở phạm-vi bình-dân như giáo-sư phổ-biến nghệ-thuật này nơi đại-chúng, không lò đào-tạo nào bằng Trường Âm-Nhạc. Hiện nay đã có khoảng 50 sinh-viên tốt-nghiệp, đã có vốn liếng vững chắc về nhạc-thuật, chỉ cần chỉ-dẫn cho họ về sự-phạm thực-hành. Tôi quan-niệm rằng Chương-trình học-tập của họ sẽ không quá thiên về lý thuyết mà phải thiên về thực hành, họ khải tiếp-súc thường xuyên với người học nhạc, ít nhất là những học-sinh Tiểu-học và Trung-học; ai muốn làm giáo-sư dạy đờn thì phải phụ-giáo cho một giáo-sư quan thầy nào đó một

thời-gian (1 hay 2 năm). Khi đậu rồi còn phải tập-sự một thời-gian dưới sự kiểm-soát. Tôi tin rằng họ sẽ không nề hà khó nhọc, sẽ rất hăng hái học nghề nếu tương-lai thực-tế của họ được bảo-đảm. Và ta sẽ không còn thấy những cảnh chạy xuôi chạy ngược để kiếm một chỗ dạy, mà kẻ ít thể lực vẫn thường bị gặt ra một cách buồn tủi.

4) Tôi chưa được du học, nên không tường lắm về cách tổ-chức của các Nhạc-viện ngoại-quốc, không dám «tranh khôn» với những bậc đàn anh hơn tôi rất xa về tài-năng cũng như về kinh-nghiệm, chỉ xin theo kinh-nghiệm bản-thân đề-nghị vài ba nguyên-tắc để góp phần vào Đại-Hội Á.N và K.N sắp tới, thực-thi Quyết-nghị của Giáo-giới Đ.H và C.Đ.

Mỗi tổ-chức đều có một đường lối ghi ra trong Nội-quy. Một khi đã chấp-thuận thì cần phải thi-hành cho thật đúng. Vì trường-hợp bó buộc, Nội-quy có thể thay đổi một vài chi-tiết, nhưng sự thay đổi này, cần thay được báo trước người thừa-hành và đừng đột-ngột quá kéo họ không kịp trở tay, hoặc bị mâu-thuẫn một cách oan-uổng.

Guồng máy của một tổ-chức chạy điều-hòa hay ngưng-trệ là do mỗi phần tử có lo tròn phần việc của mình hay không, có được đặt đúng chỗ hay không, khi thi-hành có được tín-nhiệm, có được giúp đỡ, khi gặp trắc-trở có được thông-cảm hay không. Nói cách khác, nhân-vị của họ có được đếm xỉa đến hay không.

3) VIỆT-NAM NHẠC-HỘI

Đài Phát-thanh thì lo đáp-ứng những nhu-cầu cấp-kỳ, sử-dụng một kỹ-thuật tương-đối giản-dị để vừa tầm hiểu biết

của đại-chúng. Trường Âm-nhạc nhằm giải-quyết những nhu-cầu trường-kỳ, có tính-cách chuyên-môn. Hai lãnh-vực khác hẳn nhau.

Đàng khác, thời nào cũng vậy, ở đâu cũng thế, bao giờ cũng có hai giòng nghệ-thuật đi song song với nhau: một giòng nghệ-thuật quý-phái trường-giả quy-điều, một giòng nghệ-thuật bình dân giản-dị hồn-nhiên. Khi xưa hai giòng nghệ-thuật ấy sống biệt lập xa cách nhau, nhiều khi xung-khắc nhau; nhưng ngày nay, nhờ những phương-tiện phổ-biến nhiều, mau và mạnh, nhờ nền giáo-dục phổ thông và chuyên-môn được mở mang rộng rãi, sự cách-biệt dần dần thu ngắn lại và đi đến sự hòa-hợp càng ngày càng sâu xa mật-thiết.

Từ lâu, Đài Phát-thanh vẫn có mục dẫn-giải Âm-nhạc Tây-phương, và nhiều buổi hòa-nhạc Tây-phương cũng đã được tổ-chức. Nhưng tại sao đại-chúng vẫn không hưởng-ứng nhiệt-liệt và lâu dài? Tại sao những buổi trình-diễn do các danh-cầm quốc tế vẫn bị thính-giả Việt-Nam thờ ơ đến nỗi gần đến phút chót vẫn phải tung vé mời ra để giữ thể-diện quốc-gia? Tại sao hai giới cổ-diễn Việt-Nam và Tây-phương vẫn xa rời đại-chúng? Phải chăng chúng ta đã đặt cây trước trâu, đã « sản-xuất » trước khi « tìm thị-trường tiêu-thụ »? Đại-chúng chỉ ưa thích cái gì mà họ hiểu được, cảm thấy và vô cùng ác-cảm với những ai lên mặt cao-siêu đối với họ.

Giữa Đài Phát-thanh và Trường âm-nhạc, cần phải có một tổ-chức trung-gian một mặt nỗ-lực nâng cao mức hiểu biết của đại-chúng nhưng không ngả quá về chuyên-môn, một mặt giúp đỡ cho các tài-

năng phát-triển và hướng-dẫn những người đủ điều-kiện vào ngưỡng cửa Trường Âm-nhạc, Công thức hoạt-động đó chẳng phải là mới mẻ xa lạ gì. Ngay từ 1940, đã có nhiều tổ-chức lo thực-hiện (tỉ-dụ Hội Khuyến-nhạc Hà-nội, Hội Khuyến-nhạc Nam-phần v..v..) và đã có những Mạnh-thường-quân dốc hết tài-năng sức-lực cùng tài-sản mình vào việc xây nền móng cho nền Âm-nhạc Việt-Nam, nhờ đó mà mới có ngày nay. Bây giờ hoàn-cảnh đã thay đổi nhiều, nhân-tài có thực-học cũng đã đông hơn nhiều, nhưng công-thức hoạt-động đó vẫn thấy còn giá-trị. Hơn 20 năm trời kinh-nghiệm đã cho ta thấy: cần phải có óc thực-tế cần phải thích-ứng với hoàn-cảnh chậm tiến của nước nhà, đừng huyễn-diệu mơ tưởng mình đã đạt tới mức-độ của những nước tiên-tiến. Dầu có ứng-dụng những kế-hoạch hoặc những phương-sách đã từng thành-công vẻ vang tại chỗ khác thì cũng phải biến-ứng cho phù-hợp với trình-độ, tâm-lý, tinh thần ở đây. Thử làm một cuộc thống-kê sơ sài: trong 14 triệu dân có bao nhiêu người thích âm-nhạc, trong những số người này bao nhiêu chịu cắt công đi học âm-nhạc, trong số người đi học bao nhiêu người học tập đứng-dấn, bao nhiêu người được mở-mang khiêu thẩm-mỹ? Theo nhận xét riêng của tôi, thì trong 100 người chỉ có độ 70 thích âm-nhạc, trong 70 đó chỉ độ 20 cắt công đi học, nhưng học cho qui-củ thì chỉ độ 5 người, trong 5 người này thì chỉ 1 hoặc 2 người có tài-chính, có thì-giờ, ý-chí học cẩn-thận và biết thẩm-âm. Đây là ở phạm-vi phổ-thông, chứ nếu ở phạm-vi chuyên-môn thì lại càng hiếm hơn. Tổng số nhạc-sinh 2 ngành nhạc Cổ-truyền và Tây-phương tại

2 Trường Sài-gòn và Huế được vào khoảng 700, đủ khả năng đi tới cùng thì chỉ có 100 (sau 7 năm hoạt-động số tốt-nghiệp mới vào khoảng 50 người), trong 100 nhạc-sinh thì chỉ 20 có phươ-ng-tiện học-tập (đờn riêng, thì-giờ tập rượt, tài-chính để tiếp-tục), nhất là đừng quên một yếu tố rất quan trọng là nhạc-sinh hiện nay chỉ có chừng dăm ba người dùng hoàn-toàn ngày giờ của mình vào việc học nhạc, còn thì ai cũng phải học chữ, đi làm thêm. Ngay trong số 5.000 ca sĩ, nhạc-thủ, nhạc-sư hiện nay, chỉ có những công-chức là tương đối đỡ lo-âu về sinh-kế, hoặc một vài người thật xuất-sắc có thể sống bằng nghề nhạc, còn thì chỉ coi âm-nhạc như nghề tay trái bạc bẽo bấp bênh chỉ vì mỗi duyên văn-ngệ ràng buộc nên không đành dứt đoạn mà thôi. Hiện nay mỗi ca-nhạc-sĩ hợp-tác với đài phát-thanh chỉ lãnh mỗi tuần từ 2 đến 5 cát-xê mỗi cát-xê 200\$; nếu không có những khoản ngoại-phụ khác thì cuộc sống sẽ ra sao?... Còn nhiều chi-tiết thực-tế khác mà chỉ có ai đã từng lăn lộn với nghề mới hiểu nổi.

Việc trung-gian vừa nêu lên, tôi thấy không ai có đủ tư-cách thực-hiện hơn là Việt-Nam Nhạc-hội. Vị đương kim chủ-tịch đã từng du học nhiều năm tất đã tai nghe mắt thấy nhiều phươ-ng-sách hiệu-nghiệm, tôi chỉ xin nói theo từng trải tại nước nhà. Theo ý tôi, Hội nên tùy-nghị thực hiện như sau :

1) Mở một Trường tư thực Âm nhạc tổ chức đứng đắn tuy chỉ nhằm phổ biến hơn là chuyên môn; nhạc sinh nào xuất sắc sẽ được săn sóc cách riêng để thi vào Trường Âm nhạc. Thu học phí nhẹ và sẵn sàng miễn phí cho nhạc sinh nghèo,

nhưng không nên miễn phí hoàn toàn cho mọi người, họ sẽ coi thường sự cần mẫn và nhà trường sẽ bị bó buộc nhiều bề vì thiếu quỹ.

Số lớp không nên nhiều lắm, và bao giờ cũng dành ưu tiên cho Nhạc pháp (một người không có khiếu học đờn, nhưng nếu được học về Nhạc pháp sẽ biết thưởng thức và đào thải những gì bất xứng không như đại đa số thính giả lúc này). Cũng nên đặt trọng tâm vào những nhạc khí phổ thông dễ sắm, dễ học, tiện mang theo : mandoline, guitare, sáo, harmonica. Dương cầm, vĩ cầm và những nhạc khí đòi hỏi kỹ thuật cao không phải là không dạy, nhưng nếu lấy chúng làm trọng tâm thì sẽ đi vào vết xe đổ của nhiều tổ chức trước đây. Hãy làm sao gây được không khí hào hứng trong đại chúng đã, sau đó mới có thể dần dần hướng họ về những cái khó hơn cao hơn.

Chương trình rất cần thêm mục thẩm mỹ âm nhạc để nhạc sinh biết phán đoán hay dở, rèn luyện khiếu thẩm âm và tự động học hỏi lẫn, đòi hỏi sự toàn thiện nơi kẻ trình diễn cho họ nghe. Như thế trình độ chung mới tiến lên và khỏi lạc hướng.

2) Thường xuyên tổ chức những cuộc nói chuyện về âm nhạc, giải thích tác phẩm cho nhạc sinh. Người ngoài có thể tới nghe. Sự giải thích cần cặn kẽ vui vẻ trẻ trung, khéo léo đừng khô khan mô phạm quá, cũng đừng để thính giả lạc lõng trong thế giới âm thanh. Chương trình nên hết sức thực tế và hợp tâm lý : giai đoạn đầu bao giờ cũng dành cho những nhạc phẩm dễ hiểu, giản dị, có tính chất diễn tả cuộc sống cụ thể bên ngoài (ví dụ bản Sur un

marché Persan của Ketelbey v.v...) rồi tới những bản tâm tình, sau cùng mới nên đề cập những bản nhạc thuần túy. Cũng nên dùng nhiều bài ca trong giai đoạn đầu vì nhờ lời văn họ sẽ hiểu ý nhạc hơn. Nên nên bỏ hẳn lối trình bày không giải thích những bài nhạc thuần túy (concerto, symphonie chẳng hạn). Nếu được ban Đại-hòa tấu trình bày, cho nghe thì là phần nhất, bằng không thì có thể dùng đĩa hát, hoặc chính diễn-giả trình-bày, hoặc nhờ nhạc sĩ khác.

3) Liên lạc với Đài-phát-thanh để đài nâng đỡ bằng cách tuyển chọn những ca sĩ do Trường đào tạo, hoặc dành những buổi phát-thanh dành riêng cho Trường. Cố-nhiên đôi bên sẽ thoả-thuận với nhau trước về Chương-trình và mục-phiêu của lớp dạy ca để Đài có lớp ca-sĩ mới luôn, trình-độ những buổi tuyển-lựa tài tử được cao lên và Trường cũng có chỗ phổ-biến thành-quả công-việc của mình, khuyến-khích nhạc-sinh. Cũng cần liên-lạc với Trường Âm-nhạc để biết đường lối mà hướng-dẫn những nhạc-sinh có chí-hướng đi vào ngành chuyên-môn. Về giáo-sư, thì Hội sẽ mời một số ở Trường Âm-nhạc,

một số ở Đài, một số trong giới dạy nhạc tự-do hoặc chính những nhạc-sĩ vẫn thường hợp-tác với Hội. Không nên cầu-nệ, cần nhất tìm được người có khả-năng giảng dạy, và cách dạy phù-hợp với chủ-trương của Trường do Hội tổ-chức. Phải có thù-lao giảng dạy, nhưng cũng kêu gọi lòng nhiệt-thành của giáo-sư mà ấn-định một mức phải chăng.

4) Nếu ra được một tạp-chí về âm-nhạc thì hay hơn nữa, nhưng điều nên tránh hơn cả là tính hiếu-đại, thà thu nhỏ phạm-vi hoạt-động mà làm nên việc còn hơn là khuếch-trương cho nhiều. Rồi lem nhem thiếu sót.

Theo chỗ tôi được biết thì kể từ niên-học tới 1963-1964, trường Âm-nhạc Sài-gòn sẽ lần lần rút bớt mỗi năm một lớp của Ban Dự-bị (tức là những lớp Khai-tâm, rồi đến Đệ-nhất, Đệ-Nhị và Đệ-Tam cho tới khi chỉ còn những lớp thuộc Ban Chính-thức mà thôi). Nếu Hội tổ-chức Trường Tư-thục âm-nhạc tức là đáp-ứng đúng lúc nhu-cầu đào-tạo nhạc-sinh thay thế cho Trường Âm-nhạc Sài-gòn, thật là nhất-cử lưỡng-tiện.

HÙNG LÂN

ĐÃ PHÁT HÀNH

Mặt trời chiều

Truyện dài đầu tay của THẠCH-HÃ

CÓ BÁN :

- Tại các hiệu sách Đô-Thành, Huế, Phan-Rang.
- Nhà sách Lam-Sơn, Đà-Nẵng.
- Tòa soạn Mai, Saigon.

Phác họa

PHAN-DUY-NHÂN

Thêm những con đường chạy quanh thành phố
Nồi chắt anh em bằng hữu đồng bào
Xây những ngôi nhà kết hoa đầy ngõ
Mai mọc mặt trời mở cửa nhìn nhau
Phải dựng thêm nhiều trường tươi ngói đỏ
Ôi biết bao nhiêu nụ mới ra đời
Những chuyến xe hàng mang chia đầy chợ
Lụa mát tay người, bát gạo Đồng nai...
Ta rủ nhau trồng thêm cây ngoài lộ
Trưa ngủ trên lầu chim hót vào hiên
Trông xuống vệ đường xanh im mùa hạ
Những bước chân qua trong mộng êm đêm
Phải thắp chiếu lên bằng rừng điện sáng
— Trừ những đêm rằm đèn tắt vì trăng —
Còn phải khơi sâu những dòng nước cạn
Mai một vui nhìn tàu chạy song song
Những cánh tay sẵn, những guồng máy mạnh
Những trái tim dâng anh chị thuận hòa
Trên mỗi tâm hồn san bằng giới hạn
Phân phát nụ cười, đổi mới lời ca!
Thêm những tâm lòng rộng bằng đô thị
Thêm trẻ sơ sinh hơn hờ chào đời
Thêm những sân ga chật người đứng đợi
Sợ lỡ con tàu chạy tới tương lai...

..

Cơm bữa chiều, ta sỏi chưa đầy bát
Mẹ già ta mùa rét áo se vai...
Ta ngừng đầu, chưa bao giờ mỏi mệt
Hai mươi năm hy vọng lớn theo đời!

P. D. N.

(Ngâm ngải tìm trầm)

có người tuổi trẻ hôm nay

TUỆ-MAI

Em!

Ta biết em sầu
Đêm nay, đêm trước... e rằng còn
đền những đêm sau
Chỗ em đứng: ngã năm hay ngã bảy
Đường em đi: tới đây hay về đâu
Em!

Ta biết em sầu
Người em nhỏ...
Đã lớn lên trong thời khói lửa
Đã kinh hoàng thấy bao đổ vỡ
Bạn bè em...
Kẻ sống hoài nghi, buồn ủy mị
Kẻ tìm những thú cuồng điên
Chung quanh em,
Người ta lạc lõng đi tìm...
Chung quanh em
Người ta bừa bãi mất niềm tin

Mắt ưu-tư em nhỏ
Nhìn thấp, ngó cao
Trông bốn phương... Trời hỡi!
phương nào?
Cho em gửi niềm tin mãnh liệt
Cho em trao tình yêu thắm thiết
Của tuổi vào đời
Nhựa sống mọng làn môi
Ngời ánh mắt
Của tuổi đầy cảm tình chân thật
Sẵn sàng nhận nhiều, cho tất...

T. M.

(1) Bài thơ này có trích một đoạn đầu trong cuộc nói chuyện của bà Quỳ-Hương — (đăng trong Sinh-Hoạt BK 154). Đoạn trích ấy in sai thiếu đôi nơi, chúng tôi xin cáo lỗi cùng tác giả và bạn đọc.

B. K.

Thu buồn

Chiều nay buồn thật buồn
Lệ mờ như hơi sương
Gió gợi sầu dĩ vãng
Tâm tư lộng đau thương

* *

Mây thu tím sắc trời,
Lá thu vàng rơi rơi
Tiết thu buồn man mác
Sầu thu gieo muôn nơi

* *

Tôi sợ trời thu buồn
Tôi không ưa sầu thương
Tôi ghét nhìn lá rụng
Muốn lòng thôi vẩn vương

NGUYỄN-THỊ-VINH

SINH - HOẠT

Giải thưởng văn học của mười ba nhà xuất bản thuộc mười ba quốc gia trên thế giới, năm nay, tuy hội đồng không họp ở Formentor nữa, nhưng vẫn còn mệnh danh là giải Formentor. Tuy gọi chung là thế, kỳ thực nó gồm hai giải thưởng khác nhau. Giải thứ nhất là « Giải thưởng quốc tế về văn chương » nhắm vào các tác giả đã có thành tích, năm 1960 trao cho Samuel Beckett, năm 1961 trao cho Uwe Jonhson, và năm nay thì được quyết định trao cho Carlo Emilio Gadda, một nhà văn nước Ý. Giải thứ nhì là « Giải Formentor » chính công, nhắm vào các tác phẩm còn nằm trong bản thảo, chưa được xuất bản (và nếu được thưởng thì sẽ được 13 nhà xuất bản nọ cho phiên dịch và đồng loạt ấn hành ở 13 nước khác nhau), năm 1960 giải ấy thưởng cho cuốn *Orage d'été* của Garcia Hortelano, năm vừa qua thưởng cho cuốn *L'âge du malaise* của cô Daria Maraini, năm nay thì thưởng cho cuốn *Le Grand Voyage* của Jorge Sempbrun.

Giải Formentor năm nay

Xung quanh giải thưởng văn chương quốc tế ấy, có mấy câu chuyện đáng chú ý :

— Trước nhất đáng lẽ là giải Formentor thì hội đồng phải họp ở Formentor mới hợp lý. Nhưng năm nay nhà xuất bản nước Ý là Einaudi lại bị nhà cầm quyền Tây-ban-nha cầm vào nước, nên ban tổ chức phải chọn Corfou, một thành phố Hy-lạp làm nơi hội họp. Hy-lạp vốn có sự hục hặc với xứ cộng-sản láng giềng là Albanie, cho nên trong khi làm việc tại đây, hội đồng không khỏi bị năm ba ý tưởng chính trị lớn vốn ám ảnh.

Quả nhiên yếu tố chính trị đã ảnh hưởng đến quyết định của giải thưởng một cách ngộ nghĩnh. Sở là trong khi hội đồng còn đang tranh luận phân vân về sự chọn lựa giải thưởng Formentor — phân vân giữa cuốn *Le*

procès verbal của Le Clésio, cuốn *Les Imposteurs* của Vargas Llosa và cuốn *Le grand voyage* của J. Sempbrun — thì bỗng nhiên nhận được một bức điện tín của Salvador de Madariaga tố cáo Jorge Sempbrun là gián điệp Staline. Hội đồng bức mình, muốn tỏ ra không chịu ảnh hưởng chính trị, bèn quyết định chọn Jorge Sempbrun. Sau này, hỏi ra mới hay Salvador de Madariaga cũng tuyên bố không hay biết gì về bức điện tín ấy ! Vậy ai là kẻ ủng hộ Sempbrun khéo đến thế ?

— Về « giải thưởng quốc tế văn chương » thì tiêu chuẩn của hội đồng năm nay không phải là suy tôn một uy danh đã vững vàng trong văn giới như giải Nobel, cũng không phải là khám phá một thiên tài mới mẻ như đối với Uwe Jonhson năm vừa qua, tiêu chuẩn năm nay là một thành tích văn học khá lớn lao nhưng vẫn tỏ ra còn đang độ phát triển, còn có tính cách tiên phong. Khó thay ! Jonhson năm ngoái, 28 tuổi, thành tích thật mỏng manh ; Gadda năm nay, 70 tuổi, liệu còn có gì là mới mẻ nữa chăng ? Có nhiều lời ủng hộ Gadda rất xuất sắc, trong đó hùng hồn hơn hết có lẽ là của A. Moravia, và độc đáo hơn cả có lẽ là của Elio Vittorini. Ông này bảo rằng theo ông thì văn chương có hai thứ : một thứ văn chương *phát huyết quản* và một thứ văn chương *hối huyết quản*. Thứ phát quan trọng hơn thứ *hối*, hữu ích hơn thứ *hối*. Thứ văn chương phát huyết có thể ví như những công cụ sản xuất, còn thứ văn chương kia bắt quá chỉ như là những

Sách Báo Mới

Bách-Khoa đã nhận được :

— **Minh-Tâm Bảo-giám diễn ca**, dịch giả Nguyễn-Trác và Lê-Phục-Thiện, do dịch giả gửi tặng. Sách in lần thứ ba, trong Tủ sách Giáo-Khoa của Hội không học Việt-Nam, dịch giả Lê Phục-Thiện đã sửa chữa và chú thích trước khi tái bản. Sách dày 235 trang, giá 59 đ.

— **Nỗi buồn nhược tiểu** tập thơ của Sương-Biên-Thùy do tác giả gửi tặng. Sách dày trên 50 trang, gồm 22 bài thơ, bản đặc biệt không đề giá.

— **Bước thời gian** tập thơ của Trúc-Anh-Tâm do tác giả gửi tặng. Sách dày trên 80 trang, gồm 25 bài thơ, bản đặc biệt không đề giá.

— **Việt-luận** (đệ thất và đệ lục), Trung-học đệ-nhất cấp, của Từ-Phát, Thanh-Quang xuất bản, do tác-giả gửi tặng. Sách dày 240 trang, in lần thứ ba, gồm các phần: Miêu tả, Thuật sự, Thư tín và tiểu sử các tác giả. Giá 40 đ.

— **Trường ca** tập thơ của Lý-Minh, Giao-Điền xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 60 trang gồm ngót 20 bài thơ, bản đặc biệt không đề giá.

hàng hóa để tiêu thụ. Dĩ nhiên đòi với ông, văn chương phát huyết quản, công cụ sản xuất ấy mới thực sự lớn lao cao quý, và ông cho rằng chỉ có hai tác giả tiêu biểu cho loại văn chương ấy, là Gadda và Robbe-Grillet.

Tuy nhiên Vittorini nói xong, Jean Paulhan đã chứng minh rằng quan niệm ấy đúng một cách rất ư... tương đối ! Và rồi cuộc M. Butor thì cho rằng Gadda được chọn không phải vì thuộc phái văn chương phát huyết quản, mà là vì sự tranh đấu rất khéo, có tinh thần toàn đội, của phái đoàn nước Ý. Trái lại, phái đoàn Pháp thì bất nhất, kể ủng hộ tác giả này, người ủng hộ tác giả kia, nên bị thất bại vì phân vân giữa sự phong phú của mình !

— Bây giờ, thử xem sự phong phú của văn chương nước Pháp năm nay ám chỉ những tên tuổi nào. Trước hết người ta thường nhắc đến Claude Simon, rồi đến Marguerite Duras, André Pieyre de Mandiargues, Marcel Jouhandeau, Robert Pinget.

Nhân tiện, cũng nên biết những tác giả đang được chú ý nhất ở các nước khác. Ở Anh thì là Vladimir Nabokov và Alejo Carpentier. Ở Nhật là Yukio Mishima. Ở Hung - gia - lợi là Tibor Déry. Ở Ba-lan, là Witold Gombrowicz. Ở Phần-lan, thì là Veijo Meri. Ở Nga-sô thì năm nay tác giả nổi tiếng chính là Alexandre Soljenitsyne, người đã làm cho nhà cầm quyền nước này bất bình vì cuốn *Nhà của Matriona* ; sau Soljenitsyne là Iouri Kasakov.

— Bên lề cuộc họp của hội đồng giải Formentor năm nay, có những lời bàn tán thú vị về thái độ nhà văn trẻ tuổi Uwe Johnson. Tuyên bố rằng mối quan tâm chính yếu của mình là làm sao tỏ ra thật... hấp dẫn tại hội nghị, Johnson đã nhấn nhó, cầu nhàu từ đầu chí cuối trong những ngày ở Corfou. Đòi với các phóng viên báo chí muốn hỏi han, ông ta chỉ nói độc có một vấn đề về sự chọn lựa của mình giữa tư bản và cộng sản, rồi ông bảo : « Tôi không muốn vô lễ, nhưng xin các ông để cho tôi được yên với cuộc đời và các tác phẩm của tôi ».

Thế nhưng sau một thời gian ở Corfou, lúc sắp bề mặc, hội nghị mới được Johnson cho biết rằng người ta vẫn không chịu để yên cho ông ta : vì đã bắt buộc ông sống trong khung cảnh quá vui vẻ đầy đủ, không khí ấy không thích hợp với văn chương, và ông ta muốn rút lui ! Sự thực thì trong những ngày làm việc ở Hy-lạp, hội đồng được ban tổ chức mời ở tòa lâu đài cũ của Nữ-Hoàng Elisabeth d'Autriche, mời dự nhiều buổi yến tiệc và dạ vũ v. v... Khi Johnson phát biểu ý kiến bằng tiếng Anh, ai nấy vỗ tay rần rần ; đến lúc ý kiến được dịch ra từng tiếng cho các phái đoàn cùng hiểu thì ai nấy đều buồn xo, bởi vì ngoài Johnson ra, tưởng như các văn gia khác đều cho rằng có thể nhẫn nại chịu được sự sang trọng và yến tiệc !

TRẦN THIÊN



John Steinbeck Giải thưởng văn chương Nobel 1962⁽¹⁾

Năm rồi, tại đây, và cũng trong một buổi nói chuyện do hội Bút Việt tổ chức, Đông - Hồ tuyên bố không dám nhận là thi-sĩ, mà chỉ cho mình là một kẻ « làm thơ ».

Năm nay, Trần-Phong - Giao (tức Trần - Phong) cũng không dám nhận mình là văn-sĩ, như lời ông chủ tịch Bút-Việt đã « vì qua yêu mà gọi », trong lời giới thiệu vì tự xét, thầy hiện nay mình chỉ là « người biết dùng ngòi bút để kiếm ăn ». Ông lại thừa trước với thính giả rằng đây chỉ là một câu chuyện kể về một danh nhân, chứ không phải là một cuộc « diễn thuyết » như nhiều báo đã loan tin (bởi lẽ ông chẳng có cái *thuyết* nào để mà *diễn* cả !)

* *

Vô để, diễn giả nhắc lại tin Steinbeck được trao tặng giải thưởng văn chương Nobel vào cuối tháng 10 năm rồi và mối xúc động của văn học giới quốc tế, nhất là của toàn thể trung tâm Văn-Bút thế giới (Steinbeck vốn là một hội viên của Trung tâm Văn-



Trần-Phong-Giao trong buổi nói chuyện

Bút Hoa-kì). Vì sau kiệt tác « Phía Đông vườn Địa đàng (East of Eden), văn hào này như không có sáng tác gì đáng kể, và thời gian im lặng này lại kéo dài đến mười năm !

Thân thể Steinbeck được diễn giả nói đến.

Khởi đầu là dòng dõi về quê hương.

Ông nhấn mạnh về quê hương Steinbeck « một vùng nông nghiệp có nhiều trại chăn nuôi, có đồn điền bông vải chập chùng, có vườn trái táo nối tiếp nhau chạy dài từ đồi này sang đồi khác... ; xa xa, ngăn cách với các vùng lân cận là những dãy đồi núi khô khan cháy nắng, hoặc những cánh đồng lầy mênh mông sương phủ », vì Steinbeck đã dùng quê hương mình làm bối cảnh cho rất nhiều tác phẩm.

Thuở nhỏ, Steinbeck không thích thú mái ấm gia đình bằng không khí phóng khoáng ngoài trời. Lúc học ở trường Đại học, ông chỉ học các môn

(1) Do hội Bút-Việt tổ chức, ngày chủ nhật 26-5-63 tại trường Quốc - gia Âm-nhạc và Kịch-nghệ.

ông thích và mỗi lần Xuân sang, lại nghỉ học vài tháng để sống giữa thiên nhiên mơn mớn. Ra đời, ông đã làm nhiều nghề vất vả, như làm thợ ở các nông trại, làm công ở một xưởng làm đường, làm thợ mộc, thợ nề, và làm nghề gác cửa ban đêm.

Năm 1925, rời trường Đại-học, ông đi Nữu - Ước để mong tạo một sự nghiệp văn chương, nhưng ông thất bại, trở về quê hương.

Mấy tác phẩm đầu của ông không được hoan nghinh (*Chén vàng*, *Nội cỏ Thiên đường*, *Gởi một vì Thượng đế không quen biết* (2))

Đền « *Tortilla flat* », ông mới thành công, và truyện được quay thành phim « *Của Chuột và Người* » (Of Mice and Men) được phóng tác thành kịch đưa lên sân khấu. Nhưng tác phẩm lớn của Steinbeck là *Chùm Nho uất hận* (The grapes of wrath), ra đời năm 1939, đoạt giải thưởng văn chương Pulitzer.

Rồi diễn giả nói về những tác phẩm có thể chọn làm tiêu biểu cho văn nghiệp của Steinbeck. Đó là :

Tortilla flat xuất bản năm 1933 ; *Bắt phân thắng bại* (In doubtions battle) xuất bản năm 1936 ; *của Chuột và Người* (Of Mice and Men) xuất bản năm 1937 ; *Chùm Nho uất hận* (The grapes of wrath) xuất bản năm 1939 ; *Phía Đông vườn Địa đàng* (East of Eden) xuất bản năm 1952.

(2) The cup of gold. The patures of heaven, To a god Unknown.

Sách Báo Mới

Bách-Khoa đã nhận được :

— **Rừng bản trắng sao**
tập thơ của Thanh-Việt-Thanh do Mai-Diên xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách in khổ lớn dày 62 trang gồm 35 bài thơ, bản đặc biệt không đề giá.

— **Trường-Ca Hương-Lý**
tập thơ của Nguyễn-Minh-Lương, do tác giả xuất bản và gửi tặng : Sách dày trên 60 trang, gồm 1 bài trường ca trên 50 trang và 12 bài thơ nhỏ, in trên giấy hoa đặc biệt.

— **Tiền giang** : số 1 tháng 4 quý Mão, nội san hàng tháng của Sư đoàn 7 Bộ Binh kiêm khu 41 Chiến Thuật. Tòa soạn : KBC 4.182. — Nội san in khổ nhỏ, dày 40 trang.

— **Tin vui** Số 1 (6-63) nguyệt san Dòng Phanxicô Việt-Nam, kể tục nguyệt san Duyên nghèo, Chủ nhiệm : L. M. Hoàng-Trọng-Tiến và Tòa soạn đặt tại 3 Phạm-Đặng-Hưng Saigon. Mỗi số dày 64 trang khổ nhỏ, giá 5 đ.

— **Mặt trời chiều** : tiểu thuyết xã hội Tình cảm của Thạch-Hà, Hoàng-Vũ xuất bản, do tác giả gửi tặng. Sách dày 184 trang, giá 42 đ.

Tiếp theo, diễn giả nói về con người và lối sống của Steinbeck.

Bản tính ông rất khiêm tốn, hóa ra rút rè; ông không thích nói trước đám đông, mà không thích cả nói riêng trong máy điện thoại. Ông yêu cảnh đẹp thiên nhiên, mến những người tầm thường nghèo khổ, thương súc vật.

Tuy là nhà văn có khuynh hướng xã hội, nhưng ông không đấu thề (engagé), không tham gia trực tiếp vào phía này hay phía nọ, nhưng « trong cái vụ kì thị chủng tộc, trong cái vết nhơ đang in hằn trên lương tâm của dân tộc Hoa-kì này, ông lại nghiêng về phía những người da màu bị bạc đãi, bị khinh thị ».

Ông tỏ ra có một tâm hồn độ lượng, nhưng tiếc thay, điểm đáng quý ấy lại bị những tay Cộng-sản hay thân Cộng lợi dụng.

Ta hãy nghe diễn giả nói :

« Đừng nói chỉ tới các nước ở sau bức màn sắt thường lợi dụng những cảnh đời đen tối mà tả trong tác phẩm của Steinbeck làm lợi khí để công kích xã hội tư sản, mà ngay cả ở những nước không Cộng sản, chẳng hạn như nước Í - Đại - Lợi, nhiều cơ quan ngôn luận cũng thường khai thác Steinbeck như một chiến sĩ vô sản. Còn nhớ cách đây không lâu, tại Roma, Steinbeck, đã bị lôi cuốn vào một cuộc bút chiến với một tờ báo Ý thân Cộng. Tờ báo đó lợi dụng sự có mặt của Steinbeck để công kích tất cả những gì nước Mĩ có, và

SÁCH BÁO MỚI

Bách-Khoa đã nhận được :

— **Đơn ca** tập thơ của Chinh-Yên do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 76 trang, gồm 35 bài thơ, bản đặc biệt không đề giá.

— **Bài dịch và ngữ vựng** phần 1, sách giáo khoa của Lê-Bá-Kông do Ziên-Hồng xuất bản. Sách dày trên 80 trang gồm những bài dịch và ngữ vựng có thêm phần khảo sát đề dùng kèm với cuốn Practice Your English (Part I), giá 30 đ.

Trân trọng cảm tạ các tác giả, các nhà xuất bản trên đây và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc Bách-Khoa

khi Steinbeck công phần viết một bức thư trả lời, thì tờ báo đó lại cắt xén bức thư của ông trước khi đăng lên mặt báo.

« Bây giờ thì Steinbeck tỏ ra khôn ngoan hơn nhiều khi ông chấp nhận một thái độ chông đời — cương quyết chông đời với bất cứ những ai xâm phạm và quyền tự do tuyệt đối của con người.

« Giá trị nhân bản của Steinbeck được làm sáng tỏ ở việc không kì thị màu da, lại càng được rạng rỡ thêm lên nhờ ở thái độ chông đời chân chính vừa kể ».

Con người rất kiên nhẫn ấy lại thiếu tự tin, và không chủ trương một đường lối đặc biệt nào về nghệ thuật viết văn.

Ông thích sống cô đơn, sợ chồn phồn hoa đô hội và độ sống văn minh cơ khí.

Sau thân thể, tác phẩm và con người của Steinbeck, diễn giả đề cập đến những giải thưởng chánh của văn hào này, trình bày những quan điểm của những nhà phê bình Văn học Âu-Mĩ về điểm : giải thưởng Nobel trao tặng cho Steinbeck có xứng đáng không ? quá muộn hay là quá sớm ?

Ở phần kết luận, diễn giả nói qua về mấy khuôn mặt của Steinbeck : nhà thơ, nhà sinh vật học, nhà văn xã hội, nhà văn nhân bản Ki-tô-giáo.

Và ông tìm hiểu tại sao một người không ưa những cuộc hội họp văn chương, lại là hội viên của hội Văn-Bút-Hoa-Kì.

Ông thầy lời giải đáp thích đáng trong một bài của Edward Devol :

« Trong sự nghiệp của Steinbeck, đức tính thường được ca tụng nhất là sự tôn trọng tự do cá nhân, tôn trọng con người. Dưới cặp mắt của ông, đời rất khó sống, đầy hung bạo và bất công, nhưng rất đáng sống và đáng đề ngời bút của nhà văn để cập tới, trong cái hay cũng như trong điều dở ».

Và diễn giả kết thúc buổi nói chuyện bằng cách mượn tiếng nói bất khuất của con người yêu chuộng tự do đã tự hỏi và đã trả lời như sau :

« Tôi đặt tin tưởng trên cái gì ? Tranh đấu cho cái gì ? Chồng lại cái gì ?

« Tôi tin rằng óc tò mò và thám hiểm của con người là vật quý giá nhất trong vũ trụ. Chúng ta tranh đấu cho bộ óc con người được tự do hoạt động, tự do chọn hướng đi. Chúng ta hãy chồng lại bất cứ chề độ, cá nhân hoặc tổ chức nào toan kiểm chế cái tự do đó, vì kiểm chế nó tức là tiêu diệt con người ».

NGUYỄN-NGU-Í thuật

HỘP THƯ BÁCH-KHOA

Bách-Khoa vừa nhận được :

Bài nghèo tháng bảy... (Hồ Xuân Phong) — Hoa lòng (Mai Động) — Ngày cuối cùng (Hoàng Quốc Huy) — Rứa đó — Lật lại (Mi...) — Lòng người anh (H. T. Bích Ni) — Còn ở đó Huy (Huy Giang) Hoa kỷ niệm (Thùy Lam) — Sớm thu (K. K. K. K) — Tuyệt vọng (Châu Hoàn) — Trọn vẹn ; Người con gái hai lần gặp (Hoàng Yên Nhân) — Dối bóng giai nhân (Văn Giang) — Huế của tôi (Đặng Thiêm) — Tàu về bến lạ ; Mùa Phượng này (Tư Vân) — Dạ sầu Dạ Hoài (Như Việt Hoài Luận) — Đuốc lửa (Thanh Văn) — Ve Phượng... (Lữ Hoài) — Phiến ca I...X... (Dương Minh Loan) — Hương Cao Nguyên (Nguyễn Trang) Khuôn mặt cũ Hoàng Minh Phượng) — Hoa rơi trong mắt... (Minh Anh).

Xin trân trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng, **TRƯ THƠ** và trường hợp đặc biệt có thư riêng, thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TỪ NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

BAO-HIỂM

27 - 29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện-thoại 23 739

ACCIDENTS — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tai-Nạn

Hỏa-Hoạn

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi nhánh: PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO

VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

QUÝ VỊ HÃY ĐẾN ĐĂNG LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐĂNG CHỮ LAM TẠI THUY-SÍ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY



LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY →



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sieu — Téléphone 20.821 — SAIGON

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

14, Nguyễn-Công-Trứ, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES :

LONDON

Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2

TOKYO

No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo

HONGKONG

60, Bonham Strand West.

CENTRAL DISTRICT

Shell House, Queen's Road.

KOWLOON

580 A. Nathan Road Kowloon.

SINGAPORE

64 South Bridge Road.

KUALA LUMPUR

14 Ampang Street

FOREIGN EXCHANGE BANK
THE BANK OF TOKYO LTD

HEAD OFFICE ; TOKYO JAPAN

SAIGON OFFICE

No 12 - 22, Dai lo HAM NGHI

Tel : 25.807-25.808 P.O. Box No M. 7

DOMESTIC OFFICES

Head Office - Ginza - Yaesu-dori - Ningyocho - Marunouchi -
Yurakucho - Hibiya - Shimbashi - Asakusa - Uchisaiwai-cho -
Yokohama - Shimizu - Nagoya - Akatsuka - Osaka - Senba -
Shinsaibashi - Kobe - Tor Road - Hiroshima - Shimonoseki -
Fukuoka - Nagasaki - Sapporo - Otaru.

OVERSEAS OFFICES

New York - San Francisco - Los Angeles - Seattle - Rio De
Janeiro - Sao Paulo - Buenos Aires - London - Hamburg -
Dusseldorf - Paris - Karachi - Bombay - Calcutta - Vientiane -
Kuala Lumpur - Singapore - Hong Kong - Bangkok.

REPRESENTATIVES OFFICE

Chicago - Houston - Toronto - Mexico City - Lima - Brussels -
Lagos - Johannesburg - Beyrouth - Baghdad - Teheran - New Delhi -
Rangoon - Phnom-Penh - Djakarta - Manila - Sydney - Cairo
Frankfurt - Vancouver.

THE BANK OF TOKYO OF CALIFORNIA

San Francisco - Los Angeles - Gardena - San Jose

THE BANK OF TOKYO TRUST COMPANY

New York

BÁCH - KHOA

Bán nguyệt-san

Biên Khảo, Nghị Luận, Văn Nghệ

160, Phan-Đình-Phùng

Đ. T. 25.539 — H. T. 339

SAIGON

:-

PHIẾU MUA BACH-KHOA

DÀI HẠN

Phương danh độc giả _____

Địa chỉ _____

Thời hạn mua (1) _____ bắt đầu từ _____

Thẻ thức trả tiền _____

_____ ngày _____ tháng _____ 1962

Ký tên,

Giá báo dài hạn :

Một năm : 200 \$

6 tháng : 100 \$

● Mua dài hạn Bách-Khoa

— Các bạn ở Saigon sẽ có người giao báo tận nhà.

— Các bạn ở xa sẽ được gửi đến chỗ ở, thất lạc số nào nhà báo sẽ gửi lại số đó.

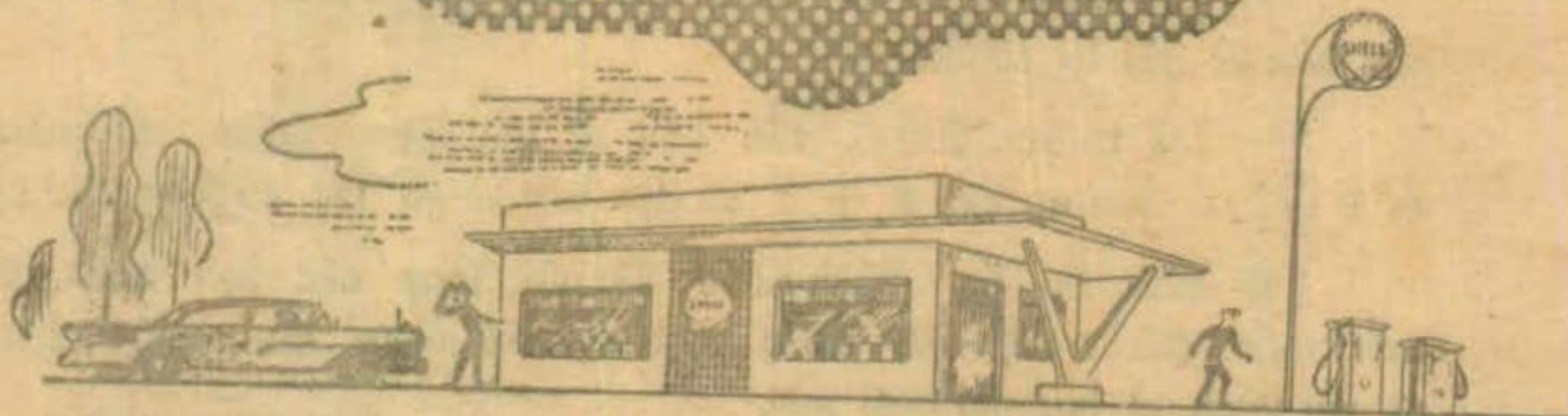
— Trả trước 200 \$, các bạn sẽ tiết kiệm được mỗi năm 60 \$ (22 số thường 220 \$ + 2 số đặc biệt và số Tết 40 \$ = 260 \$)

● Mua dài hạn Bách-Khoa để gửi tặng các bạn quen là một món quà trang nhà trong mọi dịp kỷ niệm mà người nhận sẽ vui thích và lưu giữ mãi mãi.

(1) Một năm hoặc 6 tháng.

(2) Trả tiền mặt, hay bằng chi phiếu hoặc gửi bưu phiếu.

Dầu nhớt giữ máy xe luôn luôn sạch-sẻ



hơn **50** năm tại Việt-Nam



TRONG GIA-ĐÌNH ÊM-ÀM

HAY TRÊN ĐƯỜNG XA

KHÁT MỆT

Chỉ có



NUỐC-NGỌT "CON-COT"



Chai HÒA TIỀN !

COTAB



Cigarettes
VIRGINIE

Quản-nhiệm :

HUỶNH-VĂN-LANG

Chủ-nhiệm :

Tòa soạn

100, Phan-Bình-Phụng — SAIGON

Dãy số : 25.539

In tại VĂN-HÓA AN-QUÁN

412-414, Trần-Hung-Báo — SAIGON

Giá : 10\$

Công số : 15\$

<http://tieuun.hopto.org>